LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ BÌNH TRUNG
(1947 - 2014)

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Hứa Thị Vui

Bí thư Đảng ủy xã - Trưởng ban

Bàn Văn Bình

Phó Bí thư, Thường trực Đảng ủy xã - Phó ban Thường trực

Hà Văn Duẩn

Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Phó ban

Ma Khánh Kính

ĐUV, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã - Ủy viên

Ma Thị Nga

ĐUV, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã - Ủy viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Bàn Văn Bình

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã - Trưởng ban

Ma Doãn Tường

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Phó ban

Ma Doãn Thượng

Đảng viên 50 năm tuổi Đảng - Ủy viên

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ BÌNH TRUNG
HUYỆN CHỢ ĐỒN - TỈNH BẮC KẠN

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ BÌNH TRUNG
(1947 - 2014)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NÓI ĐẦU

Bình Trung là 1 trong 22 xã, thị trấn của huyện Chợ Đồn. Đây là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, là ATK (An toàn khu) của Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Trong suốt chặng đường lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân Bình Trung đã anh dũng đứng lên đánh đuổi giặc ngoại xâm, chống chọi với thiên tai, đem lại sự bình yên cho xóm bản. Những nỗ lực của các thế hệ người dân nơi đây kế tiếp nhau sinh cơ, lập nghiệp đã tạo nên một vùng quê gắn bó và phát triển không ngừng cùng những thăng trầm của lịch sử dân tộc.

Là một xã vùng cao, con người Bình Trung từ ngàn xưa đã biết tận dụng những lợi thế của thiên nhiên để phát triển kinh tế và chống chặn, đánh đuổi giặc ngoại xâm. Người dân Bình Trung cần cù, giàu trí sáng tạo, chịu thương, chịu khó. Từ khi Chi bộ Đảng Thành Công ra đời (năm 1947) đến khi thành lập Đảng bộ (năm 1982), đến nay Đảng bộ Bình Trung không ngừng lớn mạnh và trưởng thành về mọi mặt. Trong suốt chặng đường đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, người dân Bình Trung một lòng đi theo Đảng làm cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng quê hương đất nước.

Nhận thức rõ điều đó, trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng bộ xã Bình Trung luôn xác định việc tổng kết thực tiễn, giáo dục truyền thống là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Năm 2013, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28 tháng 8 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về việc "Tăng cường và nâng cao công tác biên soạn, xuất bản lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam"; chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Chợ Đồn về đẩy mạnh công tác biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương. Đồng thời, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã mong muốn có được một công trình nghiên cứu, một cuốn sách biên soạn về Lịch sử Đảng bộ xã nhà, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bình Trung khóa X (nhiệm kỳ 2010-2015) đã ra Nghị quyết về việc nghiên cứu - biên soạn cuốn "**Lịch sử Đảng bộ xã Bình Trung 1947-2014**" dựa trên sự kế thừa, bổ sung tập bản thảo viết tay Lịch sử Đảng bộ xã Bình Trung đã được sưu tầm, biên soạn trước năm 2011.

Nội dung cuốn sách phản ánh khái quát vùng đất, con người và một số nét đặc trưng văn hóa của xã Bình Trung. Đồng thời, ghi lại một cách chân thực có hệ thống những nét cơ bản trong tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của xã, đặc biệt là chặng đường đấu tranh cách mạng vẻ vang của nhân dân các dân tộc Bình Trung dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, Đảng bộ xã.

Cuốn sách ra mắt bạn đọc là sự nỗ lực của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bình Trung, các đồng chí trong Ban Chỉ đạo biên soạn, Ban Sưu tầm, Ban Nghiên cứu - biên soạn,

cũng như sự tham gia nhiệt tình cung cấp thông tin - tư liệu của các đồng chí đảng viên, các đồng chí nguyên là lãnh đạo xã qua các thời kỳ - những nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ cách mạng. Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bình Trung xin trân trọng ghi nhận những đóng góp của các đồng chí, cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, các ban ngành đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Đảng bộ xã Bình Trung trong suốt chặng đường gần 70 năm xây dựng và trưởng thành, đã trải qua nhiều sự biến đổi của lịch sử. Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do những nguyên nhân chủ quan và khách quan nên cuốn sách không tránh khỏi các thiếu sót, hạn chế. Do vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bình Trung rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhân chứng lịch sử, các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã Bình Trung cũng như bạn đọc gần xa để cuốn "**Lịch sử Đảng bộ xã Bình Trung 1947-2014**" tái bản lần sau được hoàn thiện hơn.

T/M BCH ĐẢNG BỘ XÃ BÌNH TRUNG

Bí thư - Trưởng Ban chỉ đạo

Hứa Thị Vui

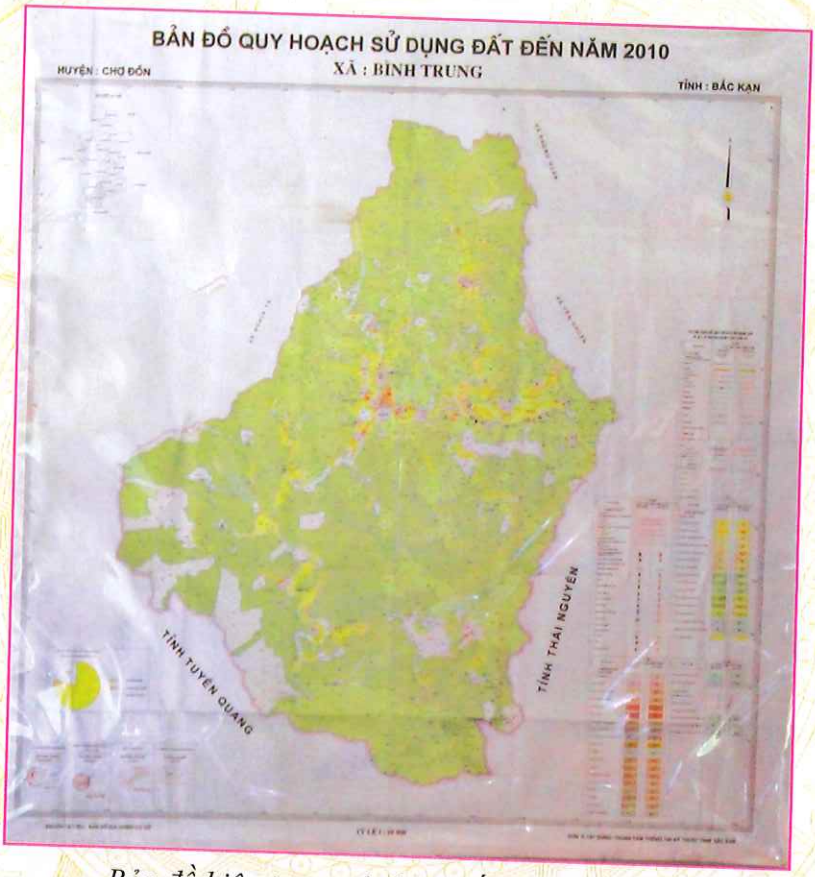

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Bình Trung

Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Bình Trung

Nhà Bia tưởng niệm liệt sỹ xã Bình Trung

Chương I

XÃ BÌNH TRUNG - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI

Xã Bình Trung nằm ở phía Nam huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, cách trung tâm huyện 27km, cách trung tâm tỉnh Bắc Kạn 56km. Xã có tổng diện tích tự nhiên theo Chỉ thị 364 của Chính phủ là 6.537ha, có tuyến Tỉnh lộ 254 nối liền huyện đi qua trung tâm xã, hướng phía Nam nối với quốc lộ 3, qua huyện Định Hóa (tỉnh Thái Nguyên). Là xã nằm trên tuyến đường nối hành lang phía Bắc và phía Đông của tỉnh Tuyên Quang, đồng thời kết nối với trung tâm 5 xã lân cận: Nghĩa Tá, Phong Huân, Lương Bằng, Yên Mỹ, Yên Nhuận. Xã có vị trí tiếp giáp:

- Phía Bắc giáp xã Phong Huân và xã Nghĩa Tá.

- Phía Nam giáp xã Quy Kỳ, xã Bảo Linh (huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên).

- Phía Đông giáp xã Yên Nhuận.

- Phía Tây giáp xã Trung Minh (huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang).

Xã có những nét đặc trưng của khí hậu miền núi Bắc Bộ, nhiệt đới gió mùa, trong năm có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông nhưng có 2 mùa rõ rệt nhất là mùa đông khô và lạnh; mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình năm là 21,2^{0}C, hướng gió chính là gió Đông Nam.

Xã Bình Trung có nền sản xuất nông nghiệp là chính, chiếm tới 90% tỷ trọng tổng giá trị sản phẩm, nhưng do thời tiết ở Bình Trung khá thất thường, có năm mưa thuận, gió hòa nhưng cũng có năm mưa lũ, ngập lụt, có năm nắng hạn kéo dài. Ngoài ra mưa đá, sương muối khắc nghiệt cũng gây thiệt hại không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp của nhân dân trong xã.

Tài nguyên đất của xã tương đối phù hợp cho sản xuất nông nghiệp, gồm 2 loại đất chính:

Đất Feralit đỏ vàng phát triển trên phiến thạch sét và đá biến chất với tầng đất dày trung bình, thành phần cơ giới thịt nhẹ hoặc pha sét, kết cấu tốt, tỷ lệ đạm trung bình. Trên đất có thảm thực vật che phủ và có tỷ lệ mùn khá cao, loại đất này thích hợp cho trồng cây công nghiệp như quế, chè và cây ăn quả.

Đất dốc tụ và đất phù sa ven sông, suối phân bố ở các thung lũng và dọc theo các triền sông suối. Tầng đất dày, thành phần cơ giới thịt nặng đất sét, đất chua, hàm lượng dinh dưỡng khá cao, thích hợp cho trồng cây lương thực, thực phẩm.

Núi rừng của Bình Trung là núi đất, độ cao trung bình 400m so với mặt nước biển, có ngọn núi Khau Liềng cao

695m. Xã có 2 dãy núi dài nhất, một dãy từ xã Yên Mỹ xuống Yên Nhuận vào Bình Trung, đi suốt phía Nam của xã từ đèo So qua Khuổi Đẩy, Khuổi Chang đến Pác Khuổi Pình. Đỉnh cao Phu Lang Liêng của dãy núi này là đường phân thủy địa giới của Bình Trung với xã Quy Kỳ và xã Bảo Linh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Một dãy từ xã Lương Bằng xuống xã Nghĩa Tá vào Bình Trung, nối liền Khau Liềng với Khau Quầy xuống đến Pác Khuổi Pình. Đỉnh của dãy núi này là đường phân thủy địa giới phía Tây của xã Bình Trung với xã Trung Minh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Hai dãy núi này trùng trùng điệp điệp như bao bọc lấy mảnh đất Bình Trung.

Diện tích đất lâm nghiệp của xã (năm 2010) là 5.812,30ha, trong đó đất rừng tự nhiên sản xuất chiếm phần lớn với 3.918,07ha. Rừng tự nhiên của xã có độ che phủ thực vật tương đối khá với các loại cây gỗ quý như dổi, re, sến, chò chỉ, đinh, chò nâu, trám... và nhiều vầu, nứa, giang, mai, tre, hóp, nghệ, lá cọ... Ngoài ra, Bình Trung cũng có nhiều hổ, báo, gấu, hươu, nai, lợn rừng, khỉ, chó sói, rắn các loại, trăn... các loại ong: ong mật, ong vò vẽ, ong đầu bạc và các loại cây thuốc quý như hoàng đằng, bách bộ, ba kích, cẩu tích, xa nhân...

Chế độ thủy văn của xã khá dày đặc với hệ thống những con suối có dòng chảy thay đổi theo mùa. Xã Bình Trung có 2 con suối và một con sông chính: suối thứ nhất từ xã Yên Mỹ xuống Yên Nhuận vào Bình Trung, suối thứ hai từ xã Ngọc Phái qua Bằng Lãng xuống Nghĩa Tá vào Bình Trung. Hai con suối này hợp lưu tại trung tâm

xa, hình thành vùng thượng lưu sông Phó Đáy chảy theo hướng Tây Nam và chảy qua huyện Yên Sơn (tỉnh Tuyên Quang). Ngoài các con sông chính còn có hàng chục khe suối nhỏ thuận tiện cho việc dẫn nước vào các đồng ruộng ở trong khe. Từ những năm 70 của thế kỷ XX trở về trước, ở các sông suối còn đa dạng nhiều loại cá, đến nay còn phổ biến là cá chầy, cá chép, cá quả...

Lưu lượng nước trung bình trên các dòng sông, suối là 200m^3 - 800m^3. Mùa mưa tốc độ dòng chảy lớn dễ gây sạt lở đất và lũ quét vùng dọc ven suối, tuy nhiên mưa lũ cũng bồi đắp một lượng phù sa đáng kể cho một số soi bãi và đồng ruộng. Mùa khô, do mặt phủ của rừng suy giảm, nhiều dòng suối đã trở thành khe cạn, thiếu nước phục vụ canh tác dẫn đến bất lợi cho đời sống của nhân dân và ảnh hưởng đến năng suất cây trồng.

Đến nay trên địa bàn xã đã cứng hóa được một số tuyến mương, phần nào phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, trong tương lai, xã cần tập trung tu bổ và xây dựng một số tuyến mương, phai đập để đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

Nguồn tài nguyên nước của xã dồi dào với nguồn nước mặt[1] tương đối phong phú, lượng mưa trung bình khoảng 1.700mm. Đây là nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trên địa bàn xã. Nguồn nước ngầm cũng phong phú nhưng việc khai thác sử dụng còn hạn chế do tập quán sinh hoạt cũng như sản xuất

1. *Nước mặt là nguồn nước từ ao, hồ, sông, suối....*

của nhân dân, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng nguồn nước, do đó cần phải xử lý trước khi đưa vào sử dụng trong sinh hoạt.

Xã Bình Trung có 6 dân tộc[1] chủ yếu cùng sinh sống, dân số năm 2010 là 678 hộ (tương đương 2.882 nhân khẩu), phân bố ở 15 thôn bản, bình quân 4,47 người/hộ. Diện tích đất ở tính đến ngày 1-1-2010 là 60,61ha; bình quân 908,69m²/hộ. Xã có tỷ lệ tăng dân số trung bình là 1,2%.

Theo tiêu chí đánh giá xây dựng nông thôn mới năm 2010, thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 7.500.000đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm 35,6%. Nhìn chung, thu nhập của nhân dân còn thấp so với bình quân chung của huyện.

Số lao động địa bàn xã năm 2011 là 1.357 người. Số người trong độ tuổi lao động chiếm 44,45%. Trong đó, có 80% là lao động nông nghiệp; 5% là lao động dịch vụ và 15% là hành chính sự nghiệp. Hiện nay, vấn đề việc làm cho người lao động đang là vấn đề được chính quyền cũng như nhân dân xã rất quan tâm. Hướng giải quyết công ăn việc làm cho người lao động được xã xác định cần phải kết hợp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành nghề sử dụng nhiều lao động phổ thông, gắn mục tiêu giải quyết việc làm với chiến lược phát triển kinh tế, ổn định an sinh xã hội.

---

1. Dân tộc Tày chiếm 51,1%; dân tộc Kinh chiếm 1,23%; dân tộc Dao chiếm 25,2%; dân tộc Mông chiếm 18,52%; dân tộc Nùng chiếm 2,26%; dân tộc San Chí chiếm 0,37%, các dân tộc khác là 1,32%.

Là xã đặc biệt khó khăn, thuộc diện Chương trình 135 nên Bình Trung gặp rất nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội. Nền kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông - lâm nghiệp; hoạt động chủ yếu là trồng cây lương thực, cây lâm nghiệp và chăn nuôi. Trong những năm tới, để tăng thu nhập cho nhân dân, Đảng bộ và chính quyền xã chủ trương vận động nhân dân đổi mới cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, thâm canh tăng vụ, phát triển chăn nuôi, chuyển từ sản xuất nông nghiệp tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa và dịch vụ, đặc biệt lấy phát triển lâm nghiệp làm thế mạnh của xã trong phát triển kinh tế.

Xã có tuyến Tỉnh lộ 254 và 254B chạy qua, trong đó tuyến 254 là trục giao thông huyết mạch chính qua trung tâm xã, kết hợp với các tuyến đường liên xã, liên thôn tạo thành một hệ thống giao thông đường bộ khá đầy đủ. Tỉnh lộ 254B có hướng tuyến về phía Đông. Tổng chiều dài 2 tuyến tỉnh lộ khoảng 9km, đã được cứng hóa. Chất lượng giao thông hiện tại có thể đáp ứng nhu cầu vận tải nội xã trong thời gian ngắn, về lâu dài cần được nâng cấp, mở rộng cho phù hợp theo sự phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với tuyến giao thông đối ngoại, giao thông nông thôn của xã có tổng chiều dài 21km. Các tuyến liên thôn chưa hoàn chỉnh, gây khó khăn cho người dân trong xã trong việc giao lưu buôn bán, thông thương hàng hóa. Đường nội thôn có tổng chiều dài hơn 30km, tất cả là đường đất nên đi lại khó khăn, nhất là vào mùa mưa lũ, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Như vậy, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên ở Bình Trung chưa thực sự thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu với các vùng xung quanh. Trong tương lai, để phục vụ nhu cầu phát triển chung, Bình Trung cần phải có hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện, trong đó quan trọng nhất là hệ thống điện - đường - trường - trạm cần phải được chú trọng đầu tư nâng cấp, xây dựng mở rộng.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LÀNG XÃ

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Bình Trung chỉ là 2 thôn: thôn Quảng Bình của xã Phong Huân[1] và thôn Tân Trung của xã Nghĩa Tá, thuộc tổng Nghĩa Tá, châu Tuyên Hóa[2]. Đến thời nhà Nguyễn, châu Tuyên Hóa được gọi là Định Hóa, năm Minh Mạng thứ 3 (năm 1822), Định Hóa được đổi tên thành Định Châu. Năm 1835, Minh Mạng tách một số châu thuộc phủ Phú Bình lập ra phủ mới gọi là phủ Tòng Hóa, châu Định Hóa thuộc phủ Tòng Hóa gồm 9 tổng, 36 xã.

Năm 1900, tỉnh Bắc Kạn được thành lập theo nghị định của toàn quyền Đông Dương Đume (Doumer). Năm 1911, châu Chợ Đồn được thành lập, bao gồm 2 tổng: Đông Viên và Nhu Viễn. Năm 1914, chính quyền thực dân Pháp cắt tổng Nghĩa Tá (gồm 6 xã phía Nam huyện

---

1. Xã Phong Huân gồm các thôn: Tông Quận, Pác Cộp, Khuổi Huân, Nà Tấc, Bản Thít, Bản Pièo, Bản Pình.

2. Theo sách "Dư địa chí" của Nguyễn Trãi, tên Tuyên Hóa đã có từ thời Lê.

Chợ Đồn, trong đó có xã Bình Trung) thuộc Thái Nguyên, sáp nhập vào châu Chợ Đồn thuộc tỉnh Bắc Kạn. Như vậy, trước năm 1945, xã Bình Trung thuộc tổng Nghĩa Tá, châu Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Để phù hợp với giai đoạn hoạt động và xây dựng phong trào cách mạng lúc bấy giờ, tháng 4-1945, tổng Nghĩa Tá được chia thành 4 khu: khu Hưng Đạo (xã Nghĩa Tá ngày nay), khu Bạch Đằng (xã Lương Bằng ngày nay), khu Quang Toản (xã Phong Huân, Bình Trung ngày nay), khu Bình Trọng (xã Yên Nhuận, Yên Mỹ ngày nay).

Năm 1946, xã Thành Công và Thắng Lợi được thành lập. Xã Bình Trung thời điểm đó thuộc xã Thành Công.

Ngày 25-3-1948, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 148/SL, các danh từ phủ, châu, quận được đồng nhất gọi là cấp huyện. Cũng trong thời gian này, để đảm bảo yêu cầu giữ bí mật cho cuộc kháng chiến chống Pháp, phần lớn địa danh các xã trong tỉnh đều được đặt và gọi theo tên khác.

Ngày 28-4-1958, xã Bình Trung được thành lập trên cơ sở tách xã Thành Công. Xã Bình Trung gồm có thôn Quảng Bình của xã Thành Công, thôn Bản Ca và thôn Tân Trung của xã Thắng Lợi. Tại thời điểm thành lập, xã Bình Trung gồm các bản Tông Quận, Khuổi Liên, Nà Đon, Nà Quân, Nà Oóc, Nà Hấn, Nà Phầy, Khuổi Nhàn, Bản Điếng, Khuổi Châng, Bản Tuốm, Khuổi Áng, Pác Khao, Bản Cha, Bản Pièo.

Những năm 60 của thế kỷ XX, sau khi tổ chức thành công các hợp tác xã nông nghiệp thì không còn đơn vị

thôn, mà chia thành 5 đơn vị hợp tác xã nông nghiệp: Hợp tác xã Quảng Bình, Hợp tác xã Nà Quân, Hợp tác xã Bản Điếng, Hợp tác xã Tân Trung, Hợp tác xã Bản Ca. Dưới hợp tác xã là các đội sản xuất theo đơn vị làng, bản. Từ sau năm 1991, các hợp tác xã ngừng hoạt động, không còn đội sản xuất, các thôn được thành lập.

Ngày 4-7-1998, xã tiếp nhận dân thôn Bản Pièo chuyển giao từ xã Bảo Linh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên về xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 1-7-1998 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Cũng trong năm 1998, thôn Vằng Dooc và thôn Khuổi Đẩy được thành lập theo Quyết định số 190 ngày 4-10-1998 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay, một số xóm đã được đổi tên: Khuổi Châng đổi thành Pác Nghiên, Pác Khao đổi thành Vằng Quân, Khuổi Liên đổi thành Đon Liên. Xã gồm có 15 thôn: Tông Quận, Đon Liên, Nà Oóc, Nà Quân, Nà Phầy, Bản Điếng, Bản Tuốm, Vằng Quân, Khuổi Áng, Bản Ca, Pác Pạu, Pác Nghiên, Khuổi Đẩy, Bản Pièo, Vằng Dooc.

III. DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - VĂN HÓA

Dân cư: Bình Trung là vùng đất đại ngàn, trong lịch sử đã phải trải qua những thời kỳ đầy biến động. Cư dân lớp này qua lớp khác hết quần tụ lại ly tán, phiêu bạt theo thời thế. Dân ngụ cư hiện nay mới có cuộc sống ổn định khoảng 300 năm trở lại đây. Trong các thời kỳ nội chiến, nhân dân có cuộc sống vô cùng khổ cực.

Từ thế kỷ XVII (năm 1670) đến cuối thế kỷ XIX, mặc dù tình hình chính trị, xã hội có nhiều biến động nhưng

vùng đất này vẫn ổn định. Dân cư ngày một đông đúc, đời sống kinh tế - xã hội phát triển.

Từ năm 1833-1835, vùng đất này phải trải qua nhiều ly tán, loạn lạc. Đó là ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa do Nông Văn Vân[1] lãnh đạo, chống lại chính sách hà khắc của nhà Nguyễn, bắt đầu từ Bảo Lạc - Cao Bằng lan xuống hầu khắp các tỉnh như Tuyên Quang, Thái Nguyên sau đó là nạn thổ phỉ Tạ Văn Sơn, Lê Khai Nguyên từ Vân Nam (Trung Quốc) tràn sang năm 1859. Mấy năm sau, triều đình nhà Nguyễn nhiều lần đem quân lên dẹp giặc cờ vàng - tàn quân của cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc bên nước Trung Quốc do Lương Tam Kỳ cầm đầu với khoảng 1.000 quân tràn sang nước ta, lấy vùng rừng núi Định Hóa làm căn cứ (từ năm 1867). Sau đó, triều đình Mãn Thanh cử đô đốc Phùng Tử Tài sang truy đuổi, hai bên đánh nhau và đều ra sức cướp bóc của cải của nhân dân ta.

Trải qua một thời gian dài trong lịch sử, dân số Bình Trung ngày càng phát triển.

Năm 1910, dân số xã có khoảng 25 hộ, 190 nhân khẩu.

Năm 1930, có khoảng 45 hộ với 345 nhân khẩu.

Tổng điều tra dân số ngày 1-3-1960, xã Bình Trung có khoảng 112 hộ với 676 nhân khẩu, gồm 2 dân tộc chính là Tày và Dao.

---

1. Nông Văn Vân là thủ lĩnh cuộc nổi dậy chống nhà Nguyễn của các dân tộc vùng Việt Bắc trong lịch sử Việt Nam.

Tổng điều tra dân số tháng 4-1979, xã có 179 hộ, 1.253 nhân khẩu.

Tổng điều tra dân số ngày 1-4-1989, xã có 256 hộ với 1.601 nhân khẩu.

Tổng điều tra dân số ngày 1-4-1999, xã có 611 hộ với 2.971 nhân khẩu. Có 3 dân tộc chính là Tày, Dao và Mông (hay còn có tên khác là H'Mông, H Mông...).

Cùng với lịch sử hình thành làng xã, dân cư là sự xuất hiện các dân tộc cùng đến sinh sống ở Bình Trung. Trước những năm 1900, có thể Bình Trung mới có dân tộc Tày, nguồn gốc từ tỉnh Tuyên Quang sang, Cao Bằng xuống và Thái Nguyên lên. Sau dân tộc Tày là dân tộc Dao. Từ năm 1986, dân tộc Mông từ các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng đến cư trú. Tuy nhiên, đến nay cũng còn nhiều hộ chưa định canh, định cư. Dân tộc Kinh ở xã rất ít, chủ yếu là những người ở miền xuôi lên, làm công nhân, bộ đội rồi lập thân, lập nghiệp. Dân tộc Nùng đến xã trong sự kiện chiến tranh biên giới phía Bắc vào tháng 2-1979, đồng bào đã sơ tán đến xã và cư trú tại đây.

Các dân tộc sinh sống ở Bình Trung tuy có những phong tục, tập quán riêng và đến cư trú vào từng thời kỳ lịch sử khác nhau song đều có chung nguồn gốc "con Lạc, cháu Hồng", nhân dân các dân tộc đều sống trong sự đoàn kết, cưu mang, đùm bọc lẫn nhau.

Hoạt động kinh tế - văn hóa: Trải qua nhiều thời kỳ và giai đoạn lịch sử khác nhau, nhân dân Bình Trung đã có truyền thống trồng lúa nước, từng bước chuyển giao

khoa học - kỹ thuật trong cây trồng và giống mới có năng suất cao vào gieo trồng. Từ các giống lúa Khẩu lay, Khẩu tác, Khẩu mố đến Mộc tuyền, Bao thai cùng lúa và ngô lai các loại. Từ chỗ cấy thưa, nhiều dảnh đến cấy dày, ít dảnh. Bên cạnh lúa nước, nhân dân còn trồng lúa nương, khoai, sắn, đậu đỗ các loại, chủ yếu là tự cung, tự cấp.

Chăn nuôi gồm có trâu để cày; ngựa để thồ; lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng được nuôi thêm để cải thiện bữa ăn. Trước năm 1960, rất ít nhà có ao nuôi thả cá, nếu có chỉ là ao nhỏ khoảng vài trăm mét vuông. Nguyên nhân là do thời kỳ này sông suối còn nhiều cá, nhân dân có thể tự đánh bắt được nên việc chăn nuôi mặt nước chưa phát triển.

Qua từng thời kỳ, ngoài làm guồng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhân dân Bình Trung đã tích cực đóng góp công sức phát triển các công trình thủy lợi. Trước năm 1960, còn có những mương máng và phai nhỏ, khi đến vụ đắp lại hoặc sửa chữa đơn giản, mất ít công. Từ năm 1961 trở lại đây, cơ chế làm ăn tập thể trong hợp tác xã nông nghiệp phát triển mạnh, các công trình thủy lợi được đầu tư, từ đây sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao hơn.

Như nhiều địa phương khác, nhân dân Bình Trung rất cần cù, chịu khó, khéo tay do đó hầu hết đồ dùng sinh hoạt hàng ngày trong gia đình như: thúng, mủng, nong, nia, dần, sàng, dậu, pện phơi thóc, nón lá cọ, trồng bông kéo sợi, quay tơ, dệt vải... đều do người phụ nữ tự làm lấy. Còn những công việc đòi hỏi sức khỏe nhiều hơn như làm: khung cửi, khung dệt, khung ép tách hạt bông bằng

gỗ, đóng quạt thóc bằng sức gió quay tay; tự xẻ cột, kèo; xuyên, đục, đẽo gỗ làm nhà; làm cối xay thóc, cối giã gạo bằng chân đạp, cối giã gạo bằng tay, cối giã gạo bằng sức nước (chộc pặt, chộc nặm)... là phần việc do người đàn ông đảm nhiệm. Tuy nhiên, những công việc trên chỉ là việc nhỏ lẻ của từng gia đình, chưa thành làng nghề truyền thống hay hàng hóa để trao đổi ra thị trường.

Trước năm 1945, xã Bình Trung đã tổ chức cho nhân dân họp chợ ở Bản Điếng, sau đó chuyển chợ lên khu vực Tông Quận. Tuy nhiên, do dân cư ít lại sinh sống rải rác, đường giao thông chưa thông suốt nên việc trao đổi hàng hóa bị hạn chế, chợ họp được 1-2 năm rồi phải ngừng hoạt động. Những năm tháng không có chợ, đặc biệt thời xưa khi chưa có đường giao thông thuận tiện, các con đường chủ yếu là đường mòn, rậm rạp, nhân dân trong xã phải đi bộ sang Chợ Chu (huyện Định Hóa - Thái Nguyên) xa hơn 20km để trao đổi hàng hóa. Trước năm 1945, dưới thời Pháp cai trị, Bình Trung chỉ có 1 con đường nhỏ, hẹp từ đồn Bản Điếng đi qua các xã ra chợ của thị xã Bắc Kạn cách 56km. Năm 1963, Nhà nước mở con đường từ huyện Định Hóa (Thái Nguyên) lên làm lâm trường ở xã, nhưng chủ yếu làm bằng thủ công nên việc đi lại hầu như chưa được cải thiện đáng kể. Năm 1965, sau khi sáp nhập tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái, Nhà nước cho làm con đường từ huyện Định Hóa (Thái Nguyên) lên huyện Chợ Đồn (Bắc Kạn), nay là đường 254, chạy qua địa bàn xã Bình Trung gần 10km. Con đường này đã mở ra triển vọng giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội của Bình Trung với các địa phương khác.

Ăn, mặc, nhà ở: Nhà ở: Nhà của đồng bào các dân tộc ở Bình Trung hầu hết đều làm theo tập quán từ xưa. Trước tiên xem tuổi làm nhà cho thích hợp, sau đó xem ngày, tháng và giờ dựng nhà hoặc xây móng, thường là giúp nhau khâu đục, đẽo, dựng, lợp. Từ năm 1965, mỗi bản đều tổ chức một tổ xã hội để giúp nhau làm nhà, ma chay, ngoài công làm còn góp lá cọ, gạo làm nhà; góp gạo và củi đuốc, tiền mặt khi có ma chay. Đến nay, phong tục đó vẫn được duy trì.

Các loại hình nhà ở: người Tày ở nhà sàn, người Dao và người Mông làm nhà đất. Trước năm 1945, nhà sàn có 2 loại: loại có cột cái, loại có cột nóc, đa số cột đều chôn đất. Sau năm 1945, các loại hình nhà ở dần phát triển, từ sau năm 1980 cả nhà sàn và nhà đất đều được xẻ vuông thành sắc cạnh, kê đá, trung bình có 2 gian chính và 2 gian chái (6 cột cái, 6 cột quân), bằng 8-10 cột cái, chưa tính cột hiên, có một số nhà rộng 5 gian chính và 2 trái, lợp lá cọ, phên liếp bằng nứa đan long đôi, dát nhà bằng cây nghệ, mai, vầu. Từ khi có thêm dân tộc Mông, người Mông cũng làm nhà giống nhà người Dao nhưng một số ít làm nhà trình tường. Từ năm 2000, những nhà rộng, dài có chiều hướng thu hẹp lại, nhiều nhà sàn đã bán cho người miền xuôi rồi làm nhà đất và cũng từ đây xuất hiện kiểu nhà đất 2 tầng (ở cả tầng đất và tầng sàn) có một số bắt đầu làm nhà xây cấp 4 dân dụng, lợp ngói, lợp Fibro hoặc vẫn lợp lá cọ, có một số ít đã xây nhà tầng.

Trang phục: trước năm 1945, phụ nữ Tày và Dao địa phương đều mặc váy và áo dài.

Váy, áo, thắt lưng, khăn vấn tóc, khăn mỏ quạ của người Tày đều dùng màu đen, không có thêu thùa. Ngày thường và ngày lễ tết đều mặc cùng trang phục. Sau năm 1945, váy của chị em dần được thay thế bằng những chiếc quần đen. Từ những năm 60 của thế kỷ XX, trang phục của phụ nữ Tày đã gần như thay đổi hoàn toàn, từ màu đen chuyển sang màu sắc, từ áo dài sang áo bà ba ngắn, từ vấn khăn sang kẹp tóc, trong những ngày lễ, tết, đám cưới còn mặc áo dài, nay đã gần bị mai một.

Áo váy của phụ nữ Dao Tiền cũng nhuộm chàm màu đen, nhưng lại thêu thùa nhiều đường nét hoa văn, đặc trưng của dân tộc (dạng thổ cẩm) rất cầu kỳ. Tóc búi đằng sau và bôi sáp ong, khăn đầu nền trắng cũng thêu những đường nét hoa văn nhưng đơn giản hơn váy áo, vòng quanh đầu, vắt hai đầu khăn qua đỉnh đầu, thắt lưng bằng vải nhỏ bản và ngắn (không buông dài đằng sau như phụ nữ Tày). Qua thời gian, cùng với sự phát triển của xã hội, đến nay trang phục ngày thường của phụ nữ Dao đã được thay bằng nhiều màu sắc, kiểu dáng thời trang may sẵn ở chợ, cũng kẹp tóc, không còn bôi sáp như trước. Nhưng những ngày tết, ngày lễ, nhất là trang phục cô dâu trong ngày cưới vẫn còn giữ được bản sắc trang phục của dân tộc.

Phụ nữ dân tộc Mông mặc váy và áo ngắn, thêu thùa nhiều đường nét hoa văn cầu kỳ và sặc sỡ hơn. Người Mông Hoa, Mông Trắng, Mông Đen đều có cách thể hiện họa tiết khác nhau trên áo và váy của phụ nữ, khăn đội của phụ nữ Mông nhất là con gái kết nhiều tua lung linh, sặc sỡ. Đến nay, trang phục phụ nữ Mông vẫn còn được giữ nguyên bản sắc, kể cả ngày lễ, tết, ngày thường và đi chợ.

Trang sức chủ yếu của phụ nữ thường có nhẫn, hoa tai, vòng cổ, vòng cổ tay, dây chuyền bằng bạc.

Quần áo nam của các dân tộc Tày, Dao, Mông nói chung đều giống nhau. Trước năm 1945 đều là quần áo tiện y, mũ vải tự khâu, nay vẫn còn duy trì quần áo tiện y đối với người già, còn trẻ em, thanh thiếu niên và trung niên quần áo âu phục may sẵn. Trước 1945, đến mùa rét người dân chỉ biết mặc thêm mấy cái áo cho đỡ rét, lúc đó chưa có giầy dép. Sau năm 1954, có áo sợi rồi áo len đến áo bông cho mùa lạnh. Đến nay đã có đầy đủ các loại áo cho cả 2 mùa.

Ăn uống và văn hóa ẩm thực: Nói chung bữa ăn hàng ngày của các dân tộc trong xã đều giống nhau, cơm tẻ và rau xanh, thỉnh thoảng có con gà, con cá tự nuôi để cải thiện. Một số người Mông ăn ngô bột đồ (mèn mén) ngày giỗ, ngày tết có thêm xôi, bún, bánh, thịt gà, vịt, thịt lợn. Đám cưới cũng chỉ có các món thông thường được chế biến từ thịt lợn, thịt gà. Trong các dịp giỗ, tết, cưới xin của đồng bào các dân tộc Bình Trung không thể thiếu rượu. Người Tày và người Mông uống rượu nấu cất, người Dao uống rượu vạng (lẩu vạng). Đặc biệt, đám cưới người Mông, ngoài mâm trưởng họ và đại biểu mời thì họ hàng và bạn bè uống nước đường, nước khoáng, nước cam. Ngoài ra, vào những dịp lễ tết cổ truyền, giỗ... nhân dân còn thường làm các loại bánh chưng, bánh tét, bánh gio, bánh dầy, bánh trôi, bánh đúc, bánh dậm, bánh khảo, kẹo bỏng, kẹo lạc, kẹo vừng.

Văn học nghệ thuật: Trước năm 1954, dân tộc Tày cũng có phong trào lượn thương, lượn cọi của nam nữ

thanh niên vào các dịp lễ, tết cổ truyền hoặc có thanh niên nam nữ ở làng, bản khác đến bản chơi, viết thư tình bằng thơ theo làn điệu phong thư và thơ đối đáp trong đám cưới, nhưng nay đã mai một do đã không còn những nghệ nhân truyền lại cho thế hệ trẻ. Lớp thanh niên ngày nay cũng chưa biết yêu dân ca là bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Thanh niên nam nữ người Dao cũng có những làn điệu dân ca trữ tình, thường lượn vào những dịp lễ, tết cổ truyền, lễ cấp sắc, vào dịp có thanh niên nam nữ nơi khác đến chơi. Đến nay vẫn giữ nguyên được bản sắc dân ca của dân tộc. Riêng dân tộc Mông có những làn điệu dân ca phong phú hơn. Thanh niên nam nữ tìm hiểu tỏ tình với nhau bằng làn điệu của tiếng kèn môi du dương, thắm tình, gọi và hẹn gặp nhau từ núi bên này với người ở đồi bên kia bằng làn điệu của sáo trúc, sáo lá rất chân tình và tế nhị. Ngày nay vẫn còn duy trì và phát triển. Một số truyền thuyết, truyện cổ tích "cẩu khây", "pò ới"... hiện vẫn được truyền miệng trong nhân dân.

Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân các dân tộc Bình Trung: Giống như nhiều địa phương khác trên cả nước, nhân dân các dân tộc xã Bình Trung đều có tục thờ cúng tổ tiên, trong đó mỗi dân tộc lại có cách thờ riêng. Dân tộc Tày - nhà nào cũng có bàn thờ, thờ cúng tổ tiên riêng. Dân tộc Dao và dân tộc Mông lại tập trung thờ cúng ở nhà trưởng họ. Ngoài ra, dân tộc Dao còn có tục làm lễ cấp sắc cho mọi thanh thiếu niên (nam) từ 12 tuổi trở lên để chứng nhận người đó đã đến tuổi trưởng thành nói chung và nói riêng cho một số ít thanh thiếu niên muốn làm thầy cúng, thầy bói mới được đi theo học.

Trước năm 1945, việc dựng vợ gả chồng là do bố mẹ yêu cầu so tuổi (cáp minh) và qua nhiều bước lễ lạt như lễ dạm hỏi (mai nhầu), lễ xin mệnh (lặp minh), lễ khát cằm (quyết định lấy nhau), lễ gà (tiểu lễ), lễ cưới chính thức, lễ lại mặt. Cũng có một số ít đôi nam nữ tự tìm hiểu quyết định hôn nhân, nhưng cũng vẫn đủ các loại lễ trên. Lễ cưới trung bình nhà gái lấy gồm 80 cân ta thịt lợn (tương đương 50kg), gạo nếp 50 ống (tương đương 40kg), gạo tẻ 50 ống (40kg), rượu gạo nếp 50 chai dấm (tương đương 40 lít) và một số tiền mặt để cô dâu mua sắm quần áo, chăn, màn, ấm chén, nón dép... Mỗi đám cưới thường tổ chức từ 10-15 mâm, có đám chỉ 7-8 mâm. Trong đám cưới có thơ lẩu, ông "quan lang" đại diện nhà trai, bà "pả me" đại diện nhà gái sẽ đối đáp với nhau bằng làn điệu thơ đám cưới, nhắc nhở nguồn gốc và cố tích như dầu quả lai, vỏ quế làm hương, làm nhà, làm bàn thờ tổ tiên và khuyên cô dâu ăn ở, làm việc, đối xử lễ phép với gia đình nhà chồng.

Trước năm 1954, ma chay đều được tổ chức theo nghi lễ đón thầy tào cúng tế, phúng viếng từ 3-7 ngày đêm. Cũng có một số do điều kiện hoàn cảnh phải tiền táng, hậu tế. Trong thời gian tế lễ con cháu ăn chay, kiêng ăn thịt để tỏ lòng đau buồn, thương tiếc. Khi đưa tang con cháu quỳ lót đường người chết. Trong thời gian phúng viếng có hội giúp việc gọi là phường phe. Từ Tông Quận đến Bản Pièo làm một hội. Sau đó có các giỗ 40 ngày, 100 ngày, 1 năm để mãn tang cho con cháu và họ hàng nội ngoại, giỗ 3 năm mới mãn tang cho con trai, con gái và con dâu.

Từ năm 1961, nhân dân Bình Trung được học tập quy ước nếp sống mới về bài trừ mê tín dị đoan và các hủ tục lạc hậu. Từ đó quy ước được hưởng ứng thực hiện dần, những năm 70, quy ước được thực hiện khá triệt để, ma chay không dùng thầy tào, chỉ dùng ban lễ tang của hợp tác xã nông nghiệp hoặc ban lễ tang của xã. Cưới xin 2 bên nhà trai và nhà gái chung nhau 1 con lợn và không ghi tiền mặt mừng đám cưới. Từ năm 1984 nhân dân lại tự khôi phục đón thầy tào đến lễ.

Trong những ngày Tết Nguyên đán, chiều 30 tết nhà nào cũng cắm một cây nêu ở sân nhà, gần ngọn cây có buộc một chiếc bánh dọ (pẻng đăng). Sáng mùng 1 tết, sau khi thức dậy, mọi người mang ống bương ra bến nước (bó nặm) - nơi giặt giũ hàng ngày - để lấy nước, mong cho 1 năm được trong sạch, mát mẻ. Cũng trong ngày này, chủ gia đình cắt giấy đỏ dán vào những đồ vật, chuồng trại chăn nuôi của gia đình để cầu mong cho 1 năm ấm áp, no đủ.

Trước năm 1945, nhân dân các dân tộc ở xã có những kiêng kỵ riêng trong ngày tết Nguyên đán. Ngày mồng 1 tết kiêng không vào nhà người khác (có 2 hướng quan niệm, một là sẽ đem lộc vào nhà người khác; hai là nhà người khác sẽ đem điều không may mắn đến cho nhà mình). Cũng trong ngày này, nhân dân kiêng kỵ phơi quần áo ngoài trời, ra đường không đội nón nếu trời không mưa. Sau năm 1945, tục kiêng kỵ này đã dần được xóa bỏ.

Trước năm 1960, dân tộc Tày có đình làng để thờ thần thánh, trời đất. Hàng năm, mỗi khi vào dịp tết Nguyên đán

đến khi cúng định kỳ, mỗi nhà đều chuẩn bị một mâm cỗ để mang ra đình cúng chung. Sau phần lễ cúng là phần chơi hội, có các trò chơi như ném còn, kéo co... (gọi chung là hội lồng tồng). Đình Nà Đon thờ thần Khau Quản (lồng tồng chiều ngày 3-4 Tết Nguyên đán), đình Bản Điếng thờ thần Khau Trà (lồng tồng vào ngày 3 Tết), đình Tồng Puột thờ thần Khau Khao (lồng tồng chiều ngày 6 Tết), đình bản Pièo thờ thần Khau Quầy (lồng tồng chiều ngày 3 Tết)... Ngoài ra, vào chiều ngày rằm tháng bảy (15-7 âm lịch hàng năm), các đình đều cúng cầu trời mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu... Vào ngày này, các gia đình không làm cỗ riêng mà cùng nhau đóng góp gà, vịt sống đem ra đình làm thịt để cúng, rồi cùng nhau sinh hoạt ăn uống tại đình.

Thực hiện cuộc vận động "bài trừ mê tín dị đoan, thực hiện nếp sống mới", năm 1961, nhân dân Bình Trung đã từng bước nhận thức sâu sắc và hưởng ứng sôi nổi cuộc vận động. Từ năm 1961, các đình làng đã bãi bỏ không tổ chức cúng tế và chơi hội lồng tồng cho nhân dân. Riêng đình Bản Ca thờ thần Khuổi Phay, hiện nay vẫn tổ chức cầu đình vào ngày 4 tháng Giêng hàng năm. Từ năm 1967 đến nay, vào dịp tết Nguyên đán, xã có giao cho Ban văn hóa xã kết hợp với Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ xã tổ chức cho nhân dân vui xuân, không tổ chức phần lễ, chỉ tổ chức phần hội như tung còn, đánh bóng chuyền, kéo co, hái hoa dân chủ...

Trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân Bình Trung không có người nào theo đạo. Năm 1992,

có người của đạo Tin Lành ở miền Bắc đến khu vực người Mông để truyền đạo. Năm 1997, xã đã có hơn 200 người theo đạo. Ngày 28-8-2008, theo quy định và hướng dẫn của cấp trên, Ủy ban nhân dân xã Bình Trung cấp giấy chứng nhận cho 2 điểm nhóm Khuổi Đẩy, Vằng Dooc sinh hoạt đạo Tin Lành theo quy định của pháp luật.

Các di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ở Bình Trung: Tuy là một xã nghèo nhưng trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhân dân các dân tộc xã Bình Trung luôn một lòng hướng về "Đảng quang vinh, Bác Hồ vĩ đại". Hiện nay, trên địa bàn xã có 2 di tích lịch sử cấp quốc gia là nơi ở, làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Hội trường của Trung ương Đảng trong những năm kháng chiến chống Pháp.

Di tích Nà Quân nằm trên địa bàn xóm Nà Quân, xã Bình Trung. Những nhân chứng kể lại: Năm 1947, Bác Hồ cùng một số đồng chí lần đầu tiên vào Bình Trung, địa điểm Người tới là xóm Nà Quân. Tại đây, Người đã nói chuyện với nhân dân các dân tộc Bình Trung và khẳng định: Bác và các đồng chí ở đây không phải là quân cướp phá, hại dân mà là những người muốn giúp dân chống giặc. Từ năm 1947-1950, xóm Nà Quân được Bác chọn làm căn cứ cách mạng, Bác cùng một số đồng chí cán bộ Trung ương thường xuyên về đây công tác. Nà Kham (bản Nà Quân) được chọn làm địa điểm đặt hội trường 8 mái của Trung ương Đảng trong những năm 1947-1952, cũng là nơi diễn ra hội nghị tổng kết chiến dịch biên giới

và 1 lán nhỏ để Bác Hồ ở Khuổi Tói (Khuổi Tói hiện nay là một địa điểm thuộc khu di tích lịch sử Bản Ca). Ngày nay, hiện vật còn lưu giữ được là một chiếc đĩa[1] của bác sỹ Tôn Thất Tùng tặng bác Hoàng Văn Vạn.

Với những giá trị lịch sử có ý nghĩa to lớn đó, ngày 18-3-1996, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ký Quyết định số 460/QĐ-BT công nhận Di tích Nà Quân là địa điểm đặt Hội trường cơ quan Trung ương Đảng năm 1947-1952.

Di tích Bản Ca thuộc xóm Bản Ca, xã Bình Trung. Cuối năm 1947, Bác Hồ đã đến ở và làm việc. Những ngày đầu, Bác sinh hoạt và làm việc ở nhà ông Nhuôi (còn có tên là Bàn Văn Trai) tại xóm Bản Ca. Sau đó, đơn vị bộ đội đã dựng lên một ngôi nhà nhỏ ở Khuổi Vài để Bác ở. Trong suốt thời gian làm việc tại Bản Ca, ông Nhuôi được Bác tin tưởng cử làm giao liên. Thấy hoàn cảnh gia đình ông Nhuôi khó khăn, Bác Hồ đã tặng ông 1 chiếc áo dạ[2] đen để mặc cho ấm. Ngày 28-6-1996, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận Di tích Bản Ca là nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1947.

1, 2. Hiện nay chiếc đĩa và chiếc áo dạ đã được Bảo tàng Thái Nguyên mang về lưu trữ, trưng bày.

Chương II

BÌNH TRUNG TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930-1945)

I. XÃ HỘI BÌNH TRUNG DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA PHONG KIẾN VÀ THỰC DÂN

Sau khi hoàn thành chiếm đóng tỉnh Bắc Kạn, thực dân Pháp nhanh chóng thiết lập bộ máy cai trị để đàn áp ở các địa phương, hòng dập tắt phong trào đấu tranh của nhân dân. Trong quá trình tổ chức các cuộc hành quân xâm lược, chúng đã dựng lên nhiều đồn bốt, điếm canh ở nhiều nơi. Tại Chợ Đồn, sau khi đặt thành một đơn vị hành chính cấp châu, thực dân Pháp dựng lên chính quyền tay sai người bản xứ, đứng đầu là tri châu.

Năm 1914, sau khi sáp nhập xong tổng Nghĩa Tá thuộc châu Định Hóa (Thái Nguyên) vào châu Chợ Đồn (Bắc Kạn), Pháp lập đồn ở bản Điếng, cho một tên bang tá cai quản. Ở tổng có chánh, phó tổng. Ở xã có lý trưởng, phó lý, thủ bạ, kỳ mục, xã đoàn. Năm 1940, Pháp chuyển đồn bản Điếng lên Tông Quận. Những người có chức quyền thời Pháp thuộc ở tổng Nghĩa Tá cơ bản là người địa phương.

Thực hiện chính sách chia để trị, đối với dân tộc Dao, chúng đặt một hệ thống chính quyền riêng: Ở cấp châu

có chức quản chiểu; ở tổng có chức chánh mán; ở xã có chức động trưởng[1].

Nằm trong hoàn cảnh chung của cả dân tộc, nhân dân Bình Trung thời đó phải chịu chế độ thuế khóa, phu phen tạp dịch nặng nề và bất công. Trong các thứ thuế như thuế đinh (hay còn gọi là thuế thân), thuế điền thổ, thuế rượu, thuế thóc ngựa, thì thuế đinh là thứ thuế nặng nề nhất. Thuế thân là thứ thuế "đánh" vào người đàn ông từ 18-60 tuổi, được chúng chia làm 3 hạng: người nghèo nhất là 2,5 đồng (tiền Đông Dương thời đó), người trung bình nộp 3 đồng, người giàu nộp 5 đồng. Đối với người Dao ở xã, do chỉ làm nương rẫy nên Pháp chủ yếu tính thuế theo đầu người hoặc số lượng thóc giống. Bình quân mỗi người phải nộp 0,20 đồng thuế nương rẫy (không kể già hay trẻ). Cứ mỗi khi đến kỳ bắt phu, thu thuế, cuộc sống của nhân dân trở nên vô cùng khổ cực. Bọn tổng lý, kỳ hào luôn tìm mọi cách để ăn hối lộ, ăn bớt hoặc ăn chặn của cải của nhân dân.

Cùng với thuế, chế độ phu phen tạp dịch của thực dân Pháp đối với nhân dân ta cũng rất nặng nề. Để làm đường, xây đồn bốt, người đi phu không những phải tự túc lương thực, thực phẩm mà còn bị bọn cai ký, lục lộ đánh đập, chửi mắng, nộp thêm tiền gạo cho chúng. Thâm độc hơn, chúng còn đầu độc nhân dân hút thuốc phiện, uống rượu cồn, cờ bạc làm cho người dân ngu muội để chúng dễ bề

1. Động trưởng là người đứng đầu một tổ chức hành chính do thực dân Pháp lập ra để quản lý người Dao.

cai trị. Đối với đồng bào dân tộc, thời điểm này muối ăn rất quý nhưng chúng lại độc quyền muối ăn, chúng lấy muối làm phần thưởng cho tay sai và một số người dân chống phá cách mạng của ta.

Trong khoảng thời gian từ năm 1918-1945, trên địa bàn xã Bình Trung (ngày nay) có 1 trường dạy chữ quốc ngữ và Pháp ngữ đặt ở Bản Điếng, dạy cho con em các dân tộc thuộc các xã của tổng Nghĩa Tá. Trường gồm có 4 lớp: lớp đồng ấu, lớp 1-2 ghép và lớp 3. Mỗi lớp có gần 10 học sinh, do các thầy Đinh Văn Thi (Cao Bằng), Phan Ngọc Trúc (Hà Nội), Đỗ Đình Đằng (Nam Định), Chu Đình Thiện (Bắc Giang), La Công Ân (Thái Nguyên)... thay nhau dạy mỗi người mấy năm. Lớp học có 4 gian, cột bằng gỗ chò chỉ xẻ, lợp lá cọ, phên bưng ván. Bàn ghế học sinh được đóng bằng ván. Tuy nhiên, trường được lập ra để con cháu chánh tổng, lý trưởng đi học, nhằm phục vụ cho bộ máy cai trị của Pháp, 99% nhân dân các dân tộc ở Bình Trung vẫn mù chữ.

Trước năm 1945, cả xã không có nữ hộ sinh nào. Cả huyện Chợ Đồn chỉ có 1 y tá (nam), do đó phụ nữ đến kỳ sinh đẻ hoàn toàn dựa vào kinh nghiệm thực tế, hoặc do các bà, các mẹ, các chị giúp đỡ. Khi trong nhà có người sinh nở, từ 3-5 ngày đầu chủ nhà không cho người ngoài vào, với quan niệm người lạ vào sẽ đem sài cho con trẻ và đem tạp uế về bàn thờ tổ tiên. Chủ nhà cắm một cành lá xanh ở chỗ rửa chân, gần cầu thang để báo hiệu nhà có người mới đẻ.

Cũng như sinh đẻ, nhân dân khi ốm đau đều dựa vào kinh nghiệm dân gian dùng thuốc Nam hoặc thuốc gia truyền để chữa trị hoặc mời thầy cúng về cúng bói, nên tình trạng hữu sinh vô dưỡng trở nên phổ biến. Nạn mê tín dị đoan cũng từ đó mà phát triển.

Bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nên nhân dân trong xã thường thiếu ăn từ 3-6 tháng, phải đào củ mài, củ nâu để độn cơm ăn. Nhân dân thường xuyên phải vay, mượn thóc gạo của nhà giàu, do đó phải chịu cảnh phát canh thu tô nặng lãi.

Từ những áp bức, bất công, đói nghèo, nhân dân trong xã nói riêng, cả nước nói chung khao khát được sống trong độc lập, tự do. Do đó, khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tổ chức lãnh đạo nhân dân theo một đường lối đúng đắn, nhân dân Bình Trung nói riêng và cả nước nói chung đã một lòng đi theo Đảng.

II. BÌNH TRUNG TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930-1945)

Từ sau Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941, Việt Bắc được chọn làm căn cứ xây dựng lực lượng khởi nghĩa vũ trang. Do đó, vấn đề liên lạc giữa các địa phương trong khu cách mạng Việt Bắc với nhau và giữa Trung ương với miền xuôi càng trở nên cấp thiết. Ngay từ khi còn ở biên giới Việt - Trung, khi xem xét các điều kiện để xây dựng căn cứ địa cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá: "Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra nhiều triển vọng lớn lao cho cách mạng nước ta, vì Cao Bằng có phong trào tốt từ trước lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc

tế rất thuận lợi. Từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nối phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ"[1].

Để thực hiện yêu cầu cấp bách đó, bên cạnh hình thức giao thông bí mật có từ trước, Người đã chỉ thị xây dựng những con đường quần chúng nối liền các trung tâm cách mạng với nhau. Trên tinh thần đó, theo quyết định của Ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, công tác Nam tiến được chuẩn bị khẩn trương. Tháng 9-1942 tại Cao Bằng, ban xung phong Nam tiến mà hạt nhân là Chi bộ Nam tiến được thành lập do đồng chí Nông Văn Quang làm Bí thư, có nhiệm vụ lãnh đạo, tổ chức phong trào nam tiến từ Nguyên Bình (Cao Bằng) xuống Bắc Kạn. Ban chỉ đạo do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách, có các đồng chí Lê Thiết Hùng, Nông Văn Quang, Nông Văn Lạc, Dương Văn Long.

Mùa hè năm 1943, các đội xung phong Nam tiến đã đến phía Bắc tỉnh Bắc Kạn. Tháng 4-1943, bộ phận đầu tiên của đoàn quân Nam tiến bắt đầu vào Ngân Sơn và từ đây chia làm 2 mũi tiến quân theo 2 hướng chính: mũi thứ nhất do đồng chí Nông Văn Quang phụ trách xuất phát từ Bản É đi xã Thượng Ân qua Cốc Đán sang xã Hà Hiệu (châu Chợ Rã). Sau khi gây dựng xong các cơ sở từ

---

1. Võ Nguyên Giáp. Những chặng đường lịch sử, Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội. 1994, tr33.

phía Bắc Ngân Sơn đến Hà Hiệu, bộ phận này vượt qua Phia Bjoóc tiến về Nghĩa Tá (châu Chợ Đồn) tới cuối năm 1943, 19 đội đã có mặt ở Bắc Kạn.

Việc xây dựng cơ sở cách mạng ở Bắc Kạn trên con đường Nam tiến được triển khai theo phương châm linh hoạt. Thực hiện kế hoạch chung, đi đến đâu các đội xung phong Nam tiến đều ra sức vận động tổ chức quần chúng vào các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, đào tạo đội ngũ cán bộ để phát triển Đảng, xây dựng lực lượng tự vệ, đẩy mạnh công tác binh vận trong khi tuyên truyền tổ chức các hội cứu quốc nhằm giáo dục lòng yêu nước căm thù giặc, tuyên truyền chương trình điều lệ của Việt Minh, phát động khí thế cách mạng của quần chúng. Cùng với các cuộc mít tinh, hội họp các đội Nam tiến còn khai thác tập tục các dân tộc như trích máu ăn thề, kết nghĩa anh em... để vận động quần chúng. Do đó, trên cơ sở mối quan hệ dòng họ và bạn bè vốn rất được trân trọng trong đời sống đồng bào các dân tộc ở cơ sở và phong trào cách mạng phát triển một cách nhanh chóng, rộng lớn.

Dựa vào đường dây họ hàng của các cơ sở đồng bào Dao ở Chợ Rã, đồng chí Nông Văn Quang đã đến nhà ông Triệu Hữu Minh, chánh mán bản làng Tăng, xã Tân Lập tuyên truyền giác ngộ cách mạng. Bản làng Tăng trở thành cơ sở đầu tiên của mũi Nam tiến vào Chợ Đồn.

Mùa hè năm 1943, một số cán bộ Nam tiến đã vào phía Đông huyện Chợ Đồn xây dựng cơ sở ở Đông Viên và Rã Bản. Con đường quần chúng từ Nguyên Bình (Cao Bằng) đến Chợ Đồn được thông suốt. Những cơ sở của

Mặt trận Việt Minh cùng với các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu phát triển nhanh chóng.

Giữa lúc đó phong trào cách mạng ở các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang ngày nay rất sôi nổi nhất là từ sau khi toàn bộ lực lượng cứu quốc quân rút về nước hoạt động. Vùng địa giới giữa các huyện Đại Từ, Định Hóa (Thái Nguyên) và Yên Sơn, Sơn Dương (Tuyên Quang) thực sự trở thành một căn cứ cách mạng. Tình hình này tạo thêm điều kiện thúc đẩy phong trào cách mạng ở Chợ Đồn và tổng Nghĩa Tá.

Phối hợp hoạt động với các đội xung phong Nam tiến, lực lượng Bắc tiến mở đường lên Bắc Kạn theo 2 hướng chủ yếu: Từ Võ Nhai một tổ chức cứu quốc quân tiến lên theo đường Na Rì thì vấp phải lực lượng phản động địa phương phải quay trở lại xây dựng cơ sở ở vùng đông nam huyện Bạch Thông. Một tổ chức cứu quốc quân gồm có đồng chí Hoàng Thượng, Nhất Quý được ông giáo Chính[1] (còn có tên khác là ông Tư) đã từng dạy học ở Chợ Đồn dẫn đường từ Định Hóa (Thái Nguyên) tiến thẳng lên Chợ Đồn, xây dựng cơ sở cách mạng trong

---

1. Theo tư liệu sưu tầm được: Ông giáo Chính người huyện Định Hóa (Thái Nguyên) đã lên huyện Chợ Đồn từ tháng 4-1942. Thời gian đầu, ông lên với danh nghĩa tìm vỏ trầm, vỏ sen, sau mua lợn con gánh đi bán ở Chợ Chu (Định Hóa). Sau một thời gian ông chuyển sang dạy chữ quốc ngữ tại nhà ông Lý Văn Thanh ở Nà Hán, bản Pác Cha thuộc thôn Tân Trung (xã Nghĩa Tá hồi đó), giáp Bản Bằng, học trò gồm 4 người: Lý Văn Thanh (Lý Nho Thanh), Chu Phú Hiệp, Triều Phú Dương, Triệu Du Nhuận.

đồng bào Dao ở Bản Bằng xã Nghĩa Tá. Tổ công tác đã giác ngộ cho ông Triệu Phú Dương - phó chánh mán và ông Triệu Du Nhuận quản chiểu - 2 người có uy tín cao của người Dao ở xã Nghĩa Tá - Chợ Đồn để xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng.

Từ cơ sở đầu tiên ở Bản Bằng, cơ sở cách mạng nhanh chóng lan rộng ra các chòm xóm người Dao ở Nghĩa Tá, Bình Trung. Nhiều người được tham gia vào hội bí mật như ông Bàn Văn Chăn, Bàn Văn Trai, Đằng Văn Dèn (Bản Ca), ông Đặng Văn Vý (Khuổi Châng), ông Lý Văn Thanh, ông Nần (Khuổi Loọc), ông Triệu Nghĩa Châu, ông Kim, ông Dinh (Vằng Phung, sau lên ở Bản Pièo)... có Triệu Hồng Thắng, Lê Giản tổ chức ăn thề vào tháng 3-1943.

Đến đầu tháng 9-1943, hầu hết đồng bào Dao thuộc tổng Nghĩa Tá và tổng Đông Viên đều gia nhập hội Việt Minh. Các tổ chức cứu quốc của phụ nữ, thanh niên... được xây dựng và củng cố. Khí thế cách mạng quần chúng lên cao lôi cuốn cả một số chánh mán, động trưởng, quản chiểu đi theo Việt Minh.

Tháng 10-1943, hai đoàn quân Nam tiến và Bắc tiến gặp nhau ở Bản Bằng, xã Nghĩa Tá. Để kỷ niệm thắng lợi của 2 đoàn này về sau, xã Nghĩa Tá được đặt tên là xã Thắng Lợi, xã Phong Huân được đặt tên là xã Thành Công. Châu Chợ Đồn nói chung, tổng Nghĩa Tá và xã Bình Trung nói riêng cùng một lúc được tiếp nhận ảnh hưởng trực tiếp của các trung tâm căn cứ cách mạng Cao - Bắc - Lạng; Bắc Sơn - Võ Nhai, Đại Từ - Định Hóa, Sơn

Dương. Ở nhiều nơi phong trào cách mạng ở địa phương phát triển nhanh chóng. Nhiều bài thơ ca cách mạng như "Việt Nam ngũ tự kinh" của đồng chí Võ Nguyên Giáp (được đồng chí tự dịch ra tiếng Tày "Việt Minh - kinh hả xử", tiếng Dao "Việt Minh pha giảng sâu") được phổ biến rộng rãi. Đồng bào, quần chúng phấn khởi tin tưởng, hăng hái đi theo cách mạng, tích cực bảo vệ cơ sở, bảo vệ cách mạng.

Trong khí thế sôi nổi ấy, vào cuối tháng 12-1943, một hội nghị đại biểu Việt Minh các xã Nghĩa Tá, Bình Trung (ngày nay), Phong Huân, Lương Yên được triệu tập tại Khuổi Kít (Nghĩa Tá)[1].

Sau cuộc họp, cán bộ Việt Minh tích cực vận động tuyên truyền, giải thích cho quần chúng hiểu rõ Mặt trận Việt Minh, tuyên truyền về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, giữa nam và nữ. Mục tiêu tuyên truyền nhằm vào những vị chức sắc như chánh tổng, phó tổng, lý trưởng, phó lý, xã đoàn của dân tộc Tày bằng con đường anh em thân thuộc, kết bạn đồng canh, đồng niên, làm cho đội ngũ quyền cao chức trọng này tuy chưa hiểu rõ Việt Minh nhưng đã làm ngơ không truy bắt người lạ mặt ra vào trong xã.

Nhiều thanh niên hăng hái khỏe mạnh được tuyển chọn vào các đội tự vệ. Người dân tự mua sắm vũ khí như súng kíp, giáo mác trang bị cho đội tự vệ. Những cán bộ nòng cốt của các xã được cử đi học lớp tập huấn

1. Có ý kiến gọi là Khuổi Khít.

chính trị, quân sự ở Bó Lọn (Nà Đang, xã Lương Bằng). Sau 7 ngày huấn luyện học viên trở về xã mở lớp ngay tại địa phương mình tuyên truyền chính trị, tổ chức vận động quần chúng và các khoa mục quân sự cần thiết như: kỹ thuật ném lựu đạn, chiến thuật đánh du kích, các hình thức chống địch khủng bố...

Giữa lúc phong trào cách mạng ở Chợ Đồn và toàn tỉnh Bắc Kạn đang dâng cao thì cơ sở ở bắc Chợ Rã bị lộ. Ngày 22-11-1943, địch đưa quân khủng bố phong trào ở xã Cao Minh (Chợ Rã) mở đầu cho cuộc khủng bố ác liệt của chúng trên phạm vi toàn tỉnh, ở châu Chợ Đồn có đồn Bản Thi, Chợ Đồn, Yên Thịnh. Ở xã Bình Trung, chúng chuyển đồn Bang Tá từ Bản Điếng lên Tông Quận, biến đồn Bản Điếng (Tông Quận) thành đồn binh để dễ bề kiểm soát ngã ba đường đi 3 tỉnh: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang. Ở xã chúng đặt thêm chức khán hộ, khán xã, mỗi nhà cử ra một người để đi tuần kiểm soát người đi lại trong làng bản và các ngả đường. Chúng lập hệ thống tuần đinh, tuần tráng đặt dưới quyền chỉ huy của châu đoàn, tổng đoàn, xã đoàn. Chúng còn treo giải thưởng bằng muối, tiền bạc, chức vụ.... cho những ai bắt được cán bộ cách mạng.

Thâm độc hơn thực dân Pháp thi hành chính sách dồn làng tập trung theo kiểu "tát nước bắt cá" ở Nà Phầy, Bản Điếng vào Nà Kiện, Nà Khoang, Khuổi Pạu. Các làng bản hàng ngày có bọn lĩnh dõng dưới sự chỉ huy của xã đoàn đến điều tra nghiêm ngặt. Ở Nghĩa Tá, Lương Yên chúng dẫn bọn dõng đến đốt nhà 2 gia đình để uy hiếp tinh thần

nhân dân. Tại Yên Thịnh chúng điều 1 tên sỹ quan Pháp đến chỉ huy, chúng lập đồn binh ở Bản Điếng, giao quyền hành lớn cho 1 tên quan khét tiếng tàn ác lên nắm giữ.

Bất chấp sự khủng bố của kẻ thù, quần chúng giác ngộ hết lòng bảo vệ che chở cho cán bộ, khẩu hiệu "bốn không" (không biết, không nghe, không thấy, không đầu hàng) được thực hiện triệt để. Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ của liên tỉnh Đảng bộ, nhất là sự sâu sát của cán bộ cơ sở và tinh thần kiên cường của quần chúng cho nên dù địch đánh phá ác liệt những cơ sở cách mạng vẫn được giữ vững.

Tháng 8-1944, Hội nghị đại biểu Việt Minh toàn châu Chợ Đồn được tổ chức ở Bản Bằng, xã Nghĩa Tá. Hội nghị đã quyết định: Thành lập một trung đội tự vệ chiến đấu toàn châu, tự trang bị lấy vũ khí và lương thực; lập một kho lương thực và tổ chức quyên góp lấy tiền làm quỹ du kích; vận động nhân dân các xã làm kho thóc bí mật, có phương án bảo vệ nhân dân và chống khủng bố đạt hiệu quả cao nhất. Thực hiện Nghị quyết trên, dưới sự chỉ đạo của các cơ sở khắp các bản làng trong toàn châu đều thành lập các kho thóc bí mật, thi đua quyên góp tiền ủng hộ Việt Minh.

Tháng 10-1944, tại Bó Lọn (Lương Bằng) trung đội tự vệ chiến đấu đầu tiên của châu được thành lập. Sự kiện này đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình xây dựng lực lượng cách mạng. Các đội viên tự sắm vũ khí (súng kíp, giáo mác) và được huấn luyện bước đầu trong 20 ngày.

Cuối năm 1944, thực dân Pháp và tay sai phát hiện ra có tổ chức Việt Minh cộng sản ở Bản Bẳng, Bó Lọn, Thôm Phả[1] nên chúng quyết tâm mở cuộc càn quét vào khu vực này nhằm tiêu diệt cộng sản, Việt Minh. Lực lượng của địch được chia thành 3 mũi tiến công: mũi thứ nhất từ đồn Yên Thịnh đánh xuống Nghĩa Tá, Lương Bằng do tên sỹ quan Pháp Đờ-Phông-Tích (Dephontie) chỉ huy. Mũi thứ hai từ Bắc Kạn vào theo đường Đại Sảo xuống Tông Quận do tên quan Cẩm chỉ huy. Mũi thứ ba từ Định Hóa lên do Hà Sỹ Tinh - tri châu Định Hóa chỉ huy.

Biết được âm mưu của địch, ta quyết định chặn đánh mũi tiến công thứ nhất của tên Đờ-Phông-Tích. Lực lượng du kích được bố trí mai phục ở Nà Vang (Bản Thít, xã Lương Bằng). Ngay khi địch lọt vào trận địa phục kích, trong loạt đạn đầu tiên quân ta đã hạ thủ tên Đờ-Phông-Tích[2], hắn bị trúng đạn vào vai, bọn lính khố xanh bỏ chạy tán loạn về đồn Yên Thịnh. Đây là trận đánh đầu tiên của đội du kích giành thắng lợi, lực lượng ta được bảo toàn, uy tín của Việt Minh được nâng lên, nhân dân càng tin tưởng và hăng hái tham gia bảo vệ Việt Minh. Cánh quân thứ hai do tên quan Cẩm dẫn quân vào đến Phong Huân để lùng sục vào Thôm Phả, hắn ngủ lại ở Pác Cộp 1 đêm. Hôm sau hắn cùng đồng bọn kéo ra Tông Quận hy vọng gặp cánh quân Yên Thịnh nhưng khi đến nơi thấy bọn lính

---

1. Có ý kiến gọi là Thôm Phảng.

2. Sau ngày giải phóng Chợ Đồn, ta bắt hắn làm tù binh đem về giam tại Khuổi Ít (Bản Nhi) xã Bằng Lãng rồi chuyển về giao nộp cho Tổng bộ Việt Minh.

dõng lo sợ buộc hắn phải ngủ lại 2 tối, sau đó bắt 2 người dân làm phu gánh vác đồ đạc của hắn ra Bắc Kạn. Cánh quân thứ 3 do ông Hà Sĩ Tinh do đã được cách mạng giác ngộ nên chỉ đưa vợ con lên ẩn náu ở Bản Điếng. Ba mũi tiến quân của Pháp đều bị bẻ gãy. Thắng lợi này gây được thanh thế cho Việt Minh, động viên cổ vũ đồng bào trong xã và tổng Nghĩa Tá tiến lên khởi nghĩa.

Bước vào năm 1945, giữa lúc phong trào cách mạng của nhân dân ta dâng lên mạnh mẽ thì chiến tranh thế giới thứ 2 chuyển biến có nhiều thuận lợi cho phe dân chủ. Đêm ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và ra Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", xác định rõ kẻ thù trước mắt của nhân dân ta lúc này là phát xít Nhật, đấu tranh theo khẩu hiệu "đả đảo phát xít Nhật", tiến tới thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương, phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa khi thời cơ tới.

Mặc dù chưa liên lạc được với Trung ương nhưng nhận rõ thời cơ, thuận lợi, Ban Thường vụ liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã họp và ra Nghị quyết: Đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở hương thôn từng nơi, rồi sẽ thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp châu, phủ đến cấp tỉnh. Điều động cán bộ của đội tuyên truyền về cùng các đội vũ trang địa phương tổ chức thêm những đơn vị giải phóng quân mới, chuẩn bị trực tiếp đánh Nhật. Phá hoại đường sá, cầu cống, vận động dân chúng tích cực

làm "vườn không nhà trống" khắp nơi. Đối với quân Pháp bị Nhật đánh đuổi, Tỉnh ủy có chủ trương không khiêu chiến với họ trong lúc họ rút lui mà tích cực kêu gọi họ cùng nhau thành lập Mặt trận chống Nhật.

Ở Chợ Đồn, những thắng lợi dồn dập to lớn của Ngân Sơn, Chợ Rã ở phía Bắc; Định Hóa, Sơn Dương ở phía Nam đã tác động mạnh mẽ đến nhân dân các dân tộc tổng Nghĩa Tá. Những quan chức dân sự và bọn tay sai của Pháp hoang mang lo sợ, một bộ phận bỏ chạy. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Bắc Kạn ngày 28-3-1945 (15-2 Ất Dậu) tại Bản Bằng (xã Nghĩa Tá) hội nghị cán bộ, đảng viên hoạt động ở Chợ Đồn và Ủy ban Việt Minh châu đã quyết định khởi nghĩa. Hội nghị quyết định thành lập thêm 2 trung đội tự vệ trong đó có một trung đội tự vệ chiến đấu gồm 26 chiến sỹ (có 3 cán bộ người Tày, còn lại đều là người Dao) được trang bị vũ khí tốt để tiêu diệt các đồn bốt, xóa bỏ lực lượng quân sự của địch. Trung đội tự vệ làm nhiệm vụ võ trang tuyên truyền, tước vũ khí của lính dõng, thu bằng triện xóa bỏ chính quyền của địch.

Thực hiện Nghị quyết trên, đêm 28-3-1945, trung đội tự vệ chiến đấu dưới sự chỉ huy của Trung đội trưởng Vũ Yến tiến đánh đồn Tông Quận. Trong đồn có 1 tiểu đội khố xanh, một số lính dõng do 1 tên bang tá cầm đầu. Hoảng sợ trước khí thế của quân cách mạng, tên bang tá Trịnh Như Phứ cùng vợ con chạy vào ẩn náu ở Pác Cộp bị quân dân ở đây bắt ra đầu hàng cách mạng. Bọn lính bỏ đồn từ chiều hôm trước. Lực lượng tự vệ của ta chiếm đồn

nhanh gọn không tốn xương máu. Phối hợp với bộ phận đánh đồn Tông Quận, một bộ phận lực lượng tự vệ chiến đấu tiến về khu Mỏ Kẽm chợ Điền (Bản Thi). Sáng ngày 24-3-1945, ta đã hoàn toàn làm chủ khu Mỏ. Trung đội tự vệ nhanh chóng phát động quần chúng các xã Nghĩa Tá, Lương Yên, Phong Huân, Yên Nhuận, Bằng Lãng, Ngọc Phái xóa bỏ bộ máy tay sai của địch và tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng.

Ngày 29-3-1945 (ngày 16-2 năm Ất Dậu), bộ đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Hoàng Văn Thái chỉ huy từ phía Bắc xuống gặp đội tự vệ châu Chợ Đồn ở Phương Viên. Hai bên thống nhất kế hoạch tấn công giải phóng châu lỵ. Khi vào đến nơi quân ta chạm trán với một trung đội lính khố xanh vừa ở Chợ Rã chạy về. Với ưu thế của lực lượng cách mạng, quân ta tiến hành công tác binh vận, làm tan rã đội ngũ binh lính địch, buộc chúng phải đầu hàng cách mạng. Toàn châu lỵ Chợ Đồn được giải phóng, ngay sau đó quân ta đã phá kho thóc chia cho dân nghèo.

Đầu tháng 4-1945, một cuộc mít tinh được tổ chức ở thoi Cốc Kè (cuối Vằng Đẻ) với sự tham dự của nhân dân Bản Điếng và Nà Phầy. Tại buổi mít tinh, đồng chí Vũ Yến, Lãnh Long Tùng (Minh héo) và Nông Văn Quang đã nói về điều lệ của Mặt trận Việt Minh, đường lối cách mạng cứu nước, cứu dân, đánh đuổi quân Nhật - Pháp, kêu gọi mọi người ủng hộ Việt Minh để giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức bóc lột của thực dân và bọn tay sai. Tiếp đó, ngày 15-4-1945, một cuộc mít tinh được tổ chức

ở đồn Tông Quận thu và đốt hết bằng sắc của chánh tổng, phó tổng, lý trưởng, phó lý, kỳ mục, xã đoàn, tuyên bố xóa bỏ chế độ cũ, thiết lập chế độ mới, thành lập Ủy ban Việt Minh tổng Nghĩa Tá do bà Đàm Thị Loan phụ trách, ông Ma Doãn Nhàn làm Thường trực.

Sau ngày giành chính quyền, tổng Nghĩa Tá được chia thành 4 khu: khu Hưng Đạo (xã Nghĩa Tá ngày nay), khu Bạch Đằng (xã Lương Bằng ngày nay), khu Quang Toản (xã Phong Huân, Bình Trung ngày nay), khu Bình Trọng (xã Yên Nhuận, Yên Mỹ ngày nay). Ông Nông Văn Như được cử làm Chủ tịch Ủy ban lâm thời khu Quang Toản[1], ông Trương Văn Bổn là Chủ tịch Việt Minh khu Quang Toản.

Đây là sự kiện lịch sử lớn trong đời sống chính trị của nhân dân các dân tộc khu Quang Toản (trong đó có nhân dân Bình Trung), góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng châu Chợ Đồn phát triển mạnh mẽ và vững chắc. Đó là một đòn đánh mạnh vào chính sách chia rẽ dân tộc của thực dân xâm lược và bè lũ tay sai, là thắng lợi to lớn của đường lối cách mạng, chính sách dân tộc của Đảng, của Việt Minh. Lý tưởng của Đảng là sức mạnh to lớn làm dấy lên một phong trào cách mạng sôi nổi quật ngã kẻ thù. Trong các thôn xóm của khu Quang Toản đã có 7 thanh niên khỏe mạnh[2] xung phong gia nhập vào đội

---

1. Từ ngày 14/4/1945-15/5/1945.

2. Trịnh Văn Vượng, Nguyễn Văn Long, Hoàng Văn Đeng, Nông Văn Như (Khuổi Huân), Ma Doãn Phụng, Nông Văn Lê, Trương Văn Vấn (ở Tông Quận và Bản Điếng).

Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân lên đường đánh giặc cứu nước.

Như vậy kể từ lúc cơ sở cách mạng đầu tiên được thành lập (12-1943) đến khi giành được chính quyền (28-3-1945), nhân dân các dân tộc ở Chợ Đồn (trong đó có Bình Trung) mới trải qua thời gian 15 tháng. Thời gian ngắn ngủi ấy đã chứng kiến những bước trưởng thành hết sức nhanh chóng của phong trào cách mạng ở xã. Trong quá trình đó đồng bào các dân tộc Bình Trung đã vượt qua mọi khó khăn nguy hiểm, bất chấp sự khủng bố của kẻ thù, hết lòng bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở cách mạng.

Sau khi chiếm được thị xã Bắc Kạn (17-3-1945), phát xít Nhật một mặt thi hành chính sách lừa bịp, mị dân, mặt khác ráo riết hoạt động để mở rộng phạm vi chiếm đóng nhằm xóa bỏ vùng giải phóng của ta. Cuối tháng 4-1945, phát xít Nhật mở cuộc hành quân càn vào khu vực châu Chợ Đồn. Đi tới đâu chúng cũng bắn giết trâu bò, đốt phá nhà cửa của nhân dân ta. Do nhân dân ta làm "vườn không nhà trống" một cách triệt để, quân Nhật một phần hoang mang lo sợ vào chỗ không người, một phần gặp khó khăn về tiếp tế lương thực, thực phẩm cho nên sau vài ngày hành quân mệt mỏi, chúng phải rút về Bắc Kạn. Đồng bào Bình Trung từ các nơi sơ tán đã quay trở về làng bản cũ để làm ăn, lực lượng vũ trang trong xã đã nêu cao tinh thần cảnh giác, lập phương án chiến đấu cụ thể. Đội tự vệ thay nhau canh gác suốt ngày đêm, cử người đi tham gia phá hoại con đường từ Chợ Đồn ra Bắc Kạn, phá cầu, ngả cây to xuống mặt đường để làm chướng ngại vật.

Trung đội tự vệ chiến đấu và đội tự vệ thường của xã (khu) được thành lập từ tháng 3-1945 luôn làm nhiệm vụ thường trực. Cán bộ và chiến sĩ được dự các lớp huấn luyện chính trị quân sự của châu, mở lớp tháng 6-1945, tại Nà Duồng (Bằng Lãng), sau 15 ngày đã đào tạo được những cán bộ cơ sở xã có năng lực tổ chức và lãnh đạo, làm công tác chính quyền. Cán bộ xã không những được trang bị hiểu biết về chính trị, nhiệm vụ chức năng quyền hạn công tác mà còn được bồi dưỡng về phương pháp tổ chức và vận động quần chúng.

Hai tháng sau khi Nhật chiếm đóng Bắc Kạn, hai tên Việt gian được Nhật cho về Chợ Đồn lập chính quyền tay sai nhưng đến nơi liền bị ta bắt giữ giao cho châu Việt Minh xử lý. Nhật thất bại nặng nề trong cuộc vây càn vào căn cứ cách mạng thuộc khu vực biên giới 3 tỉnh: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang với 2.000 quân, có bọn Việt gian thông thạo địa bàn dẫn đường. Tại Bản Pè (xã Dương Phong) ta tiêu diệt hơn 2 tiểu đội địch, làm bị thương nhiều tên khác, thu được súng đạn, buộc Nhật phải từ bỏ tham vọng chiếm vùng giải phóng ở phía Tây của tỉnh. Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Sau thắng lợi có tính quyết định của Hồng quân Liên Xô đánh tan đội quân Quan Đông, chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Quân đội Nhật ở Đông Dương và bè lũ tay sai hoang mang dao động đến cực điểm.

Chớp thời cơ thuận lợi đó, Đảng Cộng sản Đông Dương triệu tập hội nghị toàn quốc (từ 13 đến 15-8-1945) tại Tân Trào (Sơn Dương - Tuyên Quang), quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Đêm 13-8-1945, bản Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa được phát đi trong cả nước. Ngày 16-8-1945, quốc dân Đại hội họp tại đình Tân Lập (Tân Trào- Tuyên Quang). Đại hội tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước của Đảng và 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh. Đại hội quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam tức là Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Trong tháng 8-1945, nhân dân cả nước nổi dậy giành chính quyền thành công. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình - Hà Nội, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau 15 năm vận động và đấu tranh giải phóng dân tộc, cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám trên cả nước nói chung và Bình Trung nói riêng đã thành công hoàn toàn. Từ đây nước Việt Nam có tên trên nghị trường quốc tế và cũng là nước đầu tiên ở Đông Nam Á giành được độc lập. Thắng lợi đó có sự đóng góp của nhân dân các dân tộc tổng Nghĩa Tá (trong đó có khu Quang Toản - Bình Trung). Cách mạng đã giúp nhân dân khu Quang Toản đứng lên làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ quê hương và cùng với các xã lân cận trong vùng xây dựng quê hương, góp phần vào sự nghiệp chung của dân tộc, chuẩn bị tham gia vào kháng chiến chống Pháp (1945-1954) với niềm tin tất thắng.

Chương III

CHI BỘ ĐẢNG RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I. NHÂN DÂN BÌNH TRUNG (TRONG XÃ THÀNH CÔNG) THAM GIA CỦNG CỐ VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI THÀNH LẬP CHI BỘ ĐẢNG

1. Nhân dân Bình Trung tham gia củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, xã Bình Trung cũng nằm chung trong bối cảnh lịch sử của huyện Chợ Đồn: chính sách bóc lột vơ vét, kìm hãm phát triển sản xuất, phát triển văn hóa - xã hội của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã đẩy Bình Trung vào nghèo nàn lạc hậu. Hơn nữa trong cuộc kháng chiến chống Nhật, nhân dân thực hiện làm "vườn không nhà trống" nên sản xuất trì trệ, khó khăn. Người dân đi sơ tán trở về xây dựng cuộc sống trong hoàn cảnh thiếu thốn, 99% dân số trong xã bị mù chữ, theo đó mê tín dị đoan và các tệ nạn khác đè nặng lên đời sống tinh thần của nhân dân.

Đối với chính quyền, việc quản lý, điều động công việc theo trật tự mới còn nhiều lúng túng nhưng với sự hướng dẫn của chính quyền và Việt Minh huyện, xã đã tổ chức cho nhân dân thực hiện nghị quyết của cấp trên, chỉ đạo nhân dân xây dựng và phát triển kinh tế, ổn định dần đời sống.

Để bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng và cuộc sống cho nhân dân, nhiệm vụ trước mắt của chính quyền và nhân dân xã Bình Trung là thực hiện tốt Chỉ thị của Trung ương Đảng về kháng chiến kiến quốc, chống "giặc đói", "giặc dốt" và "giặc ngoại xâm".

Bình Trung là vùng rừng núi rộng, người thưa, diện tích đất canh tác nông nghiệp hạn hẹp, trình độ canh tác lạc hậu, nền kinh tế mang tính tự cung, tự cấp là chủ yếu. Thêm vào đó, khí hậu thất thường hay xảy ra lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh, thú rừng phá hoại nên năng suất, sản lượng thu hoạch thấp. Thiên tai và những hậu quả nặng nề của thực dân phong kiến đã khiến tình trạng ăn đói, mặc rét thường xuyên xảy ra. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và chính quyền lúc này là đẩy lùi nạn đói, đảm bảo lương thực cho nhân dân.

Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Tăng gia sản xuất ngay", từ các khu đến các thôn bản đều dấy lên phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm.

Chính quyền và các tổ chức đoàn thể đã vận động nhân dân tích cực sản xuất, khai hoang phục hóa phát nương, làm rẫy, đẩy mạnh gieo trồng lúa và các loại hoa

màu, chăm lo bảo vệ chống thú rừng phá hoại, phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà... Chính quyền tuyên bố miễn thuế cho nhân dân 2 năm liền, các thứ thuế bất công dưới chế độ thực dân phong kiến đặt ra như thuế thân, thuế rừng cùng các khoản nợ trước đây được xóa bỏ.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, công tác vận động nhân dân thực hành tiết kiệm được chính quyền đẩy mạnh thực hiện. Phát huy truyền thống tương thân tương ái, nhân dân Bình Trung đã đồng cam cộng khổ, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, động viên nhau tham gia hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh lập "hũ gạo tiết kiệm", mỗi bữa bốc một nắm gạo bỏ vào ống, 5-7 ngày sau nộp cho thôn để giúp những nơi đang bị đói, nhờ đó nạn đói được đẩy lùi.

Cùng với giặc đói thì giặc dốt cũng là một trong những vấn đề cấp bách nhất của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Cuộc vận động xóa nạn mù chữ có ý nghĩa sâu sắc về chính trị, tư tưởng. Được cách mạng đem lại độc lập, tự do, cuộc sống không còn áp bức bóc lột như trước nhưng trong bối cảnh hơn 99% dân số mù chữ, nhân dân các dân tộc ở Bình Trung lại càng thấu hiểu hơn bao giờ hết lời dạy của Bác Hồ: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", "Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ". Trong các thôn bản, nhân dân rủ nhau đi học rất đông, các lớp học được mở tới tận thôn, bản (buổi sáng dành cho trẻ nhỏ, buổi chiều dành cho người

già và phụ nữ có con mọn, buổi tối người lớn đến học). Mọi người thi đua nhau xóa nạn mù chữ.

Nhằm giúp đỡ Nhà nước về mặt tài chính, trung tuần tháng 9-1945, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong xã hăng hái, tự nguyện hưởng ứng "Tuần lễ vàng", xây dựng "Quỹ Độc lập" để ủng hộ Chính phủ lâm thời và phục vụ nền công nghiệp quốc phòng. Nhân dân các dân tộc Bình Trung đã tích cực mang tiền mặt, bạc trắng, vòng tay bằng bạc... ủng hộ cho Nhà nước. Trong lúc đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, những đồ dùng này đối với đồng bào được coi là tài sản quý của gia đình, nhưng khi Chính phủ cần, đồng bào sẵn sàng mang đến đóng góp, giúp chính quyền cách mạng vượt qua được những khó khăn trở ngại ban đầu.

Ngày 17-10-1945, Chính phủ ra Sắc lệnh số 51/SL về tổng tuyển cử Quốc hội khóa I. Nhận thức rõ đây là cuộc vận động chính trị rộng lớn có tác dụng giáo dục lòng yêu nước và ý thức làm chủ cho nhân dân. Từ đầu tháng 11-1945, chính quyền và Mặt trận Việt Minh xã Bình Trung đã chỉ đạo tuyên truyền cổ động nhân dân xóm bản, chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc bầu cử.

Ngày 6-1-1946, trong không khí sôi động của ngày hội tổng tuyển cử cùng với cả nước nhân dân các dân tộc Bình Trung nô nức đi bầu Quốc hội. Lần đầu tiên trong đời, đồng bào trong xã được đi bầu cử[1] những đại biểu xứng đáng thay mặt mình tham gia vào việc quản lý Nhà

1. Phiếu bầu cử là những hạt ngô.

nước. Sau ngày bầu cử Quốc hội, nhân dân các dân tộc Bình Trung lại tiếp tục đi bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp tỉnh, xã và bầu Ủy ban hành chính.

Sau ngày bầu cử, thực hiện chủ trương của cấp trên, tổng Nghĩa Tá được tách ra thành 2 xã Thắng Lợi và Thành Công. Xã Thành Công gồm các thôn Quảng Bình, Khau Pa, Yên Nhuận, Chỉ Mỹ, Phong Huân. Xã Bình Trung khi đó thuộc xã Thành Công. Ủy ban hành chính xã Thành Công được thành lập gồm 7 người do ông Nguyễn Đình Tịnh làm Chủ tịch, ông Nông Ngọc Tiền làm Bí thư, các ủy viên Ủy ban được phân công phụ trách các ban ngành: Ban bình dân học vụ, Ban canh nông, Ban quân sự, Ban văn hóa thông tin.

Các đoàn thể (phụ nữ, thanh niên, mặt trận) được củng cố và tích cực hoạt động, trước mắt là quản lý hộ tịch, hộ khẩu, người ngoài vào xã được kiểm tra, rà soát ngăn chặn triệt để các tệ nạn xã hội đặc biệt là tình trạng mua bán, sử dụng thuốc phiện và đánh bạc.

Sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập, quân Tưởng kéo vào lấy cớ là giải giáp quân đội Nhật, đóng từ vĩ tuyến 16 trở ra. Ngày 23-9-1945 quân Pháp được quân Anh yểm trợ, bắt đầu nổ súng đánh Sài Gòn, tiếp đó đánh rộng ra các tỉnh ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Bọn phản cách mạng ở trong nước lại càng lộ mặt làm tay sai cho đế quốc chống lại Tổ quốc, chống lại đồng bào. Trên đất nước Việt Nam chưa bao giờ có nhiều kẻ thù như vậy.

Từ cuối năm 1946, tình hình đất nước ngày càng phức tạp. Thực dân Pháp ngày càng có những hành động phá hoại bản Hiệp định sơ bộ và Tạm ước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký trước đó. Nhận thấy nền hòa bình không thể cứu vãn được, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định tiến hành kháng chiến kiến quốc. Trong 2 ngày 18, 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp Hội nghị mở rộng và quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến được phát đi vào rạng sáng ngày 20-12-1946.

" Hỡi đồng bào cả nước!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc... Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng cương quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!"

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Thành Công (trong đó có Bình Trung) chính thức bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

2. Chi bộ Đảng xã Thành Công được thành lập (1946-1947)

Trước năm 1946, trên địa bàn xã Thành Công chưa có tổ chức Đảng, mọi hoạt động đều do tổ chức Đảng cấp trên và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo.

Đến năm 1946, từ thực tiễn trong quá trình đấu tranh giành và giữ chính quyền, đội ngũ cán bộ cách mạng các dân tộc trong xã từng bước trưởng thành về nhiều mặt. Những điều kiện thực tế để thành lập cơ sở Đảng ở địa phương đã chín muồi. Hơn nữa sự lớn mạnh của phong trào cách mạng cũng như nhiệm vụ xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân lúc này cũng đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng. Ngày 2-3-1946, đồng chí Ma Văn Định ở Pác Cộp và đồng chí Ma Văn Tâm ở Nà Giỏ được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (chuẩn y đảng viên chính thức vào ngày 27-10-1946). Đây là 2 đảng viên cộng sản đầu tiên của xã.

Thực hiện quyết định của Hội nghị tỉnh Đảng bộ Bắc Kạn (12-1946) mỗi huyện có 1 Tỉnh ủy viên phụ trách. Đồng chí Lô Quang Kháng - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sau khi tham dự "lớp huấn luyện Hà Huy Tập" được phân công phụ trách công tác Đảng ở Chợ Đồn. Cũng trong thời gian trên, tỉnh mở cuộc vận động "Thi đua phát triển Đảng" chỉ rõ, ít nhất mỗi đảng viên chính thức phải bồi dưỡng và kết nạp được 1 quần chúng có đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng. Ngày 2-3-1947, đồng chí Nông Văn Mèo ở Nà Coóc được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ngày 2-8-1947, Chi bộ Đảng xã Thành Công được thành lập gồm có 3 đảng viên chính thức là đồng chí Ma Văn Định, Ma Văn Tầm và Nông Văn Mèo. Đồng chí Ma Văn Định được chỉ định làm Bí thư Chi bộ.

Chi bộ Đảng xã Thành Công ra đời là một sự kiện đánh dấu sự phát triển của phong trào cách mạng trên địa bàn xã Thành Công (trong đó có nhân dân các dân tộc Bình Trung). Từ đây, nhân dân Thành Công có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cơ sở Đảng, đưa đường dẫn bước cho phong trào cách mạng của xã phát triển vững chắc, hòa nhịp cùng phong trào cả nước.

II. CHI BỘ ĐẢNG THÀNH CÔNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1947-1954)

Sau khi phát động toàn quốc kháng chiến, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định di dời cơ quan đầu não về lại căn cứ địa Việt Bắc. Trong thời gian đó, thực dân Pháp đã tiến hành đánh chiếm nhiều khu vực, đặc biệt là khu vực nội thành Hà Nội.

Trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, tại Bắc Kạn và Chợ Đồn nói chung, xã Thành Công nói riêng chưa có chiến sự xảy ra. Vận dụng kinh nghiệm bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở cách mạng trong thời kỳ bí mật, Đảng ta chủ trương xây dựng an toàn khu (ATK) làm nơi ở và nơi làm việc của Trung ương, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Cùng với các huyện Định Hóa, Đại Từ (Thái Nguyên), Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hóa (Tuyên Quang), Chợ

Đồn được chọn làm nơi xây dựng ATK của cuộc kháng chiến toàn quốc.

Là một xã miền núi nằm sâu trong núi rừng Việt Bắc, có địa thế hiểm trở, cách xa quốc lộ, lại giành chính quyền sớm (3-1945) nên Thành Công là một trong những địa điểm được Trung ương chọn làm nơi tiếp nhận các cơ quan, công xưởng của Trung ương, Chính phủ và liên khu di chuyển đến.

Thực hiện kế hoạch tổng di chuyển các cơ quan, công xưởng của Trung ương lên Việt Bắc, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Chợ Đồn nói chung, xã Thành Công nói riêng đều tích cực chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng tạo mọi điều kiện và bảo vệ an toàn các cơ quan của Trung ương và của tỉnh lúc đó đóng ở địa phương.

Công tác xây dựng căn cứ địa được tiến hành toàn diện trên tất cả các mặt: xây dựng cơ sở chính trị, quân sự, kinh tế, địa điểm các cơ quan Trung ương sẽ chuyển đến[1]. Con đường đèo So từ Định Hóa (Thái Nguyên) lên Chợ Đồn một ngả ra Bắc Kạn đi qua khu Yên Nhuận và Phong Huân, một ngả lên Nghĩa Tá qua Bằng Lũng sang khu Tây (Yên Thượng, Yên Thịnh, Bản Thi) đã trở thành huyết mạch và yết hầu của công cuộc chuẩn bị kháng chiến.

Không khí và nhịp độ hoạt động xây dựng ATK của xã rất khẩn trương. Ban ngày nhân dân tích cực tăng gia

---

1. Trên thực tế một số cơ quan nhỏ hoặc từng bộ phận đã chuyển đến.

sản xuất, vào rừng chặt vầu, nứa làm lán trại, tạm di, tạm lánh để nhường nhà sàn to rộng cho các cơ quan của Trung ương mới chuyển đến tạm trú. Đêm đến ai nấy lại tìm đến các đoàn thể cứu quốc học bình dân học vụ, sinh hoạt đoàn thể, bàn bạc công việc kháng chiến, toàn dân trong xã sôi nổi chuẩn bị sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

Phong trào "Mùa đông chiến sỹ" được phát triển rộng rãi ở tất cả các thôn bản. Đến cuối năm 1946, đầu năm 1947, nhân dân các tiểu khu đã quyên góp, ủng hộ được 347 đồng tiền Đông Dương. Trong đó tiểu khu Phong Huân được 51,4 đồng, tiểu khu Yên Nhuận được 14,6 đồng, tiểu khu Nghĩa Tá 169 đồng, tiểu khu Lương Yên được 100 đồng, tiểu khu Yên Mỹ 12 đồng.

Để lưu thông khi cần thiết với các xã bạn, Ủy ban hành chính xã đã lập 1 ban giao thông hỏa tốc, tuyến giao liên từ xã lên huyện gồm 12 người: Nghĩa Tá 3 người, Phong Huân 3 người, Yên Nhuận 3 người, Lương Yên 2 người và 1 người làm giao liên từ tiểu khu lên xã.

Tháng 2-1947, Ủy ban hành chính xã giao cho các tiểu khu làm các việc: vận động nhân dân đi học bình dân học vụ, đi đào hầm hào ở trên châu lỵ Chợ Đồn, lấy người làm cơ quan ở xã, đào hầm hào từng nhà, mỗi nhà nộp một đồng để xây dựng nhà chợ ở châu Chợ Đồn. Chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến lâu dài Chi bộ Đảng đã huy động được 65 người đi phá hoại con đường từ Bắc Kạn vào Chợ Đồn.

Chấp hành chỉ thị của Liên khu và Tỉnh ủy, sau ngày toàn quốc kháng chiến, đầu năm 1947, Ủy ban kháng chiến xã Thành Công được thành lập để chỉ đạo nhân dân chuẩn bị mọi công tác cho kháng chiến. Sau một thời gian hoạt động, thực hiện Sắc lệnh số 91/SL ngày 1-10-1947 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính được sáp nhập thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính[1].

Quán triệt tinh thần Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Trung ương Đảng, công tác quân sự được đặt lên hàng đầu nhằm đối phó với khả năng chiến sự có thể lan tới địa phương và giữ gìn an ninh bảo vệ các cơ quan Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết của Ủy ban hành chính xã họp ngày 24-4-1947, nhân dân các dân tộc xã Thành Công đều vào rừng chặt những cây vàu, nứa già, thẳng, cứng, dài từ 4-5m vót nhọn làm chông để chống quân Pháp nhảy dù, tập kích vào sâu trong chiến khu, để phá hoại hậu phương của ta. Trong mỗi gia đình, dọc các đường đi nhân dân đều đào hầm, hào để phòng khi máy bay địch đến oach tạc, một số người được cử lên đào hầm cho cơ quan huyện Chợ Đồn. Chỉ sau hơn 2 tuần, hàng trăm hầm hào đã được đào xong, các khu đã hoàn thành việc cắm chông ở những nơi có khả năng địch thả dù xuống.

---

1. Năm 1948, Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính được đổi thành Ủy ban kháng chiến hành chính.

Song song với công tác củng cố hậu phương về các mặt: công tác chuẩn bị sẵn sàng, chiến đấu bảo vệ khu căn cứ, Ủy ban kháng chiến hành chính đã lập các đội dân quân, khu du kích ở khắp các tiểu khu và đã biên chế được một lực lượng cả thanh niên nam, nữ, phân công nhiệm vụ rõ ràng. Theo đó, khu Nghĩa Tá có 6 tiểu đội nam dân quân gồm 58 người, 8 tiểu đội nữ dân quân gồm 82 người; khu Yên Nhuận có 9 tiểu đội nam dân quân gồm 120 người, 9 tiểu đội nữ dân quân gồm 139 người; khu Lương Yên có 2 tiểu đội nam dân quân gồm 29 người, 2 tiểu đội nữ dân quân gồm 21 người; khu Phong Huân có 7 tiểu đội nam dân quân gồm 84 người, 6 tiểu đội nữ dân quân gồm 51 người. Khi có chiến sự dân quân du kích nam chiến đấu vòng ngoài, điều động đi các tiểu khu khi cần thiết, phụ nữ trực tiếp bảo vệ ở ngay làng bản. Vũ khí được trang bị chủ yếu là súng kíp, giáo, mác, dao phay, gươm, nỏ. Riêng du kích nam có thể thêm 1 số súng dóp 5, dóp 3, khai hậu.

Nhìn chung số lượng đơn vị dân quân, du kích và số người tham gia của xã nhiều và rộng khắp, tinh thần xung phong hăng hái, tổ chức chặt chẽ, biên chế và chỉ huy lãnh đạo thống nhất.

Ngày 8-9-1947, thực dân Pháp cho 2 máy bay đến lượn vòng trên mỏ Bản Thi. Một chiếc máy bay của địch bị trúng đạn của tự vệ, bay đến Pác Cha (cuối thôn Tân Trung, xã Thắng Lợi hồi đó, cuối thôn Vằng Quân, xã Bình Trung ngày nay) thì rơi, tên phi công bị thiêu cháy. Thi hành chỉ thị cấp trên, Ủy ban kháng chiến hành chính

xã đã huy động 80 dân công đến thu dọn xác máy bay (chia thành 34 khiêng, 10 gánh) chuyển từ Pác Cha đến Cạm Chua - Đông Viên chuyển giao cho huyện.

Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp tập trung 12.000 quân tinh nhuệ được trang bị đầy đủ vũ khí phương tiện hiện đại mở cuộc tấn công đánh thẳng vào khu căn cứ địa Việt Bắc hòng tiêu diệt bộ máy chỉ đạo cuộc kháng chiến của ta. Chúng cho binh đoàn đường không Xô-Va-Nhắc nhảy dù chiếm đóng thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới.

Ngày 8-10-1947, chúng thả 200 quân dù xuống Chợ Đồn, thực hiện hai gọng kìm: Binh đoàn Bô-Phơ-Rê từ Lạng Sơn theo Quốc lộ 4 lên Cao Bằng bao vây căn cứ địa Việt Bắc từ phía Bắc. Binh đoàn bộ binh và lính thủy đánh bộ Com-Muy-Nan từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô, sông Gâm lên Chiêm Hóa - Tuyên Quang hẹn gặp nhau ở Đài Thị - Chiêm Hóa - Tuyên Quang vào trưa ngày 13-10-1947.

Do chủ quan và bị bất ngờ, lực lượng vũ trang Chợ Đồn đã bỏ lỡ cơ hội diệt địch ngay từ khi chúng vừa mới nhảy dù xuống khu vực châu lỵ (xã Phương Viên). Trước tình hình đó, Trung ương, khu và tỉnh kịp thời có những chủ trương hướng dẫn địa phương sớm khắc phục sự bị động, lúng túng ban đầu.

Ngày 10-10-1947, hàng trăm tên địch vượt đèo Kéo Phay về Yên Thịnh, Bản Thi. Trung đội du kích huyện Chợ Đồn đã phối hợp với học sinh trường võ bị Trần Quốc Tuấn bắn chết 80 tên.

Từ ngày 18-10-1947 đến ngày 22-10-1947, đồng chí Dương Thiết Sơn - Bí thư Tỉnh ủy Bắc Kạn đã vượt vòng vây của địch từ thị xã Bắc Kạn vào Chợ Đồn, xuống Phong Huân mở hội nghị tại Nà Bjóoc để quán triệt chỉ thị Trung ương: Củng cố chính quyền cơ sở khi giặc nhảy dù chiếm Chợ Đồn. Tích cực thu hoạch xong lúa mùa và cất giấu kỹ. Xây dựng, củng cố lực lượng võ trang để bảo vệ nhân dân và cơ quan cấp trên chuyển đến sẵn sàng đánh địch khi chúng liều lĩnh đến.

Sau hội nghị này, khí thế chống giặc Pháp càng được nâng lên, nhân dân vững tin ở sự lãnh đạo của Tỉnh ủy. Huyện thành lập 32 đội tự vệ với 564 đội viên trong đó có 14 đội tự vệ nữ với 273 đội viên, tiếp tục cử 91 dân công đi phá cầu đường, nhà cửa ở Bắc Kạn, riêng xã Thành Công (trong đó có Bình Trung) đã có hàng chục người tham gia. Lực lượng thay nhau tuần tra canh gác đường trục chính từ đèo So qua Bình Trung (có một trạm ở Cốc Lùng - Bản Điếng) lên Nghĩa Tá.

Không đạt được âm mưu lùng sục cơ quan đầu não kháng chiến và tiêu diệt chủ lực của ta, lại bị đánh tiêu hao sinh lực địch phải rút lui dần. Ngày 20-10-1947, địch rút khỏi Bản Thi, Yên Thịnh. Ngày 3-11-1947, chúng rút khỏi Chợ Đồn. Chợ Đồn được giải phóng hoàn toàn, ATK được giữ vững.

Để động viên và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, Đảng đã củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất ở cơ sở, thu hút đồng bào các dân tộc trong xã tham gia và ủng hộ kháng chiến, trước mắt là bảo vệ an ninh, trật tự, giữ vững ATK.

Thi hành chỉ thị của cấp trên, qua mấy ngày tết năm 1948, Ủy ban kháng chiến hành chính xã đã phối hợp với các khu về củng cố và xây dựng chiến khu, trước mắt vận động nhân dân các dân tộc trong khu tích cực tăng gia sản xuất, làm đất để cấy lúa sớm vụ mùa. Vụ xuân chủ yếu trồng cây ngô và các cây hoa màu khác như khoai, đỗ... chăn nuôi phát triển đại gia súc và gia cầm. Xã giải quyết lập quỹ nghĩa thương để cứu giúp những hộ thiếu đói, vận động và hạn chế việc những hộ có nhiều thóc cho vay nặng lãi. Phong trào bình dân học vụ ở các tiểu khu phải được duy trì thường xuyên. Tiếp tục củng cố 3 trường phổ thông nửa cấp ở Nghĩa Tá, Phong Huân (trường Tông Quận), trường Yên Nhuận (Bản Noỏng) cho kế hoạch sang năm 1948 để mở trường phổ thông toàn cấp.

Để nâng cao trình độ và năng lực công tác cả về chính trị lẫn tư tưởng, chấp hành chỉ thị của Đảng bộ huyện Chợ Đồn, Chi bộ xã Thành Công đã tiến hành họp vào ngày 17-2-1948, đề ra 4 công tác mới: củng cố chi bộ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Đảng, công tác lãnh đạo của Đảng và ra thông báo: sau khi tuyên truyền những đối tượng có triển vọng kết nạp sẽ lên Châu ủy huấn luyện, tập trung ngày 24-2-1948 trong thời gian 10 ngày, mang theo 30 đồng và 13 ống gạo (1 ống bằng 0,7kg). Đặc biệt là thành viên, hội viên, đoàn viên trong Hội Phụ nữ cứu quốc, Đoàn Thanh niên, tổ chức chính quyền, lực lượng tự vệ dân quân lấy tiêu chuẩn người đảng viên là mục tiêu phấn đấu của mình.

Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, Ban Chi ủy đã chú ý bồi dưỡng trình độ văn hóa cho các đảng viên chưa

biết đọc, biết viết phải theo học lớp bình dân học vụ bắt buộc. Các đảng viên đã biết đọc, biết viết phải đi học các lớp bổ túc do xã hoặc huyện mở. Đối với các đồng chí là cán bộ đang công tác phải đi dự các lớp lý luận, nghiệp vụ do cấp trên mở. Bên cạnh đó, Ban Chi ủy còn tổ chức mở các cuộc sinh hoạt chính trị cho đảng viên ở các tổ tiến hành tự phê bình và phê bình, nâng cao tính Đảng, tính giai cấp. Là đảng viên phải kiên quyết đấu tranh với những tàn dư phong kiến, tiểu tư sản, địa phương chủ nghĩa, dân tộc hẹp hòi, tự do vô kỷ luật.

Sự lớn mạnh của Chi bộ Đảng ở xã cả về chất lượng lẫn số lượng cho phép mỗi thôn thành lập một tổ Đảng để có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với quần chúng. Cả xã chia làm 5 tổ: Phong Huân, Quảng Bình, Khau Pa, Yên Nhuận và Chỉ Mỹ.

Dưới sự chỉ đạo của Châu ủy Chợ Đồn, Chi bộ Đảng coi trọng, củng cố và phát triển công tác xây dựng Đảng. Trong khi kết nạp những hạt nhân thực sự ưu tú vào Đảng đồng thời phải kiên quyết xử lý những đảng viên thoái hóa biến chất ra khỏi tổ chức Đảng. Từ năm 1946 đến 2-1950, Chi bộ đã phải kỷ luật Đảng 55 đồng chí, trong đó phải khai trừ 9 đồng chí, cảnh cáo 4 đồng chí, phê bình khiển trách 2 đồng chí. Tổ Đảng Quảng Bình tổn thất rất lớn, trong 10 đồng chí có 8 đồng chí bị khai trừ cùng một lúc, còn lại 2 đồng chí phải ghép vào tổ Khau Pa để sinh hoạt. Thôn Phong Huân có 8 đồng chí đã phải khai trừ 1 đồng chí.

Để tạo cơ sở thuận tiện cho cơ quan Trung ương chuyển đến, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền

châu Chợ Đồn, chi bộ và chính quyền xã đã huy động hàng trăm lượt dân công đi chặt cây, chặt lá cọ dựng, lợp nhà cơ quan, thực hiện "vườn không nhà trống".

Hưởng ứng phong trào "vườn không nhà trống" của Ủy ban cách mạng lâm thời châu Chợ Đồn, hầu hết các gia đình ở Bình Trung đều làm lán sơ tán vào rừng. Nhân dân Bản Điếng và Nà Phầy sơ tán vào khe Khuổi Nọi (1946-1947). Người già, trẻ em, lương thực, thực phẩm chuyển vào nơi sơ tán, lực lượng trẻ khỏe vẫn bám ruộng đồng để đảm bảo tăng gia sản xuất và sẵn sàng chống kẻ thù.

Từ khi Quốc lộ 3 bị chiếm đóng và phá hoại, đường đèo So lên Chợ Đồn trở thành đường trục chính, đoạn qua Quảng Bình lên Nghĩa Tá - nơi cơ quan Trung ương sơ tán đến ở suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp - chủ yếu là đi đường mòn.

Từ năm 1947 đến năm 1951, xã Thành Công (trong đó có Bình Trung) là nơi đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều cán bộ cao cấp, cơ quan của Trung ương, tỉnh đến công tác, ở và làm việc. Bản Ca là nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cuối năm 1947, khe Khuổi Tói (bản Nà Quân), Pác Khuổi Tói là nơi ở và làm việc của Người trong những năm 1948-1952. Đồi cọ Nà Phầy nơi ở và làm việc của đại tướng Võ Nguyên Giáp trong những năm 1948-1953. Nhà sàn ông Ma Văn Chương (con là Ma Văn Lành) bản Nà Phầy là nơi ở và làm việc của đại tướng Nguyễn Chí Thanh những năm 1948-1952. Đồng chí Dương Thiết Sơn - Bí thư Tỉnh ủy Bắc Kạn đến ở và làm việc tại nhà ông Triệu Văn Đồ (con là Triệu Du Sạch)

bản Nà Quân năm 1948. Đồng chí Nông Văn Lạc - Chủ tịch Nông hội tỉnh Bắc Kạn đến ở và làm việc nhà ông Ma Văn Vàng, bản Nà Phầy năm 1948. Địa điểm đặt tòa soạn Báo Cứu quốc tại bản Khuổi Áng năm 1949. Bản Pièo, Khuổi Chang nơi Bác Hồ đã ở và làm việc từ ngày 12-5 đến ngày 1-6-1949. Nhà sàn ông Trần Văn Lý (bản Nà Phầy) là nơi ở và làm việc của Văn phòng Bộ Quốc phòng những năm 1950-1953. Đồi Bản Tảng (Nà Quân) là nơi ở và làm việc của đồng chí Hoàng Văn Thái những năm 1947-1954. Bản Nà Quân có lán làm việc của chuyên gia nước ngoài những năm 1947-1954. Bản Cha là nơi đặt nhà máy giấy Minh Khai những năm 1948-1950. Xóm Nà Đon là địa điểm cơ quan hậu cần (Bộ Quốc phòng) những năm 1948-1950. Năm 1948, xóm Bản Quăng thôn Yên Nhuận là nơi xưởng quân giới đóng, đến năm 1949 xưởng lại chuyển xuống Khau Toọc. Năm 1949 và năm 1950, xưởng in Báo Quân đội nhân dân đến đóng ở nhà ông Hoàng Văn Lưu và Tá Văn Noọng ở bản Khau Toọc thuộc Khau Pa. Năm 1950, các đồng chí cán bộ cao cấp của quân đội như Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh làm việc ở bản Nà Phầy, đồng chí Hoàng Văn Thái ở Bản Tảng (Nà Quân).

Năm 1950-1951, Trung ương quyết định xây dựng hội trường 8 mái ở Nà Kham thuộc bản Nà Quân. Chính tại hội trường 8 mái này, nhân dân xã Thành Công được biết thế nào là ca, múa, nhạc, kịch do các cơ quan Trung ương ở đây tổ chức để cơ quan cùng nhân dân xem chung và cũng lần đầu tiên các dân tộc thấy bóng đèn điện. Thông qua những buổi chiếu bóng (xi-nê), lần đầu tiên nhân dân

các dân tộc xã Thành Công được tận mắt nhìn thấy những trận đánh ác liệt của Hồng quân Liên Xô chống quân xâm lược phát xít Đức như bộ phim "Công phá ba linh", Trung Quốc có "Bạch mao nữ" và một số phim giới thiệu về đất nước Trung Hoa "Kháng Mỹ viện Triều" ít nhiều đã làm cho các dân tộc ở Thành Công có một ấn tượng về hình tượng nghệ thuật của các nước tiên tiến trong phe dân chủ nhân dân, càng tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống xâm lược vì có Liên Xô và Trung Quốc ở bên cạnh.

Để làm trong sạch khu ATK, lực lượng tự vệ, dân quân, du kích luôn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Khi giặc Pháp chiếm đóng Chợ Đồn và sau này rút ra Bắc Kạn, du kích xã đã thay nhau lên bổ sung cho đội du kích cơ động của huyện bảo vệ các cơ quan, kho tàng hậu cần của Trung ương, canh gác hoặc chặn đánh các cuộc hành quân của giặc từ Bắc Kạn vào Chợ Đồn, bảo vệ cho dân công phá hoại đường Bắc Kạn - Chợ Đồn.

Cuộc kháng chiến chống Pháp ngày càng trở nên ác liệt. Hàng năm, Chi bộ đều huy động nhiều đợt dân công đi phá hoại thị xã Bắc Kạn phòng khi Pháp nhảy dù. Khi Trung ương chuyển một số cơ quan lên, xã đã huy động dân quân và thanh niên xung phong đi vận chuyển, xây dựng lán trại. Sang năm 1951-1952, thực dân Pháp phát hiện ra Quốc lộ 3 là con đường huyết mạch của cuộc kháng chiến, nối liền căn cứ địa Việt Bắc ra quốc tế, nên chúng thường xuyên cho máy bay bắn phá liên tục cả ngày lẫn đêm nhất là chỗ yết hầu đoạn qua xã Nông Hạ (huyện

Bạch Thông). Để đảm bảo giao thông thông suốt, hàng năm, Chi bộ, chính quyền xã Thành Công thường xuyên huy động 3-4 lần dân công đi vá đường, mỗi đợt trên 200 người, có đợt 215 người, đợt trước chưa về, đợt sau đã lên đường. Những đợt ta mở chiến dịch Tây Bắc, chiến dịch Điện Biên phủ, số lượng người đi dân công làm đường ngày càng nhiều.

Trước tình hình huy động lớn nhân lực trẻ, khỏe ra tiền tuyến với hàng trăm thanh niên nhập ngũ qua các đợt tuyển quân, nên lực lượng sản xuất hậu phương bị giảm rất nhiều. Thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ tỉnh và huyện, Chi bộ đã phát động phong trào học tập kinh nghiệm sản xuất và tổ chức tổ đổi công của anh hùng lao động Hoàng Hanh và Trịnh Xuân Bái. Để giúp đỡ nhau tăng gia sản xuất ở địa phương thay người ra đi phục vụ tiền tuyến, chỉ trong một thời gian ngắn các thôn bản đã thành lập 40 tổ đổi công. Để người ở hậu phương và người ra tiền tuyến được yên tâm, Chi bộ và Ủy ban kháng chiến hành chính xã đã thành lập Ban chống đói do đồng chí Chủ tịch xã làm Trưởng ban. Ban chống đói đã tỏa về thôn bản và các tổ đổi công hướng dẫn những hộ có nhiều lương thực cho vay mượn không tính lãi, trồng giống khoai lang 3 tháng, những gia đình có ruộng thiếu người làm nhường cho nhau mượn cấy. Đời sống nhân dân được cải thiện, tình trạng thiếu đói giảm. Năm 1949, toàn xã thu được hơn 7 tấn gạo công lương. Để chuẩn bị cuộc tổng phản công, Đảng và Chính phủ đã phát hành công trái và vận động toàn dân mua trái phiếu quốc gia được gần 5 vạn đồng (tiền tài chính), nhân dân Thành

Công (trong đó có Bình Trung) mua công trái chủ yếu bằng thóc gạo.

Cuộc kháng chiến ngày càng phát triển thì nhu cầu cho kháng chiến ngày càng lớn. Để đáp ứng một cách chủ động nhu cầu về vật chất cho kháng chiến, Chính phủ phải nắm chắc một khối lượng vật chất lớn dựa trên việc huy động một cách có kế hoạch sự đóng góp của nhân dân. Ngày 1-5-1951, Chính phủ ra Sắc lệnh về cải tiến chế độ thuế khóa, trong đó có việc thực hiện thuế nông nghiệp là thứ thuế chủ yếu ở nông thôn. Sắc lệnh nêu rõ mục đích thuế nông nghiệp là đảm bảo cung cấp cho nhu cầu kháng chiến, phát triển sản xuất nông nghiệp, làm cho sự đóng góp của nhân dân được đơn giản, công bằng và hợp lý. Nguyên tắc lũy tiến áp dụng để tính thuế, thu nhập cao thì thuế suất cao, việc thực hiện thuế nông nghiệp cũng là cuộc vận động lớn, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Chi bộ cũng xác định trong quá trình tiến hành công tác làm thuế phải tăng cường công tác vận động tuyên truyền giáo dục. Từ tháng 7-1951, chi bộ xã đã tổ chức học tập nội dung và ý nghĩa của chính sách thuế đối với kháng chiến và xác định trách nhiệm của mỗi đảng viên với cuộc vận động. Chính sách thuế mới này ít nhiều đụng chạm tới quyền lợi cá nhân của người nông dân.

Năm 1951-1952, xã có 5 thôn là: Yên Mỹ, Yên Nhuận, Khau Pa, Quảng Bình, Phong Huân với 313 hộ. Số hộ chịu thuế là 279 hộ. Trong số 1.833 nhân khẩu của xã có 1.788 nhân khẩu phải đóng thuế nông nghiệp. Cuối

năm 1952, tính cả thuế chính tang và phụ thu, cả xã phải đóng 133.000kg thuế nông nghiệp.

Huyện ủy đã cử cán bộ xuống xã giúp đỡ hướng dẫn cùng phối hợp đến các thôn xác định nhân khẩu, sản lượng, ruộng đất và mức thu hoạch bình quân và số thuế phải nộp của mỗi hộ thông qua các cuộc họp bình nghị dân chủ. Quần chúng thấy rõ mục đích ý nghĩa và tính chất công bằng hợp lý của chính sách nên hăng hái phấn khởi tham gia nộp thuế đúng kỳ hạn.

Kết quả, năm 1951 là năm đầu tiên nộp thuế nông nghiệp bằng thóc, toàn xã nộp được 117,507 tấn. Sang năm 1952, theo chủ trương của Đảng và Nhà nước được sự hướng dẫn của Đảng bộ huyện Chợ Đồn tiếp tục chỉnh lý và sửa những sai sót khi kê khai nên sau khi chỉnh lý số thuế nông nghiệp của xã nộp được là 133.760kg đạt chỉ tiêu trên giao. Chi bộ đã lãnh đạo nhân dân trong xã nâng cao sức sản xuất nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu thời chiến, ăn no, mặc ấm góp phần vào cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi.

Trên mặt trận văn hóa, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ xã, đồng bào các dân tộc cũng đã đạt được nhiều thành tựu, nền văn hóa ngu dân, nô dịch của thực dân Pháp dần bị xóa bỏ. Đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc trong xã đi theo phương hướng của một nền văn hóa đổi mới. Các tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan giảm rất nhiều.

Trong hoàn cảnh kháng chiến còn rất nhiều khó khăn về tài chính, cơ sở y tế, thầy thuốc chữa bệnh cũng không

có. Thực hiện nếp sống mới trong ma chay, cưới xin: Tiền táng hậu tế, không thách cưới.

Từ năm 1949-1950 xã đã cử mỗi thôn một người đi học y tá rồi về thôn để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là khâu đỡ đẻ cho hợp vệ sinh. Tổ chức nhiều cuộc vận động nhân dân ăn sạch, ở sạch, ăn chín, uống sôi, làm chuồng trâu xa nhà, thu gom phân để bón ruộng, diệt ruồi, muỗi. Phương châm là phòng bệnh hơn chữa bệnh. Suốt 9 năm kháng chiến xã không có bệnh dịch xảy ra, bệnh sốt rét giảm hẳn.

Cùng với những thắng lợi về chính trị, kinh tế, công tác giáo dục phát triển nhanh chóng và vững chắc. Phong trào bình dân học vụ phát triển rầm rộ nên hàng trăm người đã thoát nạn mù chữ. Số người thoát nạn mù chữ trong độ tuổi ở xã đạt hơn 50%. Đối với các cán bộ chủ chốt hoặc đang công tác bắt buộc phải đi học để nâng cao năng lực công tác lâu dài.

Đối với giáo dục phổ thông, chủ trương của Đảng thực hiện nền giáo dục dân chủ từ bậc tiểu học trở lên thuộc hệ thống quốc gia. Từ năm 1947-1948 xã nhà chỉ có một trường nửa cấp tiểu học từ lớp 1 đến lớp 2 ở Tông Quận, ngoài ra ở các thôn xa trung tâm có thêm mỗi thôn 1 trường nửa cấp tiểu học có từ lớp 1 và lớp 2 gồm trường Bản Tuốm thuộc thôn Tân Trung, trường Đon Mạ thuộc thôn Yên Nhuận, trường Bản Vọng thuộc thôn Chỉ Mỹ. Hai thôn Phong Huân và Khau Pa nằm ở gần trung tâm, do đó đã thu hút các em trong độ tuổi đi học đến trường. Năm 1951 huyện Chợ Đồn bắt đầu mở trường cấp II.

Năm 1951, trên địa bàn xã có phân trường cấp I của trường Nghĩa Tá, gồm 1 lớp vỡ lòng, lớp 1 và lớp 2 ghép đặt ở Nà Nau, mỗi lớp có 10 học sinh, bàn ghế còn đơn sơ chủ yếu bằng cây vầu ghép, do thầy Nguyễn Đức Giai (xã Phương Viên) dạy.

Sau hơn một năm phát động, các lớp bổ túc và bình dân học vụ phát triển rầm rộ, chính quyền đã mở 3 trường phổ thông, cử ông Ma Doãn Sinh đi dạy trường Nghĩa Tá thuộc Tiểu khu II và trường Lương Yên. Mở trường Tông Quận cho tiểu khu Phong Huân và Quảng Bình do ông giáo Đô (xã Đông Viên) dạy. Tiểu khu Yên Nhuận và Chỉ Mỹ học ở trường Bản Noỏng. Ông Ma Doãn Thành dạy ở trường Lương Yên, ông Ma Văn Thường dạy ở Bản Ca.

Thực hiện khẩu hiệu tự túc, tự cấp trong kháng chiến, nhiều hộ đã trồng bông dệt vải để may quần áo, dệt thổ cẩm làm mặt chăn, địu trẻ em, đan nón lợp bằng lá cọ bền đẹp, trồng cói đay để dệt chiếu trong gia đình.

Ban Thông tin tổ chức ở mỗi thôn có 1 thông tin viên để thông báo tin chiến thắng từ mọi nơi gửi về, thông báo về nộp thuế và tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến nhân dân.

Năm 1953, trước nguy cơ thất bại tại Đông Dương, thực dân Pháp đã cử tướng Nava sang làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Nava đã đề ra kế hoạch Nava, tập trung lực lượng, giành thắng lợi trong vòng 18 tháng. Theo đó, Nava đã tập trung lực lượng cơ động mạnh ở chiến trường chính Bắc Bộ, mở các đợt hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng của ta.

Thực hiện chủ trương của Đảng về mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 tiến đánh địch trên nhiều mặt trận để vừa phân tán địch vừa đánh tiêu hao sinh lực địch, trong đó hướng chính là đánh Pháp ở Tây Bắc, đồng thời mở các chiến dịch Thượng Lào, Hạ Lào, Đông Bắc Lào và Tây Nguyên buộc quân Pháp phải phân tán lực lượng ra các chiến trường.

Thực dân Pháp nhận thấy lực lượng quân chủ lực của ta di chuyển lên phía Tây Bắc, chúng quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh ở Điện Biên Phủ nhằm vừa bảo vệ vùng Thượng Lào đồng thời chặn đánh, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Xác định tầm quan trọng của Điện Biên Phủ, tướng Nava đã cho tăng cường thêm lính ở đây lên đến 16.200 tên, đưa Điện Biên Phủ trở thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Cả Pháp và Mỹ đều nhận định Điện Biên Phủ là "pháo đài bất khả xâm phạm", là "một boong ke không thể công phá", là "con nhím khổng lồ giữa núi rừng Tây Bắc".

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm đập tan âm mưu xâm lược của thực dân Pháp. Đảng đã chỉ đạo cho các địa phương tập trung mọi nguồn lực cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Một mặt, bộ đội địa phương và dân quân du kích tiến hành đánh địch nhằm giam chân chúng, một mặt đẩy mạnh tăng gia sản xuất cung cấp lương thực cho chiến trường Điện Biên Phủ.

Ngày 1-1-1954, Chi bộ, Ủy ban họp kiểm điểm sản xuất, hầu hết các thôn chưa hoàn thành việc làm mương

phai (chỉ có Yên Nhuận là hoàn thành), nhân dân chưa chú ý sản xuất, còn vin vào cớ này cớ nọ như đi chợ sắm đồ tết, đi dân công. Tư tưởng cán bộ chưa thông, chưa gương mẫu, không chú ý giải thích những thắc mắc của dân.

Để chi viện cho chiến dịch Điện Biên Phủ, Chi bộ đã lập một tổ ngựa thồ có 32 người với 32 con ngựa cho tỉnh để trong 2 tháng vận chuyển hết 1.000 tấn thóc từ Nà Phặc về Chợ Mới, đường dài 76km, tự túc lương thực, thực phẩm đủ ăn trong 2 tháng; Ban Chỉ huy do các ông Kỳ, Đại, Tịnh, Quân phụ trách. Đầu năm 1954, có đội thứ hai tuyển 28 người chia làm 2 tổ: Tổ 1 do chị Hoàng Thị Tạ làm Tổ trưởng, ông Hà Văn Nam làm Tổ phó; tổ 2 do chị Nông Thị Cao làm Tổ trưởng, ông Hoàng Văn Chu làm Tổ phó. Cũng trong năm 1954, đoàn dân công 57 người do ông Lưu Văn Ất - Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính xã làm chỉ huy trưởng đi 4 tháng mở đường Đèo Muồng - Tuyên Quang. Đội vận tải sau khi hoàn thành cuộc vận chuyển ở Bạch Thông về ăn tết năm 1954 xong lại chuyển xuống Định Hóa - Thái Nguyên, vận chuyển hàng sang Tuyên Quang cho đến khi hết chiến dịch.

Ngày 9-2-1954 hội nghị quân dân chính xã có đủ cán bộ ủy ban, chi bộ các ban ngành. Hội nghị nghe ông Nguyễn Văn Ninh - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính báo cáo kết quả sản xuất năm 1953, các đại biểu bàn bạc phương hướng sản xuất năm 1954. Phát động phong trào thi đua Hoàng Hanh và tổ đổi công Trịnh Xuân Bái. Phát triển lúa Nam Ninh, trồng ngô, khoai, sắn. Khai thác lâm - thổ sản: sa nhân, mộc nhĩ, nấm hương, cho vay thóc

nghĩa thương làm giống hoặc đổi giống, phát triển nuôi gà, vịt và mỗi nhà đều trồng bông, khai khẩn đất hoang, bảo vệ khai thác lâm sản.

Thành lập ban chống đói gồm các ông trong Ủy ban kháng chiến hành chính xã, các ban ngành để đôn đốc, kiểm tra nhân dân sản xuất. Tổ chức mít tinh ở 2 nơi: tại Nà Liềng gồm các thôn Quảng Bình, Khau Pa, Nà Tấc, một nửa thôn Yên Nhuận. Tại Ủm Đon gồm thôn Chỉ Mỹ và một nửa thôn Yên Nhuận để phát động thi đua đợt 1 với nội dung là: làm Nam Ninh, gieo mạ, cày bừa ruộng cấy, cày ải ruộng mùa, tiếp tục đào mương phai. Gieo ngô 3 tháng và 5 tháng, trồng sắn, mía, chăm sóc trâu đặc biệt là bê nghé, làm hố ủ phân.

Sáng 11-2-1954, Ủy ban kháng chiến hành chính xã họp với đoàn cán bộ dân công của tỉnh và liên khu Việt Bắc để bố trí chỗ nghỉ cho dân công nơi khác đến. Nà Coóc - Nà Liềng sẽ bố trí chỗ nghỉ cho 100 người ở Chợ Rã. Pác Toong sẽ bố trí chỗ nghỉ cho dân công các xã Phương Viên, Đông Viên, Bằng Phúc ở. Pác Là sẽ bố trí cho dân công các xã Thành Công, Thắng Lợi, Ngọc Bằng ở. Bản Tắm sẽ bố trí cho dân công Nhu Viễn, Yên Thịnh ở.

Ngày 13-4-1954, chính quyền xã họp Ủy ban nông hội và các ngành để học tập bản báo cáo tổng kết kinh tế - tài chính của tỉnh Bắc Kạn. Tiêu chuẩn chiến sỹ thi đua, nghị quyết chống đói, học tập bản giao ước thi đua. Qua 5 ngày học tập 13-17/4/1954 đã đề ra chương trình thực hiện là: Thành lập Ban chống đói gồm 5 người do ông Nguyễn Văn Ninh làm Trưởng ban, thành lập ban kinh tế gồm 5

người. Nội dung chống đói, cứu đói là trồng khoai lang 3 tháng, trồng ngô 4 tháng, tích cực đào mương đắp phai.

Ngày 21-4-1954, Ủy ban kháng chiến hành chính xã họp để kiểm điểm thực hiện nghị quyết về sản xuất, dân công, chống đói. Hội nghị đánh giá chất lượng các tổ đổi công ở các thôn: Chỉ Mỹ 7 tổ, Yên Nhuận 9 tổ, Khau Pa 8 tổ, Phong Huân 3 tổ, Bằng Tấc 4 tổ, Quảng Bình 9 tổ. Toàn xã có 40 tổ đổi công, trong đó có những tổ hoạt động khá: Nà Tấc, Nà Giỏ, Phiêng Diề, Nà Coóc, Bản Pièo, Pác Cộp, Bản Lanh, Nà Lẹng. Chi bộ Đảng đã lãnh đạo thành công mọi mặt công tác, đảm bảo cho xã giữ vững vị trí của khu an toàn trong suốt thời kỳ kháng chiến, đồng thời có đủ sức cung cấp về người và của cho tiền tuyến.

Sau 56 ngày đêm, chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc với thắng lợi hoàn toàn thuộc về ta. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ mạnh nhất Đông Dương của Pháp đã bị đánh sập, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ lập lại hòa bình trên toàn cõi Đông Dương ngày 20-7-1954.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chi bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Thành Công (trong đó có Bình Trung) đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, thử thách góp phần cùng với nhân dân cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và tiến lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội đồng thời chi viện sức

người sức của cho miền Nam. Miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến tới thống nhất nước nhà. Cùng với nhân dân miền Bắc, nhân dân xã Thành Công bước vào thời kỳ mới đẩy mạnh tăng gia sản xuất đồng thời chi viện sức người, sức của cho miền Nam ruột thịt.

Trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ, Chi bộ Thành Công đã lãnh đạo nhân dân cần cù lao động, tăng cường chi viện sức người, sức của cho cuộc kháng chiến. Xã đã huy động hàng trăm lượt người đi dân công, đi bộ đội và tham gia dân quân du kích. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, xã có 2 liệt sỹ (Nông Văn Lê và Nguyễn Văn Nam) và nhiều người khác đã để lại một phần xương máu trên chiến trường. Ghi nhận những thành tích của nhân dân các dân tộc Bình Trung (ngày nay), Chính phủ đã tặng 4 Huân chương kháng chiến hạng Nhì, 2 Huân chương kháng chiến hạng Ba, 24 Huy chương kháng chiến hạng Nhất, 17 Huy chương kháng chiến hạng Nhì và 4 Bằng của Thủ tướng Chính phủ tặng tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong kháng chiến.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp trước hết là do có đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh". Đường lối đó đã được Chi bộ Đảng quán triệt và vận dụng linh hoạt, chủ động, sáng tạo vào hoàn cảnh của địa phương. Được sự giúp đỡ của Huyện ủy Chợ Đồn, Chi bộ Đảng Thành Công đã tăng cường đoàn kết nhân dân, chính quyền và các đoàn thể cách mạng trong

Mặt trận Việt Minh để thực hiện chiến tranh nhân dân, góp phần vào thắng lợi to lớn của dân tộc. Những kết quả đã đạt được trong kháng chiến chống thực dân Pháp, là cơ sở, tiền đề, tạo động lực giúp tổ Đảng, Chi bộ và nhân dân xã Thành Công (trong đó có Bình Trung) đẩy mạnh sản xuất, gặt hái những thành công trong thời gian tiếp theo.

Di tích Hội trường Tám mái từng là nơi làm việc của Văn phòng Trung ương Đảng ở xã Bình Trung

Di tích Bản Ca - nơi ở và làm việc của Bác Hồ năm 1947

Bản Tảng - nơi ở và làm việc của Đại tướng Hoàng Văn Thái

Khuổi Áng - trụ sở Báo Cứu quốc

Nhà ông Ma Văn Chương (thôn Nà Phầy) - nơi ở và làm việc của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh

Nhân dân các dân tộc xã Bình Trung đón đồng chí Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa và đoàn công tác về thăm và làm việc tại Bình Trung năm 2006

Lãnh đạo xã Bình Trung chụp ảnh lưu niệm với các tân binh chuẩn bị lên đường nhập ngũ

Hội Phụ nữ xã Bình Trung tổ chức Hội thi "Chi hội trưởng giỏi và giao lưu tiếng hát ru và làn điệu dân ca năm 2014"

Chương IV

CHI BỘ ĐẢNG XÃ BÌNH TRUNG THÀNH LẬP LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ GÓP PHẦN ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)

I. CHI BỘ ĐẢNG XÃ BÌNH TRUNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC, CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (1954-1965)

1. Chi bộ Bình Trung lãnh đạo nhân dân hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế (1954-1958) và thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960)

Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc được hòa bình nhưng đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, Mỹ dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm đồng thời phá hoại Hiệp định Giơnevơ nhằm chia cắt nước ta lâu dài, biến miền Nam thành tiền đồn chống cộng sản.

Tình hình nước ta đã đặt ra cho Đảng 2 nhiệm vụ chiến lược: nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở

miền Bắc; đối với miền Nam, Đảng đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị đòi Mỹ - Diệm nghiêm chỉnh thực hiện Hiệp định Giơnevơ.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, nhân dân xã Thành Công được sống trong hòa bình nhưng đời sống gặp rất nhiều khó khăn: Sản xuất lạc hậu mang nặng tính tự cung, tự cấp; chủ yếu độc canh cây lúa, lại sản xuất mỗi năm 1 vụ do không có thủy lợi nên năng suất thấp, nạn đói thường xuyên có nguy cơ xảy ra. Việc quản lý thu thuế trong những năm đầu còn gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù khó khăn rất lớn nhưng với tinh thần chiến đấu kiên cường không ngại khó, ngại khổ trong kháng chiến, đồng thời thực hiện chủ trương của Đảng về khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, Chi bộ và chính quyền xã Thành Công đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, động viên nhân dân phát huy truyền thống cách mạng yêu nước, đoàn kết một lòng, vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thực hiện lời kêu gọi "Thi đua yêu nước" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cấp ủy, chính quyền xã Thành Công đã đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ thắng lợi của Đảng trong việc ký Hiệp định Giơnevơ. Ngoài ra, Chi bộ xã đã thực hiện tốt việc lãnh đạo nhân dân hưởng ứng cuộc vận động lấy chữ ký kiến nghị đòi các nước liên quan thi hành nghiêm chỉnh những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ.

Khôi phục và phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Chi bộ. Các phong trào sản xuất, khai

hoang tiết kiệm, vận động nhân dân từ bỏ lối sống du canh, du cư thực hiện định canh, định cư được Chi bộ phát động rộng rãi.

Ngày 7-3-1955, Ủy ban hành chính xã đã họp đề ra những nhiệm vụ cần thiết phải giải quyết như: quyết định lập tủ thuốc của xã, mỗi người kể từ khi mới sinh đến người già đều góp mỗi người 100 đồng, trừ học sinh cấp III và quân nhân tại ngũ; lựa chọn giáo viên bình dân học vụ; lập xã ước nông thôn và xã hội. Tập trung các khoản thóc cũ, sửa chữa nhà trường, sơ kết 3 cuộc vận động lớn: cải tạo mương, phai; cấy lúa Nam Ninh, trồng màu; chuồng trâu có hố ủ phân. Toàn xã có 33 người được cấp phát vải mặc với 130m (vải xanh 52m, vải trắng 12m, vải hoa 26m, vải đen 40m). Đồng thời, xã cũng đã tổ chức học tập nội quy tổ đổi công.

Mục đích của tổ đổi công là đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau để đảm bảo dân công sản xuất, trao đổi kinh nghiệm sản xuất; giáo dục, khuyến khích lẫn nhau, có tinh thần tập thể và cùng tiến bộ. Tổ viên tổ đổi công tham gia tự nguyện, tự giác, không bắt buộc, bất kỳ ai hễ là nông dân lao động đều vào được, mỗi tổ lập từ 3-10 nhà. Tổ viên tổ đổi công phải đoàn kết thân ái, không được bè phái, phá rối nội bộ, tuân theo sự điều khiển của tổ trưởng. Phải sinh hoạt đều, mỗi gia đình đều có chương trình sản xuất, mỗi tổ viên có quyền bàn bạc xây dựng chung.

Song song với công tác sản xuất, Chi bộ còn huy động một lực lượng dân công đi sửa đường quốc lộ 3 đoạn qua Bắc Kạn, đi khai thác gỗ ở vùng Chợ Mới cung cấp cho

Nhà nước làm tà vẹt. Vì vậy, các tổ đổi công được củng cố, đóng vai trò tích cực trong việc giúp đỡ nhau sản xuất, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu trên giao.

Trước đây, nhân dân các dân tộc trong xã không quen cấy lúa xuân vì ngại gian khổ, rét buốt, trái vụ, việc chăn nuôi gia súc cũng theo lối thả rông. Sau Tết Ất Mùi (năm 1955), Chi bộ xã đã mở hội nghị lớn gồm quân, dân chính Đảng để quán triệt và hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch ra sức thi đua sản xuất, tiết kiệm thi đua cấy nhiều lúa, trồng nhiều màu và chăn nuôi gia súc. Phát huy thắng lợi vụ lúa xuân năm 1954, đúc kết những mặt tích cực và rút ra những bài học kinh nghiệm sản xuất, nhân dân các dân tộc ở các thôn bản trong xã đều hăng hái đăng ký cấy lúa xuân. Diện tích được đăng kí cao hơn so với chỉ tiêu trên giao: thôn Bằng Tấc 45 bung, thôn Phong Huân 26 bung, thôn Chỉ Mỹ 60 bung, thôn Khau Pa 90,3 bung, thôn Yên Nhuận 81 bung, thôn Quảng Bình 54 bung, tổng cộng là 356,3 bung.

Năm 1955 cũng là năm xuất hiện nạn dịch sâu ăn lúa rất trầm trọng. Chi bộ đã huy động tất cả già, trẻ, trai, gái ra đồng bắt và diệt được hàng tạ sâu. Do Chi bộ tích cực chỉ đạo và chủ động nên hết năm 1955 đã thu hoạch 2 vụ lúa với sản lượng hơn 997 tấn (năm 1954 thu là 772,872 tấn), đảm bảo đóng cho Nhà nước 130 tấn và bán 55 tấn thóc yêu nước.

Trong chăn nuôi, đàn trâu bò được chú ý chăm sóc hơn, tình trạng thả rông được hạn chế. Một số nơi nhân dân đã làm chuồng có phên che chắn, lót rơm rạ cho trâu bò nằm. Số lượng đàn gia cầm cũng có xu hướng.

Năm 1955, nhân dân các dân tộc xã Thành Công bước vào cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Triển khai cuộc vận động, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện đã thành lập đội xuống các xã và đi xuống tận các thôn tổ chức cho nhân dân học tập yêu cầu, mục đích, nội dung của cuộc vận động. Được học tập, hiểu rõ việc thành lập khu tự trị Việt Bắc là mang lại quyền lợi thiết thực cho nhân dân các dân tộc thiểu số Việt Bắc nên nhân dân các dân tộc huyện Chợ Đồn phấn khởi hưởng ứng. Sau 1 năm tuyên truyền vận động, đến ngày 19-8-1956 khu tự trị Việt Bắc chính thức được thành lập.

Sau 3 năm khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục, đời sống vật chất văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc trong xã được cải thiện một bước. Đó là cơ sở để Chi bộ Đảng và nhân dân trong xã tiến lên thực hiện thắng lợi 3 năm cải tạo các thành phần kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chủ trương của tỉnh Bắc Kạn và huyện Chợ Đồn, ngày 28-4-1958 xã Thành Công được chia thành 3 xã: xã Yên Nhuận (gồm thôn Khau Pa, thôn Yên Nhuận), xã Yên Mỹ (gồm thôn Chỉ Mỹ), xã Phong Huân (gồm thôn Phong Huân, thôn Bằng Tấc). Xã Thắng Lợi được chia thành 2 xã: xã Nghĩa Tá và xã Lương Bằng. Xã Bình Trung được thành lập gồm 2 thôn: thôn Quảng Bình của xã Thành Công và thôn Tân Trung của xã Thắng Lợi. Tại thời điểm đó, thôn Quảng Bình gồm có các xóm bản: Tông Quận, Khuổi Liên, Nà Đon, Nà Oóc, Nà Hấn, Nà Quân, Nà Kham, Nà Phầy, Khuổi Nhàn, Bản Điếng, Bản

Pièo; thôn Tân Trung có các xóm, bản: Bản Ca, Khuổi Châng, Bản Tuốm, Khuổi Áng, Pác Khao, Khuổi Khao, Bản Cha, Khuổi Loọc. Từ "bình" của thôn Quảng Bình và từ "trung" của thôn Tân Trung là nguồn gốc của tên gọi xã Bình Trung ngày nay.

Sau khi tách xã, Chi bộ Đảng xã Bình Trung gồm có 14 đảng viên: Ma Văn Nồng, Triệu Văn An, Triệu Văn Nhiêu, Hoàng Văn Điền, Ma Doãn Thịnh, Hoàng Văn Chu, Ma Văn Tiệu, Hoàng Văn Lục, Lường Đình An, Bàn Văn Sinh, Ma Văn Ly, Bàn Văn Nèn, Ma Văn Kim, Bàn Văn Hiến. Ban Chi ủy lâm thời được thành lập gồm 3 đồng chí: đồng chí Triệu Văn Nhiêu là Bí thư, đồng chí Hoàng Văn Chu là Phó Bí thư, đồng chí Ma Văn Ly là Chi ủy viên.

Tháng 8-1958, Đại hội Chi bộ xã Bình Trung khóa đầu tiên được tổ chức. Đại hội đánh giá tình hình thực tiễn của địa phương và đề ra phương hướng trong 2 năm 1958-1959. Đại hội bầu Ban Chi ủy, đồng chí Triệu Văn Nhiêu được bầu làm Bí thư, đồng chí Bàn Văn Hiến được bầu làm Phó Bí thư, đồng chí Hoàng Văn Chu được bầu làm Chi ủy viên - Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Khi mới thành lập, xã còn gặp nhiều khó khăn, song Chi bộ Đảng, Ủy ban hành chính xã đã bắt tay vào việc lãnh đạo nhân dân thực hiện Nghị quyết 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11-1958) chủ trương phát triển kinh tế văn hóa trong kế hoạch 3 năm (1958-1960) và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư nhân.

Căn cứ vào đặc điểm của địa phương, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện Chợ Đồn, Chi bộ Đảng xã Bình Trung đã xác định nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa ở địa phương: chủ yếu là thực hiện cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đối với nông dân theo đúng sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn là đảm bảo đường lối, phương châm, nguyên tắc mà Trung ương Đảng đề ra tại Hội nghị lần thứ 16 của Trung ương (tháng 4-1959) là: Đường lối giai cấp của Đảng trong cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp là dựa hẳn vào trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, hạn chế đi đến xóa bỏ sự bóc lột kinh tế của phú nông, cải tạo phú nông, ngăn ngừa địa chủ ngóc đầu dậy, tiếp tục mở đường cho địa chủ lao động cải tạo thành con người mới. Kiên quyết đưa nông dân đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Phương châm tiến hành là: Tích cực lãnh đạo vững bước tiến lên quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng, làm tốt, vững và gọn. Ba nguyên tắc được quán triệt trong quá trình xây dựng, củng cố hợp tác xã là: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Bước vào quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, xã Bình Trung có nhiều thuận lợi. Chi bộ Đảng đã trưởng thành trong quá trình kháng chiến chống Pháp, nhân dân các dân tộc có truyền thống yêu nước, cách mạng, cần cù lao động. Phong trào đổi công từ trong kháng chiến, những năm đầu hòa bình tiếp tục được xây dựng và củng cố có tác dụng hướng đồng bào các dân tộc làm quen dần với

hình thức sản xuất tập thể. Trên địa bàn xã chưa có sự phân hóa lớn giàu - nghèo. Đa số là dân nghèo sống với nhau cùng một thôn theo tập quán anh em dòng họ mạc. Thành phần dân tộc có 2 dân tộc Tày và Dao, tập quán đều sản xuất nông nghiệp tự túc. Không có địa chủ, phú nông, cả xã chỉ có vài chục hộ đủ ăn do tự lao động.

Tuy nhiên, cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực nông nghiệp đối với xã Bình Trung gặp không ít khó khăn khi chuyển đổi quan hệ sản xuất. Từ bao đời, người nông dân đã gắn bó với mảnh vườn, thửa ruộng và cách làm ăn riêng lẻ, không dễ gì họ tự nguyện nộp vào tập thể tất cả ruộng đất. Dân cư làng bản ở thưa thớt, ruộng đất phân tán, manh mún, kỹ thuật canh tác lạc hậu. Ngoài công cụ cày, bừa, trâu kéo, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất hầu như không có gì. Chi bộ Đảng xác định khó khăn nhất là sự thay đổi căn bản thói quen, nếp nghĩ, nếp làm có từ bao đời nay đối với người nông dân trên mảnh đất của họ.

Quá trình học tập và vận động, chỉ đạo xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở Bình Trung cũng là quá trình đấu tranh nâng cao nhận thức của đảng viên trong toàn Chi bộ về đường lối của Đảng ở nông thôn, là quá trình kết hợp giữa vận động hợp tác xã nông nghiệp với việc thực hiện cuộc vận động cải cách dân chủ theo Chỉ thị 156 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Đồng thời phát triển kinh tế, Chi bộ đã đề ra những nhiệm vụ quan trọng về phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, tổ chức lực lượng dân quân, du kích, giữ gìn an ninh cho

địa phương để ổn định cuộc sống, tạo điều kiện xây dựng hợp tác xã, củng cố tổ chức Đảng làm nòng cốt để thúc đẩy phong trào. Từ ngày thành lập chi bộ đầu tiên cho việc chia tách xã đến năm 1959, Chi bộ xã Bình Trung họp bàn phương hướng học tập và vận động thành lập thí điểm Hợp tác xã Nà Quân vụ đông xuân 1959-1960 làm điểm chỉ đạo lấy kinh nghiệm để nhân ra các hợp tác xã mới. Hợp tác xã Nà Quân gồm: Nà Quân, Nà Chao, Nà Hấn, Nà Oóc; xã viên hưởng hoa lợi 25%. Chủ nhiệm Hợp tác xã Nà Quân là ông Triệu Văn Nhiêu.

Tháng 9-1959, Đại hội Chi bộ xã Bình Trung khóa II, nhiệm kỳ 1959-1961 đã bầu ra Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí, đồng chí Triệu Văn Nhiêu được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Chu là Phó Bí thư, chi ủy viên là các đồng chí Bàn Văn Hiến, Hoàng Văn Điền, Ma Doãn Thịnh.

Ngày 20-11-1960, xã thực hiện chiến dịch "Đèo Giàng anh dũng, Đông Xuân đại thắng" do tỉnh phát động, hợp tác xã và các bản thu hoạch lúa mùa và chuẩn bị làm 2 vụ Đông Xuân.

Năm 1960 là năm huyện giao bán lương thực thay cho việc vận động hộ nông dân bán thóc yêu nước, cũng là năm Nhà nước có chủ trương giao việc bán nghĩa vụ lương thực hàng năm cho người dân sản xuất nông nghiệp. Đây là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Lần đầu tiên giao mức, người nông dân từ trước tới nay do đói nghèo ít người dư thừa bán nên việc giao nghĩa vụ lương

thực cho hợp tác xã và hộ nông dân bắt đầu động chạm đến bữa ăn của họ nên việc vận động bán nghĩa vụ lương thực gặp nhiều khó khăn.

Trong lĩnh vực giáo dục, năm học 1958-1959, trường cấp I Bình Trung cũng được thành lập, chuyển từ phân trường Bản Tuốm lên Leo Cù. Tại thời điểm đó, trường mới có lớp 1-2 ghép và lớp 3. Học hết lớp 3, các em trong xã phải đi học lớp 4 ở xã Yên Nhuận.

Sau 3 năm khắc phục hậu quả chiến tranh (1954-1957) xã Bình Trung đã đạt được một số thành tựu trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy những thành quả đó chưa thật sự cải thiện được đời sống nhân dân nhưng là tiền đề cơ bản để Chi bộ lãnh đạo nhân dân các dân tộc Bình Trung thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong những giai đoạn tiếp theo.

2. Chi bộ Đảng Bình Trung lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Sau khi hoàn thành khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa, tình hình miền Bắc đã có nhiều thay đổi. Kinh tế miền Bắc được phục hồi và bước đầu phát triển, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện và ngày càng nâng cao.

Tháng 9-1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là: Tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam,

thực hiện thống nhất nước nhà. Sau thắng lợi của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, miền Bắc bắt tay vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội (1961-1965). Những nhiệm vụ nặng nề, phức tạp ấy đòi hỏi Đảng phải nâng cao tính giai cấp, tính tiên phong, vững mạnh cả về tư tưởng, tổ chức để không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo.

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, theo tổng điều tra dân số ngày 1-3-1960, toàn xã Bình Trung có 112 hộ, 676 nhân khẩu, có 2 dân tộc: Tày 531 người, Dao 145 người.

Năm 1961, Đại hội Chi bộ Đảng xã Bình Trung khóa III, nhiệm kỳ 1961-1962 được tổ chức. Đại hội đã tiến hành tổng kết, đánh giá những mặt tích cực và kiểm điểm những hạn chế còn tồn tại trong khóa II. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ, phương hướng cho nhiệm kỳ mới. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí: đồng chí Hoàng Văn Điền được bầu làm Bí thư, đồng chí Hoàng Văn Chu tiếp tục được bầu làm Phó Bí thư; các đồng chí Bàn Văn Hiến, Triệu Văn Nhiêu, Triệu Văn An được bầu là các Chi ủy viên.

Từ năm 1960-1962, phong trào hợp tác xã ở Bình Trung tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Năm 1960-1961, xã thành lập hợp tác xã Bản Ca do ông Bàn Văn Long làm Chủ nhiệm và Hợp tác xã Quảng Bình (gồm Tông Quận, Nà Đon, Khuổi Liên) do ông Nông Văn Thông làm Chủ nhiệm. Năm 1961-1962, Hợp tác xã Bản Điếng và Hợp

tác xã Tân Trung được thành lập. Hợp tác xã Bản Điếng (gồm Bản Điếng, Nà Phầy) do ông Ma Doãn Phụng làm Chủ nhiệm và Hợp tác xã Tân Trung (gồm Bản Tuốm, Khuổi Áng, Pác Khao, Bản Cha) do ông Lường Đình An làm Chủ nhiệm.

Sau khi thành lập, việc củng cố các hợp tác xã được Chi bộ hết sức coi trọng cả về mặt tư tưởng, tổ chức. Tuy nhiên, về lượng thì bước đầu đã đạt được, về chất còn yếu kém. Trước hết các cán bộ lãnh đạo hợp tác xã đều có trình độ văn hóa thấp, trình độ khoa học kỹ thuật lạc hậu. Việc tuyển cử cán bộ chủ chốt đi học khó khăn, ngại gian khổ về tuổi tác, vì trình độ văn hóa. Việc đề bạt cán bộ, đề cử, ứng cử vào các ban ngành có tính chất bắt buộc, gò ép. Thanh niên trai trẻ có trình độ văn hóa một phần đi bộ đội hay đi thoát ly, đi học chuyên nghiệp.

Lực lượng lao động tuy đông nhưng đa số là người đã có tuổi và đang nuôi con nhỏ, có hợp tác xã như Bản Điếng, xã viên phải đi làm ruộng xa khoảng 3km theo khe suối, những cánh đồng nằm trong thung lũng xa giữa rừng không được bón phân, cấy chay. Dần dần, Chi bộ đã huy động xã viên đi chặt cỏ tàu bay, cây chó đẻ và một số lá cây về đào hố ngay giữa đám ruộng, ủ mục tại chỗ để làm phân xanh.

Diện tích sản xuất của các hợp tác xã đều khá rộng nên việc rào chắn khó khăn, cùng với đó là nạn thả rông trâu bò đã thành tập quán khiến nhiều hoa màu của xã viên bị phá, ảnh hưởng đến năng suất thu hoạch. Trước tình hình đó, các hợp tác xã đã có nội quy, quy ước để bảo

vệ cây trồng, mặt khác hợp tác xã nghiên cứu tập thể hóa đàn trâu cày. Kinh tế tập thể được đẩy mạnh, chiếm ưu thế hơn nền sản xuất của cá thể, tạo điều kiện cho xã viên có nhiều khả năng phát triển ngành nghề.

Để thúc đẩy sản xuất, năm 1961, xã đã khởi công làm mương Tông Liên, từ đầu cánh đồng Bản Tắm (xã Yên Nhuận) về cánh đồng Tông Liên phục vụ đủ nước tưới cho hơn 7ha làm được 2 vụ. Dân công làm công trình chủ yếu là nhân dân các dân tộc trong xã, đồng thời huyện Chợ Đồn huy động thêm lực lượng dân công của các xã Yên Nhuận, Phong Huân cùng tham gia.

Song song với việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp, Chi bộ Đảng đã cho tiến hành thành lập hợp tác xã tín dụng. Năm 1961, hợp tác xã tín dụng được thành lập, Ban Quản lý có 3 người, đồng chí Triệu Văn Nhiêu là Chủ nhiệm. Các đảng viên trong Chi bộ cùng tham gia vận động xã viên trước, góp mỗi cổ phần 2 đồng. Thời gian đầu, phong trào gửi tiền tiết kiệm của xã đều cũng hoàn thành chỉ tiêu. Về sau, do quen lối làm ăn nông nghiệp tự túc, ngại vay chịu lãi, hợp tác xã tín dụng không phát huy được thế mạnh, phải đem vốn lên ngân hàng gửi.

Năm 1961, xã thành lập hợp tác xã mua bán, Ban Quản lý có 3 người do đồng chí Ma Doãn Thịnh làm Chủ nhiệm. Hợp tác xã mua bán góp mỗi cổ phần 3 đồng, lấy hàng hóa ở thương nghiệp Chợ Đồn và hợp tác xã mua bán huyện về bán cho bà con, đồng thời thu mua hàng nông sản của nhân dân, khó khăn nhất là thời kỳ hàng hóa định lượng, phân phối (tem, phiếu vải).

Như vậy, mục tiêu xây dựng 3 ngọn cờ hồng (hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán) ở nông thôn được hoàn thành.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, công tác văn hóa, giáo dục có bước phát triển mới. Cơ sở vật chất bước đầu được chú trọng, số học sinh đi học ngày càng tăng. Năm 1960-1961, trường cấp I Bình Trung đã có đủ lớp từ lớp 1 đến lớp 4, do thầy Ma Văn Khang (người xã Yên Thượng) làm Hiệu trưởng. Cũng từ năm học 1960-1961, trường mới có khóa thi tốt nghiệp lớp 4 đầu tiên tại xã với gần 10 em dự thi. Trong những năm 1961-1965, nhà trường chỉ phát triển ở quy mô nhỏ, mỗi khối có 1 lớp với gần 20 học sinh. Cả trường có 4 giáo viên (mỗi giáo viên phụ trách một lớp). Hàng năm, trước ngày khai giảng 1 tháng, phụ huynh và nhân dân trong xã đã lo tu sửa trường lớp, đóng mới bàn ghế hỏng, mất hàng nghìn ngày công.

Cùng với công tác giáo dục, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được quan tâm. Trạm xá xã được thành lập ngày 28-4-1962 ở Leo Cù. Ngày đầu mới xây dựng, trạm là một nhà gỗ 4 gian, phên liếp bằng nứa, lợp lá cọ, do y tá Ma Doãn Thượng làm Trạm trưởng. Cán bộ trạm có 7 người (4 y tá, 3 nữ hộ sinh), trình độ mới được đào tạo từ 3-9 tháng, do đó chuyên môn còn rất hạn chế, chủ yếu là khám thai, đỡ đẻ, phát thuốc, bán thuốc, tiêm thuốc, truyên truyền vận động nhân dân vệ sinh phòng bệnh như ăn chín, uống sôi, phát động phong trào "Sạch làng, tốt ruộng". Nhờ vậy, nhân dân từng bước hiểu và tin vào khoa học, giảm dần mê tín dị đoan.

Cơ sở vật chất của trạm gồm 1 tủ đựng thuốc, 1 bàn đẻ bằng gỗ, 1 bàn làm việc, 2 ghế tựa, 2 ghế dài, 4 giường bằng vầu. Ty Y tế Bắc Kạn trang bị thêm cho một số y dụng cụ đơn giản đủ cho trạm xá hoạt động và một số thuốc thông thường ban đầu.

Thời kỳ đầu mới thành lập trạm chưa có bệnh nhân, sản phụ chưa đến trạm xá để sinh đẻ, chủ yếu là dân mời cán bộ y tế đến đỡ đẻ tại nhà. Do đó, nữ hộ sinh, y tá đều phải biết làm việc của nhau. Từ năm 1962-1965, huyện Chợ Đồn chưa có bệnh viện, mới có bệnh xá, chưa có cửa hàng dược phẩm. Hàng tháng, hàng quý, cán bộ trạm phải đi bộ ra thị xã Bắc Kạn mua thuốc về phục vụ nhân dân, mỗi chuyến cả đi, về mất 3 ngày. Những bệnh nhân, sản phụ nặng đều phải khiêng bộ ra bệnh viện tỉnh Bắc Kạn. Tại trạm, y tá trực mỗi ngày 1 người vào các buổi chiều, mỗi người trực 15 ngày; nữ hộ sinh thay nhau mỗi người trực 1 tháng, mỗi ngày 1 buổi chiều. Thù lao hưởng theo công điểm hợp tác xã nông nghiệp, mỗi buổi 5 điểm.

Năm 1962, Đại hội Chi bộ xã Bình Trung lần thứ IV, nhiệm kỳ 1962-1964 được tổ chức. Đại hội đánh giá những kết quả đã đạt được của nhiệm kỳ trước và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới. Đại hội đã bầu Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí. Đồng chí Triệu Văn Nhiêu được bầu làm Bí thư, đồng chí Ma Doãn Phụng được bầu làm Phó Bí thư.

Năm 1962, xã tổ chức cuộc vận động củng cố vùng xung yếu, tuy không phát hiện có các tổ chức hay Đảng phái phản động nhưng cũng chấn chỉnh ngay được một số

ít người không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Ban Chi ủy và Chi bộ đã coi trọng công tác trị an là then chốt cho việc giữ gìn và bảo vệ cho nhân dân yên tâm sản xuất. Qua đợt củng cố vùng xung yếu, mạng lưới bảo vệ viên được bố trí từ cơ sở đội sản xuất.

Năm 1963, Chi bộ nhiều lần tổ chức họp để kiểm tra đôn đốc các hợp tác xã thi đua sản xuất, cải tiến nông cụ, chống xói mòn, đắp mương, phai, làm cỏ, bón phân, phát nương rẫy để trồng màu, giao chỉ tiêu sản xuất cho các hợp tác xã.

Sang vụ đông xuân 1963-1964, thực hiện Nghị quyết của tỉnh, huyện, phát động học tập xã Cao Phong (Xuân Lạc) về thực hiện chỉ tiêu kinh tế nhất là làm thủy lợi và mở chiến dịch sản xuất vụ Đông xuân 1963-1964, nội dung chủ yếu là bảo đảm các chỉ tiêu đề ra, cày, bừa, bón phân thời vụ, cải tiến nông cụ, làm chuồng gia súc xa nhà, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Năm 1964, Đại hội Chi bộ lần thứ V, nhiệm kỳ 1964-1966 được tổ chức. Lúc này Chi bộ có 21 đảng viên. Đại hội xác định đẩy mạnh phát triển sản xuất, củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp nhất các hợp tác xã. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí. Đồng chí Triệu Văn Nhiêu được bầu làm Bí thư chi bộ, đồng chí Ma Doãn Phụng được bầu làm Phó Bí thư.

Đi đôi với công việc xây dựng củng cố hợp tác xã, Ban Chi ủy tổ chức phòng thủ trật tự an ninh ở địa phương nhất là chống biệt kích nhảy dù phá hoại, công an và xã đội được kiện toàn sau các kỳ bầu cử chính quyền xã theo

định kỳ và bổ sung người có năng lực, tổ chức lại các đội tự vệ dân quân và đặt nhiều phương án tác chiến chống biệt kích. Sau các vụ Mỹ - ngụy cho máy bay thả biệt kích xuống miền Bắc nước ta, nhất là sau vụ biệt kích nhảy dù Phủ Thông ngày 4-9-1963 càng làm cho nhân dân ta đề cao cảnh giác nhiều hơn nữa. Ban Chi ủy đã lập Ban chỉ huy tác chiến trọng điểm của xã nhất là những soi bãi, đồi trọc rộng tiện cho việc hạ máy bay trực thăng.

Cả xã đã biên chế đủ cán bộ lãnh đạo Ban Chỉ huy gồm 3 người với tổng là 39 người chia ra làm 3 tiểu đội. Hàng năm, xã đều tổ chức huấn luyện xạ kích và dựng sa bàn chống biệt kích nhảy dù, trực thăng đổ bộ, tổ chức huấn luyện chiến đấu ban đêm. Mặt khác, tích cực huấn luyện dân quân để sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh của cấp trên, trước hết biết sử dụng thành thạo một số vũ khí thông thường.

Tổ chức Đảng ngày càng được củng cố vững mạnh, đáp ứng nhu cầu lãnh đạo ở địa phương, các hạt nhân tích cực được chăm lo bồi dưỡng. Chi bộ phấn đấu đạt "4 tốt" (lãnh đạo sản xuất và hợp tác xã tốt, phát triển Đảng tốt, chấp hành chính sách tốt, lãnh đạo quần chúng tốt).

Tháng 8-1964, đế quốc Mỹ đưa máy bay ra đánh phá miền Bắc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Chợ Đồn. Ban Chi ủy lãnh đạo và uốn nắn ngay những tư tưởng lệch lạc, phải kịp thời chuyển hướng cả về tư tưởng lẫn hành động để góp phần cùng cả nước đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Sự kiện đế quốc Mỹ ném bom miền Bắc đã có tác động chuyển biến về tư tưởng của cả Chi bộ và nhân

dân. Vụ đông xuân 1964-1965, các hợp tác xã xây dựng mức chỉ tiêu chủ yếu cây lương thực đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

Hưởng ứng phong trào "Ba sẵn sàng" do Trung ương Đoàn phát động từ tháng 2-1965, Đoàn Thanh niên xã Bình Trung đã đi đầu mọi phong trào ở hợp tác xã. Chuyển phân ra đồng bón lúa, thực hiện kỹ thuật, tranh thủ gặt lúa, vệ sinh làng bản thực hiện khẩu hiệu "Sạch làng, tốt ruộng". Hàng năm đến kỳ khám tuyển thanh niên đều đi khám sức khỏe khi có lệnh là lên đường ngay.

Phát huy tinh thần cách mạng, giữ vững truyền thống con cháu bà Trưng, bà Triệu, ngày 19-3-1965 Ban Chấp hành Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam cũng phát động phong trào "Ba đảm đang", nông dân tay liềm, tay súng cùng với cả miền Bắc đang sôi sục phong trào thi đua "mỗi người làm việc bằng hai", Ban Chấp hành phụ nữ xã Bình Trung phát động nhiều phong trào chị em phụ nữ thi đua sản xuất giỏi, dạy con ngoan. Trong hợp tác xã chị em cũng gánh phân ra đồng, cũng cày, bừa, làm cỏ, cấy hái như nam giới và thanh niên, tham gia công tác lãnh đạo trong chính quyền và các đoàn thể ở xã.

Sau 4 năm (1961-1964), dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, nhân dân các dân tộc xã Bình Trung đã vào hợp tác xã làm ăn theo con đường tập thể hóa, diện mạo nông thôn có nhiều thay đổi. Đời sống của nhân dân trong xã được cải thiện một bước về vật chất và văn hóa tinh thần. Chi bộ không ngừng lớn mạnh về tư tưởng và tổ chức, ổn định từ trên xuống dưới làm cho sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng

có hiệu quả hơn. Năng lực điều hành, quản lý của chính quyền được nâng lên, vai trò của các đoàn thể quần chúng được phát huy mạnh mẽ.

II. CHI BỘ ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TÍCH CỰC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG, GÓP PHẦN ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Nhân dân Bình Trung vừa sản xuất, vừa chiến đấu, góp phần chiến thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968)

Thất bại nặng nề trong "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, năm 1965 đế quốc Mỹ chuyển sang "chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân viễn chinh và quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam đồng thời gây ra chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ở miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương với tiền tuyến.

Trước tình hình đó, kỳ họp thứ 11 (tháng 3-1965) của Trung ương Đảng khóa III, đã chỉ rõ: "Âm mưu và hành động chiến tranh của đế quốc Mỹ làm cho tình hình của cả nước có chiến tranh với mức độ khác nhau". Hội nghị khẳng định trong bất kỳ tình huống nào cũng phải bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 21-4-1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 103 về việc sáp nhập huyện Ba Bể và huyện Ngân Sơn của tỉnh Bắc Kạn vào tỉnh Cao Bằng. Thị xã Bắc Kạn và các huyện: Bạch Thông, Na Rì, Chợ Đồn sáp nhập với tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái.

Ngay sau khi Mỹ ném bom bắn phá kho vũ khí quân dụng A3 (thuộc Xuất Hóa, Bạch Thông) mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại Bắc Thái, Tỉnh ủy Bắc Thái đã có chủ trương đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng không sơ tán nhằm tránh sự thiệt hại về người và của tới mức thấp nhất, mở các lớp huấn luyện chuyên môn về cứu thương, phòng cháy, chữa cháy, chống sập hầm, gỡ bom nổ chậm...

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Chợ Đồn, các kho tàng của Nhà nước như bách hóa, lương thực, vật tư... ở trung tâm huyện lỵ được phân tán xuống các xã Quảng Bạch, Phương Viên, Bình Trung, Yên Thịnh. Theo chủ trương của Huyện ủy, lúc cần, các kho ở các xã trên có thể phân tán thành lực lượng nhỏ hơn nữa trong các kho hợp tác xã, nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối. Việc vận chuyển hàng hóa tới các kho đều được thực hiện bằng người gánh và ngựa thồ. Lực lượng dân quân du kích đóng vai trò quan trọng trong việc vận chuyển, bảo vệ an toàn tài sản của Nhà nước.

Ở Bình Trung, do yêu cầu khẩn cấp phải chuẩn bị chỗ chứa hàng trăm tấn gạo của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ và sự nỗ lực của toàn dân, một thời gian rất ngắn xã đã xây dựng được kho Cốc Lùng (khu trường cấp 2 bây giờ).

Đứng trước âm mưu mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ra miền Bắc. Ngày 17-7-1965 Bộ Quốc phòng quyết định lấy một số xã ở Chợ Đồn làm nơi xây dựng an toàn khu (ATK) của Trung ương, thành lập công trường 65 (thực chất là công trường Z3)

xây dựng sở chỉ huy cao cấp ở khu căn cứ Chợ Đồn, bệnh viện ở Khuổi Châng và một đại đội pháo ở Khuổi Lào. Từ Bình Trung đến các xã khu tây là toàn tuyến xây dựng đơn vị. Cùng một lúc công trường 114 làm đường từ đèo So đến khu tây của huyện Chợ Đồn, người, xe đi lại rất đông, bất cứ lúc nào cũng có thể trở thành mục tiêu bắn phá của đế quốc Mỹ. Vì vậy, nhân dân các dân tộc xã Bình Trung luôn nêu cao cảnh giác, thực hiện 3 không (không biết, không thấy, không nghe). Ngoài ra, để giúp các đơn vị xây dựng ổn định chỗ ở, đồng bào còn khai thác gỗ tròn, vầu, nứa, lá cọ chuyển về Bản Thít, xã Lương Bằng cho các đơn vị xây dựng lán trại.

Bình Trung là xã miền núi, đi lại khó khăn, chủ yếu là đường mòn. Do vậy đã gây ra không ít trở ngại trong việc xây dựng hợp tác xã cũng như sinh hoạt của người dân. Từ khi Chính phủ ban hành chính sách thuế nông nghiệp, nhân dân các dân tộc trong xã Bình Trung đều vận chuyển thóc thuế bằng sức người và sức ngựa. Thóc thuế đi nộp ở các kho Yên Nhuận, Bằng Lãng, Bản Thi rồi Đông Viên, sau này kho mới chuyển về Nà Hấn, Bản Điếng (Bình Trung).

Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ, năm 1965, Nhà nước đã mở con đường chiến lược từ huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên qua đèo So vào xã Bình Trung - Bằng Lũng. Một nhánh từ Nà Duồng (xã Bằng Lãng) vào xã Yên Thượng, Yên Thịnh qua Kéo Mác ra Đài Thị (tỉnh Tuyên Quang). Con đường từ Bình Trung lên Bằng Lũng sau này gọi là đường 254.

Trước tình hình đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh trên diện rộng ở cả 2 miền Nam - Bắc, ngày 17-7-1966 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, nhưng nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do, đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn". Hưởng ứng lời kêu gọi cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chi bộ Đảng và nhân dân xã Bình Trung thực hiện sự lãnh đạo của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tổ chức các đợt tuyển chọn quân vào lực lượng vũ trang và dân quân du kích, nhằm từng bước nâng cao chất lượng, góp phần cùng toàn huyện xây dựng đủ số lượng dân quân trong thời chiến.

Tháng 9-1966, Đại hội Chi bộ xã Bình Trung lần thứ VI, nhiệm kỳ 1966-1968 được tổ chức. Qua kiểm điểm, Đại hội đánh giá: Những năm thực hiện cuộc vận động xây dựng hợp tác xã cũng như việc lãnh đạo cuộc cách mạng ở nông thôn đã đạt được kết quả, song cũng còn nhiều yếu kém. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra trình độ nhận thức văn hóa và chính trị còn non yếu. Công tác chỉ đạo 3 quản lý (quản lý sản xuất, quản lý lao động và quản lý tài vụ), 3 khoán (khoán diện tích, năng suất, sản lượng) còn nhiều bất cập, lực lượng trẻ có trình độ đi thoát ly hoặc huy động quân sự. Trong công tác xây dựng Đảng, cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt còn yếu kém, chưa tiến hành được sâu rộng. Các phong trào của quần chúng có nổi trội ở một số hạt nhân tích cực và kết nạp

được một số đảng viên mới nhưng trình độ cũng như nhận thức vẫn còn yếu kém, văn hóa chỉ hết lớp 2-4, chưa qua các lớp về lý luận và chính trị. Trước tình hình và nhiệm vụ mới là cả nước có chiến tranh, quán triệt đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ cứu nước, phương hướng được Chi bộ họp ra nghị quyết tiếp tục đẩy mạnh nhịp độ phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao cảnh giác, tăng cường luyện tập quân sự sẵn sàng chiến đấu huy động sức người tập trung, cấy hết diện tích lúa cả 2 vụ lẫn 1 vụ và hoa màu.

Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí, đồng chí Ma Văn Thường được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Ma Doãn Phụng được bầu làm Phó Bí thư.

Tiếp tục củng cố hậu phương và đẩy mạnh phong trào hợp tác xã, Chi bộ đã quyết định hợp nhất các hợp tác xã thành hợp tác xã quy mô lớn hơn. Theo đó, năm 1965, Hợp tác xã Quảng Bình và Nà Quân sáp nhập thành Hợp tác xã Quảng Bình do ông Nông Văn Đồng làm Chủ nhiệm. Năm 1967, Hợp tác xã Bản Điếng và Tân Trung sáp nhập thành Hợp tác xã Tân Thành do ông Hoàng Văn Chu làm Chủ nhiệm. Sau khi sáp nhập, 2 hợp tác xã được phát triển lên hợp tác xã bậc cao, cống hiến ruộng đất, trâu, tư liệu sản xuất cày, bừa vào hợp tác xã trên cơ sở bình giá các loại tư liệu sản xuất. Hợp tác xã bố trí lại số trâu cày, bừa cho đủ, con dư thừa bán bớt đi lấy tiền thanh toán dần cho xã viên, trong 3 năm đã trả xong tiền nợ trâu cho xã viên. Về trồng lúa xuân sớm, xuân muộn, bình quân đạt 150kg/bung, mở rộng diện tích cấy xuống ao,

năng suất bình quân 160kg chủ yếu là giống Mộc tuyền, còn lại là giống cũ.

Để thúc đẩy các hợp tác xã nông nghiệp và đi vào ổn định, hợp tác xã mua bán cũng tích cực đẩy mạnh công tác mua bán. Ngoài một số hàng phân phối theo định lượng trong thời chiến do Nhà nước quy định. Ban quản lý chủ động với cửa hàng cấp trên, xin mua thêm các mặt hàng có tính chất kinh doanh hoặc hàng đối lưu hay làm đại lý thu mua một số mặt hàng cho cửa hàng hợp tác xã mua bán huyện hay cửa hàng thương nghiệp Nhà nước. Mặt khác, các hợp tác xã nông nghiệp cũng trích một khoản lương thực bán hỗ trợ cho những gia đình xã viên bán lương thực, thực phẩm cho Nhà nước theo giá nghĩa vụ hay giá thỏa thuận để khuyến khích nhà nông tích cực sản xuất tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Từ năm 1964-1967, hợp tác xã không phát huy được vai trò của mình, năm 1968, hợp tác xã tín dụng Bình Trung chuyển sang làm đại lý tiết kiệm cho ngân hàng Nhà nước huyện Chợ Đồn, thay mặt ngân hàng thu chi trả tiền gửi cho nhân dân ở xã. Suốt 23 năm làm đại lý tiết kiệm (1968-10/1991) phong trào vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm của xã Bình Trung lên cao, năm nào cũng đạt chỉ tiêu của huyện giao và đứng vào loại cao của huyện (tính bình quân theo đầu người).

Thực hiện theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Đồn về quyết định thành lập Ban phòng không ở huyện và xã, Ban phòng không nhân dân xã Bình Trung được thành lập. Là hậu phương nằm trong khu căn cứ địa Việt Bắc, khu vực

ATK, trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Bình Trung tuy không có mục tiêu quân sự, kinh tế lớn nhưng có trục đường 254 đi qua, có cầu Bản Điếng và kho lương thực ở Bản Điếng vì vậy công tác phòng không nhân dân luôn được chú trọng, xã đã đặt trạm tác chiến trên các đỉnh núi, đào hào đặt bệ súng đề phòng khi có máy bay địch đến[1].

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo phong trào sản xuất nông nghiệp và sẵn sàng chiến đấu, công tác văn hóa - xã hội luôn được Chi ủy coi trọng. Trong 4 năm chiến tranh phá hoại ác liệt (1965-1968), công tác văn hóa, giáo dục của xã vẫn tiếp tục phát triển, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giáo dục, ý thức quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh cho mọi người dân. Đặc biệt, từ năm học 1965-1966, sau sự kiện Mỹ ném bom bắn phá (ngày 25-7-1966) ở xã Phương Viên, Ban Chi ủy đã chỉ đạo chuyển các lớp học vào sâu trong rừng rậm để học sinh tránh máy bay bắn phá, trường cấp 1 vào khe Khau Ngảu. Công tác đào hầm hào cho các trường và các lớp vỡ lòng được thực hiện khẩn trương.

Tháng 12-1968, Đại hội Chi bộ xã Bình Trung lần thứ VII, nhiệm kỳ 1969-1970 được tổ chức. Đại hội tổng kết lại một số công tác sản xuất và sẵn sàng phục vụ chiến đấu từ năm1965 trở lại. Đại hội đã đánh giá những mặt yếu của Chi bộ về tư tưởng và tinh thần. Đại hội nhấn mạnh cần tiếp tục hoàn thành việc thực hiện các chỉ tiêu trên giao về diện tích và sản lượng lúa xuân, hàng năm cấy hết

1. Ở Bình Trung có 1B cơ động, 1 khẩu đại liên, 1 đầu quan sát loại 1.

diện tích lúa mùa, đảm bảo việc thu mua lương thực đạt và vượt. Bên cạnh đó, để ổn định lớp vỡ lòng là nguồn cung cấp học sinh cho trường phổ thông, Chi ủy đã đề xuất với Đại hội là giáo viên vỡ lòng sẽ có thêm[1] một khoản trợ cấp công điểm được trích từ khoản công ích của hợp tác xã ra. Về giao thông, tiếp tục đẩy mạnh làm đường liên thôn, mở rộng đường tiểu mạch, làm thêm đường để tránh đường đi qua bờ ruộng... Đại hội cũng đã kiểm điểm công tác phòng không các gia đình, phải có hầm hào theo kiểu chữ A để tránh sức ép và sạt lở ở gần nhà.

Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 7 đồng chí, đồng chí Ma Văn Thường được bầu làm Bí thư, đồng chí Ma Doãn Phụng được bầu là Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Giai đoạn 1965-1968 là giai đoạn đặc biệt khó khăn của nhân dân miền Bắc, khi đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ: vừa sản xuất, vừa chiến đấu với đế quốc Mỹ, vừa chi viện cho chiến trường miền Nam. Nhưng với sự cố gắng hết mình của Chi bộ và nhân dân, Bình Trung đã góp phần cùng nhân dân miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, làm tròn nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương.

2. Nhân dân Bình Trung phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969-1973)

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) đã làm cho chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ thất

1. *Trước đây, giáo viên vỡ lòng chỉ miễn huy động dân công.*

bại, buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom ở miền Bắc và chuyển sang thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Trước tình hình đó, Đảng đã chỉ đạo nhân dân miền Bắc tiến hành khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục duy trì các hoạt động sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế củng cố hậu phương vững mạnh đồng thời tăng cường chi viện cho chiến trường miền Nam.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ lần thứ VII, giữa lúc xã viên các hợp tác xã đang hăng hái thi đua phát triển sản xuất, thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc đã qua đời. Đây là mất mát vô cùng to lớn của toàn Đảng và toàn dân ta. Ngay sau lễ truy điệu, Chi ủy đã phát động phong trào thi đua học tập theo Di chúc của Hồ Chủ tịch và thực hiện Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng "Quyết biến đau thương thành hành động cách mạng".

Trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, nhiệm vụ hàng đầu là phải vừa sản xuất, vừa chi viện cho chiến trường miền Nam. Cùng với nhân dân miền Bắc, nhân dân xã Bình Trung đã cố gắng huy động mọi nguồn lực hoàn thành nhiệm vụ mà cấp trên giao.

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Đồn về đẩy mạnh thâm canh tăng vụ. Chi bộ Đảng Bình Trung đã tăng cường lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh chăm sóc lúa mùa. Bước sang năm 1969, do lượng phân bón và thuốc trừ sâu được cung cấp đầy đủ, nên vụ mùa 1969 lúa khá tốt nhưng đến giữa vụ bị bão lũ tàn phá làm cho diện tích trồng lúa và hoa màu bị thiệt hại, đặc

biệt là các chân ruộng ở bờ khe, bờ suối đã bị lũ cuốn trôi hoặc bị sạt lở vùi lấp. Tổng sản lượng lương thực toàn xã bị giảm so với chỉ tiêu nhưng chỉ tiêu thuế và lương thực của xã vẫn hoàn thành. Bán thóc nghĩa vụ được trên 42 tấn, đạt 93% so với chỉ tiêu.

Từ khi có chủ trương cho nhân dân bán lợn, gà, vịt nghĩa vụ, xã chưa năm nào đạt chỉ tiêu. Từ thập kỷ 80 trở về trước, lợn nuôi tại địa phương thường chậm lớn, muốn có lợn cân nặng 70-80kg phải nuôi 2 năm tuổi, phương thức chăn nuôi thiếu thức ăn, chỉ có cám gạo nấu với thân cây chuối và dây lang, gia đình neo đơn chăn nuôi ít lợn chỉ 1-2 con lợn.

Để khắc phục tình trạng thiếu thực phẩm nghĩa vụ, một mặt xã giao chỉ tiêu mua trứng gà, trứng vịt để bù vào chỉ tiêu nghĩa vụ thực phẩm thông qua cửa hàng hợp tác xã mua bán, vận động gia đình có lợn to bán vượt chỉ tiêu định mức của gia đình mà xã giao cho, đồng thời tập thể hợp tác xã bán thóc để hỗ trợ và khuyến khích hộ gia đình bán lợn. Mỗi cân lợn hơi nằm trong nghĩa vụ được mua 2kg thóc, nếu số vượt sẽ tăng thêm 1kg nữa tất cả đều theo giá chỉ đạo của Nhà nước.

Trong công tác văn hóa, giáo dục, năm học 1969-1970 trường cấp I phải sơ tán từ Khau Ngảu đi bản Tảng (Nà Quân). Ngoài trường cấp I, xã còn thành lập được 5 lớp vỡ lòng ở 5 hợp tác xã nông nghiệp, mỗi lớp 10 cháu. Tại mỗi hợp tác xã nông nghiệp còn tổ chức được 1 lớp xóa mù chữ cho thanh niên, mỗi lớp gần 10 người và 1 lớp bổ túc cho thanh niên ở trung tâm xã hơn 20 người, học vào ban đêm.

Ngày 25-3-1969, trạm xá xã được chuyển từ Leo Cù sang Nà Oóc cũng vẫn là một nhà gỗ 4 gian, phên nứa lợp lá cọ. Năm 1970, được xã ủng hộ, các hợp tác xã nhất trí, nhân dân hưởng ứng, trạm xá đã làm thêm được 2 ngôi nhà gỗ, mỗi nhà 3 gian.

Năm 1970, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái triển khai cuộc vận động trong toàn Đảng bộ về việc thực hiện 3 nghị quyết lớn của Trung ương và Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng bộ huyện Chợ Đồn nhằm mục tiêu động viên mọi lực lượng lao động của toàn xã hội tích cực lao động sản xuất và thực hiện Nghị quyết 20/NQ-CP của Hội đồng Chính phủ về tăng cường chế độ làm việc tập thể của nông thôn, Nghị quyết 195/NQ-TW của Bộ Chính trị và cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên. Các nghị quyết trên đã được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Đồn triển khai trong toàn Đảng bộ suốt 2 năm 1970-1971.

Thực hiện chủ trương, nghị quyết của các cấp, Chi bộ luôn coi trọng xây dựng Đảng về mọi mặt, nhất là sau khi học tập Nghị quyết 159 của Trung ương, công tác xây dựng Đảng được quán triệt hơn, được củng cố thêm về tư tưởng và tổ chức. Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên đã thúc đẩy mọi công tác của địa phương, tư tưởng đảng viên được nâng cao, bộ máy lãnh đạo cơ sở được củng cố, kiện toàn thêm một bước.

Để phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn trên các mặt trận sản xuất, phân phối và quản lý xã hội, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ

Đồn đã tăng cường chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 197/ NQ-TW của Bộ Chính trị. Trước mắt, trong điều kiện cụ thể, Chợ Đồn phấn đấu 3 mục tiêu trên 500ha ruộng: bảo đảm mỗi ha gieo trồng 2 vụ đạt 5 tấn thóc; bình quân 2,2 con lợn; 1,3 lao động trên 1ha gieo trồng. Chi bộ Đảng xã Bình Trung đã triển khai học tập và lên kế hoạch nhưng về thực tế còn nhiều mặt yếu kém chưa đạt chỉ tiêu.

Vụ đông xuân 1969-1970, các hợp tác xã đều cấy hết diện tích lúa chiêm xuân, đạt chỉ tiêu giao 100%. Tuy nhiên, diện tích cây ngô vẫn là giống ngô địa phương năng suất không cao, cả xã chỉ có Hợp tác xã Tân Thành có nhiều soi bãi để quản lý và phân phối chung.

Năm 1970, Ban Chi ủy triển khai học tập Nghị quyết 84 của Trung ương Đảng và Chỉ thị 59 của Tỉnh ủy Bắc Thái về ổn định nghĩa vụ lương thực trong thời gian 5 năm (1970-1974) nhằm khuyến khích các hợp tác xã nông nghiệp phấn khởi và tích cực thâm canh, tăng vụ phát triển các loại cây màu. Đó là một chủ trương mới được nhân dân hưởng ứng.

Nhìn chung, tình hình sản xuất nông nghiệp năm 1970 đạt chỉ tiêu giao đạt. Tuy nhiên, vụ mùa năm 1970 bị thất thu, do bị lũ cuốn, mương phai bị hỏng nên việc cung cấp nước bị thiếu. Ban Chi ủy đã chỉ đạo khắc phục tu sửa mương phai. Vụ Đông Xuân 1970-1971 do đủ nước nên nhân dân đã cấy hết diện tích. Ngoài cây lúa, xã còn trồng được 150.000 gốc sắn.

Để quản lý lao động tập trung vào sản xuất tập thể, chính quyền xã nắm chắc các khoản lương thực để đảm

bảo nghĩa vụ cho Nhà nước và hạn chế sản xuất tư hữu, thực hiện theo các quy định của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện: tập thể quản lý 100% đối với lúa gạo và ngô, người nào sản xuất ngoài tập thể hợp tác xã bình xét đưa vào cân đối.

Hàng năm hợp tác xã mua bán còn hợp đồng với các cơ quan Nhà nước và các cá nhân có nhu cầu mua lá cọ để nhân dân khai thác bán tăng thêm thu nhập.

Đi đôi với việc chăm lo phát triển kinh tế, Chi bộ còn quan tâm chỉ đạo việc xây dựng nếp sống mới, quy ước nếp sống mới được xây dựng và thông qua. Các thầy mo, thầy cúng được tập trung lên huyện học tập, đồ nghề, sách vở cúng bái mang lên nộp tại Ủy ban xã. Theo quy ước, tang ma do hợp tác xã đứng ra tổ chức theo nếp sống mới, có điếu văn, vòng hoa, mọi người có trách nhiệm đưa người quá cố đến nơi an nghỉ cuối cùng. Đối với đám cưới, nhà gái thực hiện không thách cưới, tổ chức gọn nhẹ, không ghi tiền mừng đám cưới.

Năm 1970, Đại hội Chi bộ xã Bình Trung lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1970-1973 được tổ chức. Đại hội kiểm điểm lại công tác của nhiệm kỳ 1969-1970 và đánh giá: Nhiệm kỳ trước đã đạt được nhiều kết quả, song những hạn chế như ổn định nghĩa vụ lương thực 5 năm chưa thực hiện được, hàng hóa chủ yếu phân phối theo định lượng... Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tiếp theo. Đại hội đã bầu Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí, đồng chí Ma Văn Thường được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Ma Doãn Phụng làm Phó Bí thư.

Trên đà thắng lợi một số mặt trong công tác lãnh đạo sản xuất và thực hiện chủ trương của Đảng, Chi bộ Đảng tiếp tục đẩy mạnh củng cố tổ chức Đảng, chủ yếu là tập trung củng cố các Ban quản trị các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

Năm 1971, Ban Chi ủy họp mở rộng bàn công tác giúp đỡ miền xuôi sau trận lụt theo mức giao của huyện, Bình Trung ủng hộ 5.000 tàu lá cọ, 3 con trâu, 1 tấn thóc, bán cho Nhà nước hàng vạn tàu lá cọ, cây tre mai.

Đối với công tác quốc phòng quân sự địa phương, Ban Chi ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, củng cố Ban chỉ huy quân sự xã. Hàng năm đều kiểm tra lại vũ khí, tổ chức huấn luyện các phương án tác chiến và địa điểm phòng không, kết hợp huấn luyện có tổ chức diễn tập.

Bước sang năm 1972, tình hình trong nước và thế giới có những biến đổi lớn. Trước nguy cơ phá sản của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, ngày 6-4-1972, Tổng thống Mỹ Ních xơn điên cuồng cho máy bay trở lại bắn phá miền Bắc nước ta. Ngay trong năm 1972, Bình Trung đã tiễn đưa 2 đợt tất cả 33 người lên đường nhập ngũ. Đây là năm có số lượng tuyển quân cao nhất trong 10 năm của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 81 máy bay các loại, trong đó có 34 máy bay B52, buộc Tổng thống Mỹ Ních-xơn phải tuyên bố chấm dứt các hoạt động quân sự, ném bom phá hoại miền Bắc. Đây là thất bại chưa từng có trong lịch sử các cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ. Thất bại trên bầu trời Hà Nội và

miền Bắc trong 12 ngày đêm đã buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari (ngày 27-1-1973) chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

3. Bình Trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, chi viện cho tiền tuyến, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973-1975)

Hiệp định Pari được ký kết, miền Bắc được hòa bình, nhân dân tập trung vào khôi phục và phát triển kinh tế, thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn cho tiền tuyến miền Nam. Chi bộ Đảng xã Bình Trung đã cùng với nhân dân cả nước thực hiện di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào", buộc Mỹ phải rút toàn bộ quân khỏi Việt Nam. Nhân dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ "đánh cho Mỹ cút". Giờ đây, nhân dân Bình Trung sát cánh cùng với nhân dân miền Bắc và cả nước, dốc toàn lực cho chiến trường miền Nam thực hiện "đánh cho Ngụy nhào", hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, ngày 28-1-1973, Trung ương Đảng, Chính phủ đã ra lời kêu gọi quân và dân cả nước tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố thắng lợi ở miền Bắc, tăng cường chi viện tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thực hiện sự lãnh đạo của Huyện ủy, Chi bộ Đảng xã Bình Trung đã mở đợt sinh hoạt chính trị học tập, nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ tới cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Bình Trung. Chi bộ Đảng đã phát động phong trào thi

đua lập thành tích trong lao động, sản xuất, thực hành tiết kiệm; làm tốt công tác hậu phương quân đội, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Để củng cố Chi bộ Đảng và công tác xây dựng Đảng, đến ngày 4-3-1973, Chi bộ triệu tập Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 1973-1975. Đại hội đã đánh giá những kết quả đạt được của nhiệm kỳ trước, vạch ra một số nhược điểm xuất phát từ hoàn cảnh của địa phương và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; đồng thời, đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 1973-1975. Đại hội đã bầu 7 đồng chí vào Ban Chi ủy, đồng chí Nông Văn Đồng được bầu làm Bí thư, đồng chí Ma Văn Hiệp được bầu làm Phó Bí thư.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Chợ Đồn, Chi bộ tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất. Vụ đông xuân 1972-1973, xã đã cấy hết diện tích lúa chiêm xuân, chủ yếu là giống có năng suất cao như Mộc tuyền, Nông nghiệp 8. Năm 1973, xã triển khai cấy lúa chăng dây thẳng hàng theo hướng Đông - Tây. Việc triển khai này bước đầu cũng gặp khó khăn do có ý kiến làm giảm tốc độ cấy của chị em, song về sau cũng quen dần thành phong trào.

Thực hiện mức phấn đấu của huyện đưa tổng sản lượng lương thực năm 1974 lên 500 tấn, bình quân lương thực 21kg/người/tháng, Chi bộ và chính quyền xã đã tiến hành củng cố lại các hợp tác xã, quản lý lại lao động, nâng cao tổ chức sản xuất. Đảng bộ huyện Chợ Đồn cũng cử một đoàn cán bộ có nghiệp vụ tài chính tài vụ xuống giúp

các cơ sở hợp tác xã thanh quyết toán tài chính công khai, hướng dẫn các hợp tác xã mở rộng ngành nghề. Nhờ đó, tư tưởng xã viên tương đối ổn định, phong trào hợp tác xã được giữ vững.

Vụ Đông Xuân 1974-1975 của xã được đánh giá là có bước phát triển tốt, các hợp tác xã làm phương án ăn chia quyết toán sớm nên việc thực hiện điều hòa cân đối được sớm hơn, cả xã đã hoàn thành việc nộp thuế xong trước ngày 30-1-1976. So với những năm trước, việc thực hiện nộp thuế nhanh hơn do vụ đông xuân và vụ mùa được triển khai chuẩn bị tốt hơn.

Bình Trung là xã có thế mạnh về rừng, rừng chiếm hơn 90% diện tích của xã nhưng trong suốt thời kỳ hợp tác xã, nạn phá rừng làm nương rẫy vẫn diễn ra thường xuyên. Nhân dân chỉ khai thác lá cọ là chính và một số lâm sản khác. Một số loại cây ăn quả, cây đan lát và gia dụng như tre, mai, hóp... được nhân dân trồng rất phổ biến.

Quy ước nếp sống mới vẫn được tiếp tục vận động thực hiện để tiến tới xóa bỏ hoàn toàn những hủ tục cũ. Duy trì và tiếp tục cải tiến các phương thức, nghi lễ khi tổ chức tang ma, đám cưới theo nếp sống mới phù hợp với hoàn cảnh và tình thế.

Hiệp định Pari được ký kết có hiệu lực đã tạo ra không khí phấn khởi trong nhân dân, xã viên hợp tác xã. Một số quân nhân hoàn thành nhiệm vụ, xuất ngũ lần lượt trở về, sau thời gian nghỉ, tùy theo sức khỏe, đã được bổ sung đảm nhiệm một số công tác của địa phương.

Công tác giáo dục tiếp tục được quan tâm. Từ năm học 1974-1975, trường cấp I xã Bình Trung đã mở thêm lớp 5 và lớp 6 và đổi tên là trường cấp I, II Bình Trung.

Công tác y tế được quan tâm. Xã đã hoàn thành dứt điểm 4 công trình vệ sinh gồm: hố xí, giếng nước (hoặc máng nước), buồng tắm hợp vệ sinh và rời chuồng gia súc, gia cầm ra xa nhà. Năm 1973, trạm xá xã được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong công tác này. Năm 1975, trạm xá xã đã xin được kinh phí để đóng giường cho bệnh nhân, sản phụ và nhân viên trong trạm. Ban Chi ủy tiếp tục củng cố phong trào 3 dứt điểm của công tác y tế để tiến tới hết năm 1973, 100% số hộ có đủ 3 công trình hố xí, giếng nước và buồng tắm.

Trải qua 15 năm kể từ ngày có hợp tác xã (1960-1975), việc xây dựng và củng cố hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán đã đóng vai trò tích cực là ổn định đời sống của người dân, xóa bỏ giai cấp bóc lột ở nông thôn cũng như đấu tranh ở 2 hệ tư tưởng tập thể và cá thể, huy động thanh niên tham gia các lực lượng vũ trang hay đi chiến đấu ở các chiến trường bảo vệ và thống nhất đất nước.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Bình Trung có số dân ít nhưng số người tham gia các chiến trường chiếm tỷ lệ cao. Từ năm 1954-1975 toàn xã Bình Trung có 85 người đi bộ đội, chỉ tính riêng năm 1972, có thời điểm có 33 người nhập ngũ.

Công tác an ninh đảm bảo an toàn xã hội được Ban Chi ủy hết sức coi trọng. Ban Công an xã do đồng chí

Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính - Chi ủy viên làm Trưởng ban. Từ sau Cách mạng tháng Tám thành công ở Bình Trung đến thời điểm này xã không có tổ chức đảng phái phản động. Ban Công an xã đã theo dõi và nhắc nhở những người sai phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội cờ bạc, trộm cắp, nghiện hút.

Công tác phát triển Đảng được chú trọng. Những hạt nhân tích cực được Chi bộ đưa vào để theo dõi, giúp đỡ, bồi dưỡng. Tuy nhiên, một thời gian dài, từ 1965-1972 Chi bộ chỉ kết nạp được 6 đảng viên, do những hạt nhân tích cực lần lượt đi thoát ly và nhập ngũ. Đối với lực lượng nữ một số người được Chi bộ sắp sếp vào cương vị lãnh đạo ngành, đoàn thể, hợp tác xã nhưng cũng chỉ 1-2 khóa xin rút vì năng lực và hoàn cảnh gia đình.

Sau 17 năm (1958-1975) phấn đấu, từ 1 chi bộ với 14 đảng viên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện Chợ Đồn, Chi bộ xã Bình Trung đã lãnh đạo nhân dân một lòng theo Đảng trên con đường làm ăn tập thể, thực hiện thành công kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, làm thay đổi diện mạo nông thôn, kinh tế, văn hóa - xã hội phát triển, an ninh - chính trị được giữ vững. Bên cạnh đó, Chi bộ Đảng đã cùng với quân và dân miền Bắc đập tan hai đợt tấn công phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, góp phần không nhỏ vào thắng lợi chung của toàn dân tộc. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, Chính phủ đã tặng 10 Huân chương kháng chiến hạng Nhất, 21 Huân chương kháng chiến hạng Nhì, 40 Huân chương kháng chiến hạng Ba, 25 Huy chương kháng chiến hạng Nhất

và 26 Huy chương kháng chiến hạng Nhì cho các tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong kháng chiến.

Trải qua những năm tháng đấu tranh cách mạng, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Bình Trung đã rèn luyện cho mình lập trường chính trị vững vàng, ý chí kiên cường trong đấu tranh cũng như trong lao động sản xuất. Những thành công và bài học kinh nghiệm rút ra từ sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng xã Bình Trung trong thời gian qua vừa là niềm tự hào, vừa là cơ sở quan trọng để Bình Trung bước vào thời kỳ xây dựng và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chương V

CHI BỘ, ĐẢNG BỘ BÌNH TRUNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT VÀ THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÁC KẾ HOẠCH CỦA NHÀ NƯỚC (1975-1985)

I. NHÂN DÂN BÌNH TRUNG KHÔI PHỤC KINH TẾ, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ HAI VÀ THAM GIA BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1980)

Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ - ngụy và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc và thế lực tay sai ở nước ta. Từ đây, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, non sông thu về một mối, Bắc - Nam sum họp một nhà. Hòa chung niềm vui của dân tộc, Chi bộ và nhân dân Bình Trung phấn khởi, vững tin bước vào thời kỳ cách mạng mới: Thời kỳ khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước đưa quê hương tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa với những thời cơ và thách thức mới.

Cùng với cả nước, nhân dân Bình Trung sôi nổi thi đua thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã đề ra, tập trung chủ yếu vào củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đẩy mạnh sản xuất, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước. Trong các bản làng, tinh thần cách mạng của quần chúng dâng cao trở thành nguồn lực to lớn của Bình Trung trong thời kỳ tập trung lực lượng xây dựng đất nước.

Ngày 29-9-1975, Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nêu rõ nhiệm vụ quan trọng của cách mạng nước ta trong tình hình mới là: "Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội"[1].

Nhìn lại 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp cách mạng của Chi bộ và nhân dân xã Bình Trung đã đạt được những thành tựu nhất định. Cơ sở vật chất ban đầu của xã hội mới đã được xây dựng. Đó chính là kết quả của sự lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu kiên cường, dũng cảm của nhân dân Bình Trung.

Tuy nhiên, do vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa làm nhiệm vụ của hậu phương lớn, nên "quá trình tiến lên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 36 (1975), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 397.

sản xuất lớn bị chậm lại vài ba kế hoạch 5 năm". Đến năm 1975, kinh tế của Bình Trung chủ yếu vẫn là sản xuất nông nghiệp, mang nặng tính thuần nông, tự cung tự cấp, kỹ thuật sản xuất thâm canh còn lạc hậu, nông cụ chưa được cải tiến, phân công lao động chưa được hợp lý, cơ chế quản lý lại nặng về tập trung quan liêu, bao cấp... Vì vậy, chưa thể đáp ứng đủ nhu cầu của đời sống xã hội, nhất là nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân. Trong khi đó, các công trình hạ tầng cơ sở được xây dựng trước đây chưa được quy hoạch đồng đều, lại bị chiến tranh, thời gian tàn phá, nên bị xuống cấp nghiêm trọng, đòi hỏi phải được tu sửa hoặc xây dựng lại. Việc ổn định lại tình hình kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống trở thành nỗi trăn trở thường xuyên của Chi bộ và nhân dân Bình Trung.

Cùng với khó khăn về kinh tế, tình hình văn hóa - xã hội của Bình Trung cũng còn tồn tại một số hạn chế. Tệ nạn xã hội vẫn thường xuyên xảy ra. Hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học thiếu thốn, xuống cấp nghiêm trọng. Trong lĩnh vực y tế, mặc dù Chi bộ và chính quyền đã có nhiều cố gắng để xây dựng mạng lưới y tế từ xã xuống thôn bản, nhưng cơ sở vật chất, trang thiết bị và thuốc men vẫn còn rất nghèo nàn. Cùng với đó là sự bùng nổ dân số, tỉ lệ sinh cao, khiến đời sống nhân dân các dân tộc ở Bình Trung gặp rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Chi bộ Bình Trung đã quyết định củng cố hợp tác xã nông nghiệp, tích cực giải quyết những khó khăn của những năm trước, quản lý chặt chẽ công tác

khoán, động viên nhân dân tích cực sản xuất, trước mắt là tập trung chống hạn, chăm sóc đồng ruộng. Kết quả vụ đông xuân 1974-1975 đã cấy được 612 bung[1] đạt 100% chỉ tiêu trên giao, năng suất lúa 220kg/bung.

Tháng 6-1975, Đại hội Chi bộ Đảng xã Bình Trung lần thứ X, nhiệm kỳ 1975-1977 được tổ chức. Đại hội đã đánh giá Bình Trung là xã vùng cao không có công trường, không có chợ, nền sản xuất độc canh cây lúa, ruộng đất ở rải rác, năng suất lao động thấp... nhưng Ban Chi ủy nhiệm kỳ trước đã lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt các chỉ tiêu, biện pháp kỹ thuật, đưa tổng sản lượng lương thực hàng năm tăng, các lĩnh vực khác cơ bản ổn định. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đã đạt được của nhiệm kỳ trước, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới.

Đại hội đã bầu Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí: đồng chí Ma Doãn Phụng được bầu làm Bí thư, đồng chí Ma Văn Hiệp được bầu làm Phó Bí thư, đồng chí Triệu Du Sạch, đồng chí Trương Đình Chu và đồng chí Hoàng Xuân Tường là Ủy viên.

Sau Đại hội, quán triệt phương hướng chỉ đạo của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 (khóa III), Chi bộ tập trung tinh thần, sức lực lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất.

---

1. Đơn vị tính: 1 bung = 1000m².

Vụ Đông Xuân 1975-1976 thời tiết không ổn định, rét kéo dài mạ chiêm chết nhiều, nhân dân phải gieo mạ xuân muộn để đảm bảo diện tích gieo cấy. Nhờ chăm sóc, bón phân tốt cho nên sản lượng vụ đông xuân 1975-1976 tăng, đời sống của nhân dân được ổn định. Bước đầu, các gia đình đã chú trọng chăn nuôi trâu, lợn và thả cá để tạo ra thực phẩm.

Trong không khí thi đua đẩy mạnh sản xuất, ngày 25-4-1976, nhân dân Bình Trung nô nức tham gia cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI cùng nhân dân cả nước. Đây là lần thứ hai sau 30 năm (tháng 1-1946), nhân dân Bình Trung được tham gia cuộc Tổng tuyển cử có quy mô lớn toàn quốc. Hơn 98,8% số cử tri của xã đã đi bầu cử, sáng suốt lựa chọn những đại biểu có đức, có tài vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Đây là một thắng lợi của nhân dân Bình Trung nói riêng và nhân dân Chợ Đồn nói chung. Trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa mới, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được đổi tên thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Ủy ban hành chính được đổi thành Ủy ban nhân dân. Ủy ban hành chính xã Bình Trung được đổi thành Ủy ban nhân dân xã Bình Trung, do đồng chí Ma Văn Hiệp làm Chủ tịch.

Tháng 12-1976, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đại hội thông qua nghị quyết đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế

hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980), nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước và cải thiện đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Tiếp đó, Nghị quyết 288 của Ban Bí thư về quản lý kinh tế, Chỉ thị 208, Chỉ thị 209 của Ban Bí thư về tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông nghiệp, chống tham ô, lãng phí được triển khai và tiến hành tích cực. Quan hệ sản xuất tập thể không ngừng được xác lập với việc tổ chức lại sản xuất, thực hiện mô hình đội chuyên, nhóm chuyên khâu sản xuất và chế độ "ba khoán": khoán việc, khoán sản lượng, khoán công điểm. Cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế từng bước được xây dựng.

Ngày 28-2-1977, Đại hội Chi bộ lần thứ XI nhiệm kỳ 1975-1977 được tổ chức. Đại hội thông qua báo cáo của nhiệm kỳ trước và phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 1977-1979. Đại hội đã bầu 5 đồng chí vào Ban Chi ủy, đồng chí Ma Doãn Tường được bầu làm Bí thư, đồng chí Trương Đình Chu được bầu làm Phó Bí thư, đồng chí Triệu Du Sạch làm Thường trực Đảng.

Năm 1977 là năm đầu tiên Bình Trung thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV. Ngay từ đầu năm, quán triệt sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Ban Chi ủy xã đã tập trung huy động sức lực của tất cả các ban, ngành, đoàn thể để phục vụ nông nghiệp, nhằm cố gắng giải quyết nhu cầu của nhân dân về lương thực và thực phẩm. Ngày 19-4-1977, Chi bộ đã tổ chức học tập trong Đảng và ngoài quần chúng nhân dân về việc tiến hành ký